

# **Quy Hoạch Chung Xây Dựng Thủ Đô Hà Nội**

## **đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050**

*Tài liệu phục vụ báo cáo lần 2*

03/08/2009

# Nội dung

A	Khung làm việc	1	Kế hoạch thực hiện
B	Thực trạng Thủ Đô Hà Nội	2	Vị trí và bối cảnh vùng
		3	Tóm tắt hiện trạng
		4	Dự báo về tăng trưởng và kinh tế
C	Chiến lược phát triển	5	Tiêu chí phát triển
		6	Chiến lược và các phương án phát triển
		7	Phương án A & B
		8	Đánh giá các phương án
		9	Phương án C
		10	Trung tâm hành chính quốc gia
		11	Rà soát đồ án, dự án
		12	Đô thị trung tâm
		13	Quy hoạch 2 bên sông Hồng
		14	Định hướng hạ tầng kỹ thuật
		15	Bảo tồn di sản
		16	Minh họa các đô thị vệ tinh
D	Định hướng sử dụng đất	17	Các bước tiếp theo
	Phụ lục	18	Phụ lục

Kế hoạch  
thực hiện

# Kế hoạch thực hiện



## 1. Đánh giá Điều kiện hiện trạng

- Xác định các vấn đề hiện nay
- Xác định tiềm năng

## 2. Phân tích bài học quốc tế

- Nghiên cứu sâu các vấn đề
- Xác định các mốc phát triển

## 3. Xác định yếu tố tác động chính

- Phát triển các tiềm năng
- Mục tiêu và các mốc phát triển

## 4. Tạo tầm nhìn

- Hướng phát triển
- Các kịch bản cho năm 2020, 2030, tầm nhìn 2050

# Kế hoạch và Mục tiêu

## Yêu cầu của các báo cáo

Báo cáo	Yêu cầu theo phụ lục B	Yêu cầu theo Nhiệm vụ quy hoạch đô thị
<b>Tháng 3 - 4</b> <b>Báo cáo lần 1</b>  <b>Mục đích &amp; Mục tiêu</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đánh giá điều kiện hiện trạng Hà Nội</li> <li>• Các kịch bản cho năm 2020, 2030, 2050</li> <li>• Các ý tưởng phát triển đô thị</li> <li>• Tiêu chí, mục tiêu của Hà Nội</li> <li>• Kinh nghiệm quốc tế</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>a) Điều kiện hiện trạng</li> <li>b) Bối cảnh quốc tế và trong nước</li> <li>c) Tiềm năng và động lực phát triển</li> </ul>
<b>Tháng 6 - 7</b> <b>Báo cáo lần 2</b>  <b>Định hướng Phát triển không gian</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kinh tế đô thị</li> <li>• Phát triển ý tưởng</li> <li>• Định hướng phát triển không gian</li> <li>• Những ý tưởng ban đầu cho các khu vực chính</li> <li>• Những ý tưởng ban đầu về sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật, nhà ở, giao thông</li> <li>• Những ý tưởng ban đầu về quy hoạch lại các khu vực cũ/bảo tồn</li> <li>• Đánh giá ban đầu mang tính chiến lược về môi trường</li> <li>• Bảo vệ, cải tạo và phát triển mới</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>d) Định hướng phát triển không gian</li> <li>e) Các giải pháp quy hoạch</li> <li>f) Định hướng phát triển</li> <li>g) Định hướng sử dụng đất</li> <li>i) Các vấn đề bảo tồn</li> </ul>
<b>Tháng 9 - 10</b> <b>Báo cáo lần 3</b>  <b>Đề xuất kĩ thuật</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đò án cuối cùng</li> <li>• 2020, 2030, 2050</li> <li>• Các tiêu chí và ý tưởng chính (các yếu tố tác động)</li> <li>• Phát triển không gian (tổng thể và các khu vực trọng điểm)</li> <li>• Quy hoạch hạ tầng</li> <li>• Quy hoạch sử dụng đất</li> <li>• Gìn giữ và bảo tồn</li> <li>• Tiềm năng xây dựng ngầm đô thị</li> <li>• Đánh giá môi trường chiến lược</li> <li>• Tài chính đô thị</li> <li>• Những đề xuất quy định quản lý đô thị</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>f) Định hướng phát triển</li> <li>g) Định hướng sử dụng đất</li> <li>h) Định hướng về hạ tầng kỹ thuật</li> <li>i) Các vấn đề bảo tồn</li> <li>k) Các quy hoạch xây dựng ngắn hạn</li> <li>l) Quản lý quy hoạch</li> <li>m) Đề xuất về đầu tư</li> </ul>

## Vị trí và Bối cảnh vùng

2

# Bối cảnh quốc tế

Vùng ảnh hưởng  
-Đông Nam Á  
- Nam Trung Hoa  
- Đông Bắc Á  
- Nằm trong tam giác  
kinh tế Côn Minh –  
Hà Nội – Nam Ninh



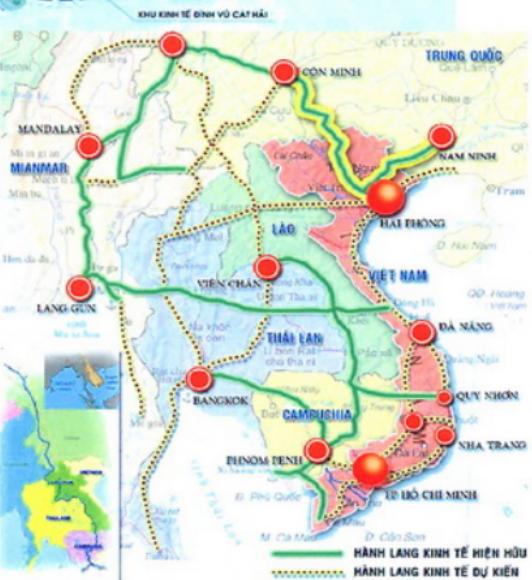
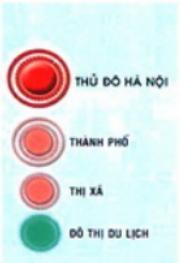
## KÍ HIỆU

- THỦ ĐÔ HÀ NỘI
- > 15 TRIỆU NGƯỜI
- 10-15 TRIỆU NGƯỜI
- 5-10 TRIỆU NGƯỜI
- 1,5-5 TRIỆU NGƯỜI
- < 1,5 TRIỆU NGƯỜI

- HÀNG LẠNG KINH TẾ
- TAM GIÁC TĂNG TRƯỞNG
- BẢN KÍNH ẢNH HƯỞNG
- MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC KHU VỰC

- DƯỜNG CAO TỐC QUỐC TẾ
- DƯỜNG CAO TỐC KHU VỰC
- DƯỜNG GIAO THÔNG KHU VỰC

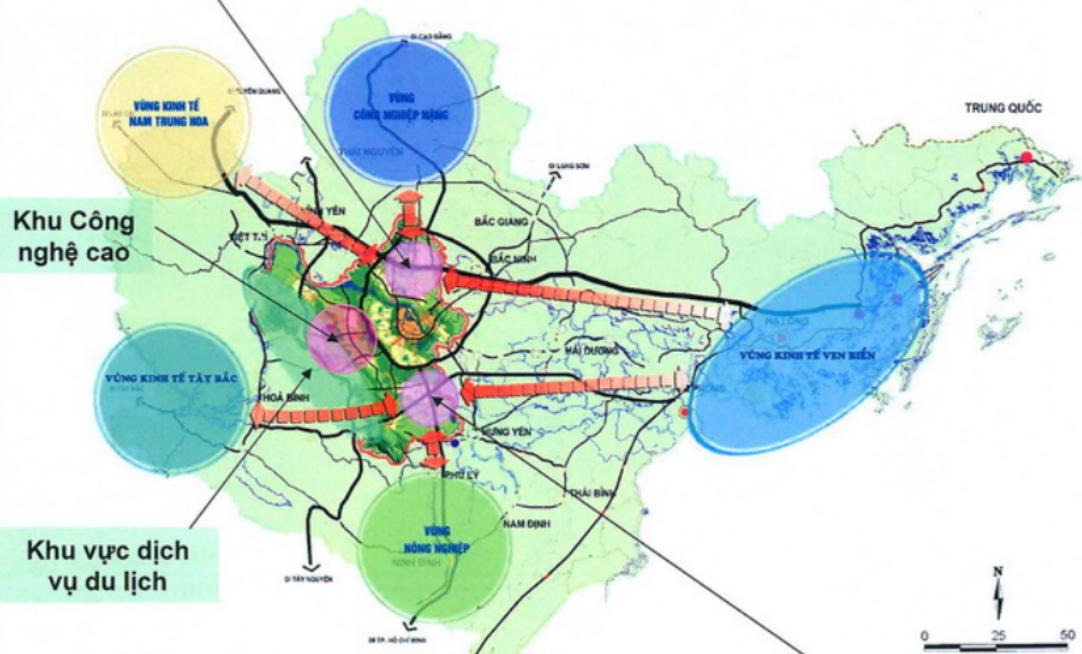
# Bối cảnh Vùng kinh tế



- 3 hành lang, 1 vành đai
- Liên kết với vùng Nam Trung Hoa
- Liên kết chặt với kinh tế biển

# Bối cảnh Khu vực

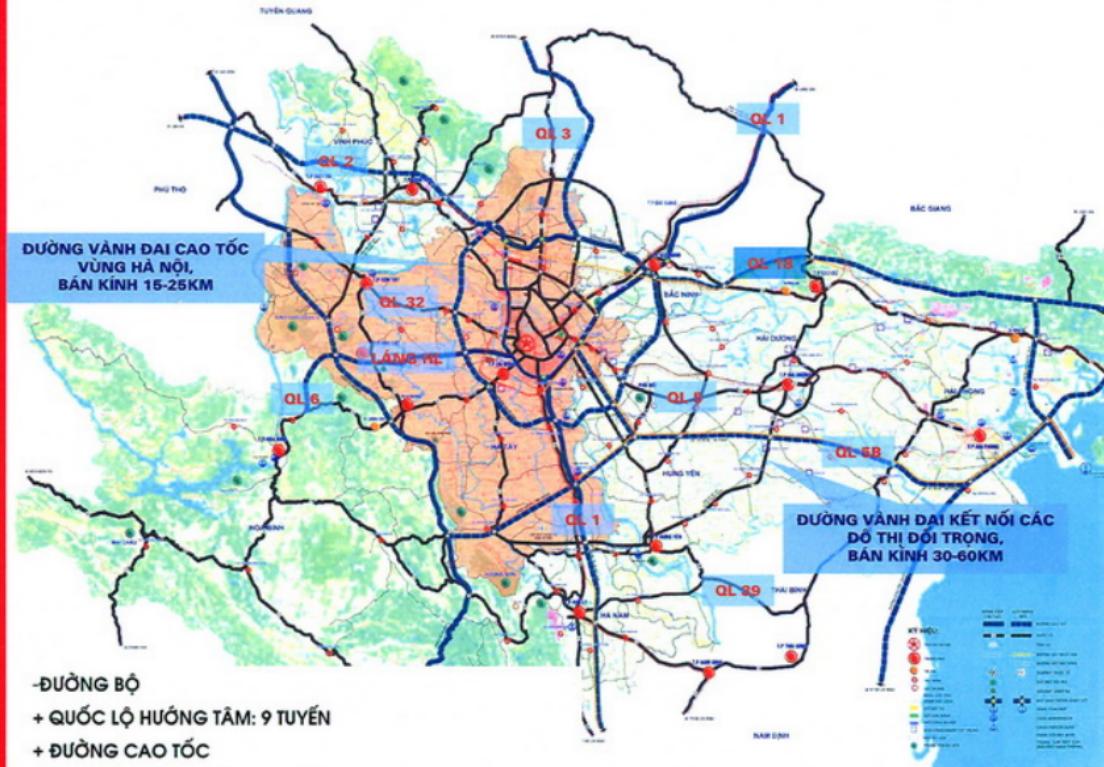
- Vùng CN phụ trợ, CN chế xuất...  
Dịch vụ tiếp vận,  
trung chuyển hàng hóa (logistic)



Khu vực dịch  
vụ du lịch

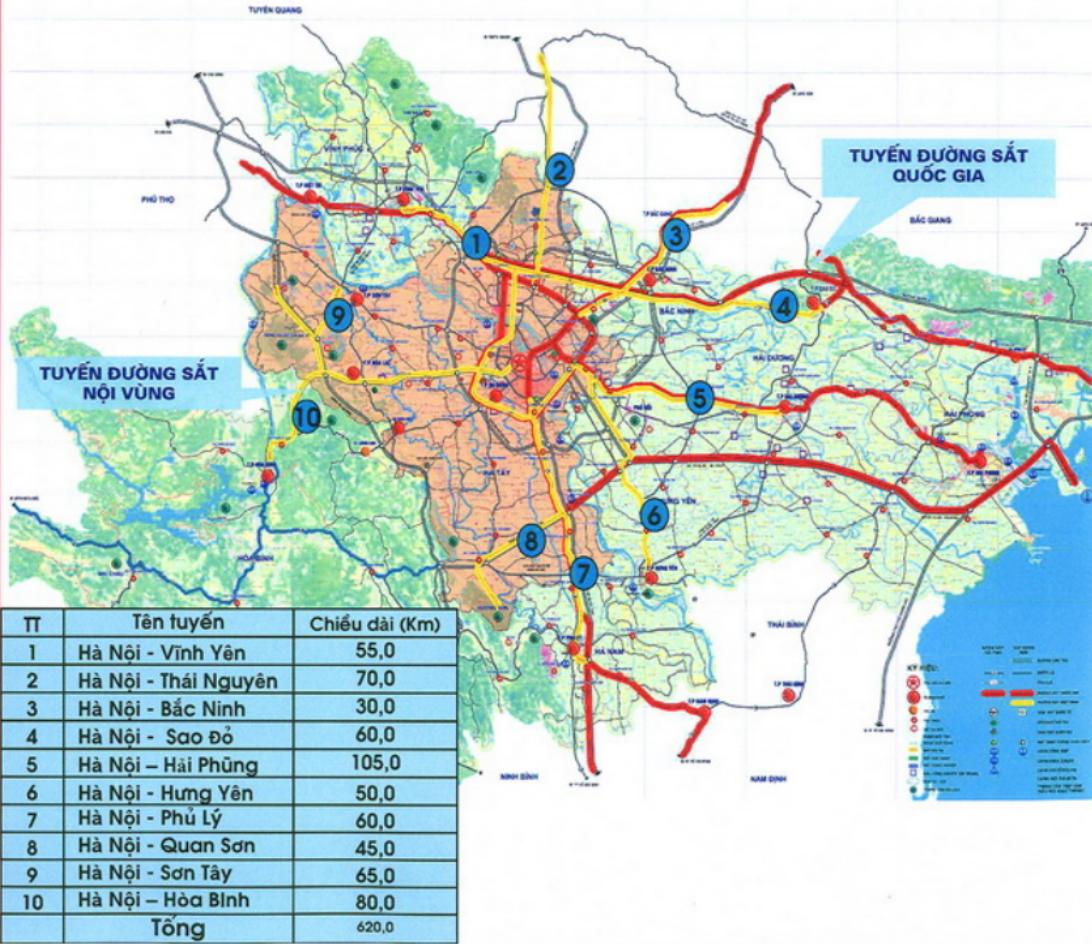
- Vùng CN phụ trợ nông nghiệp,  
CN chế biến nông sản...  
Dịch vụ tiếp vận,  
trung chuyển hàng hóa (logistic)

# Mạng lưới giao thông đường bộ vùng

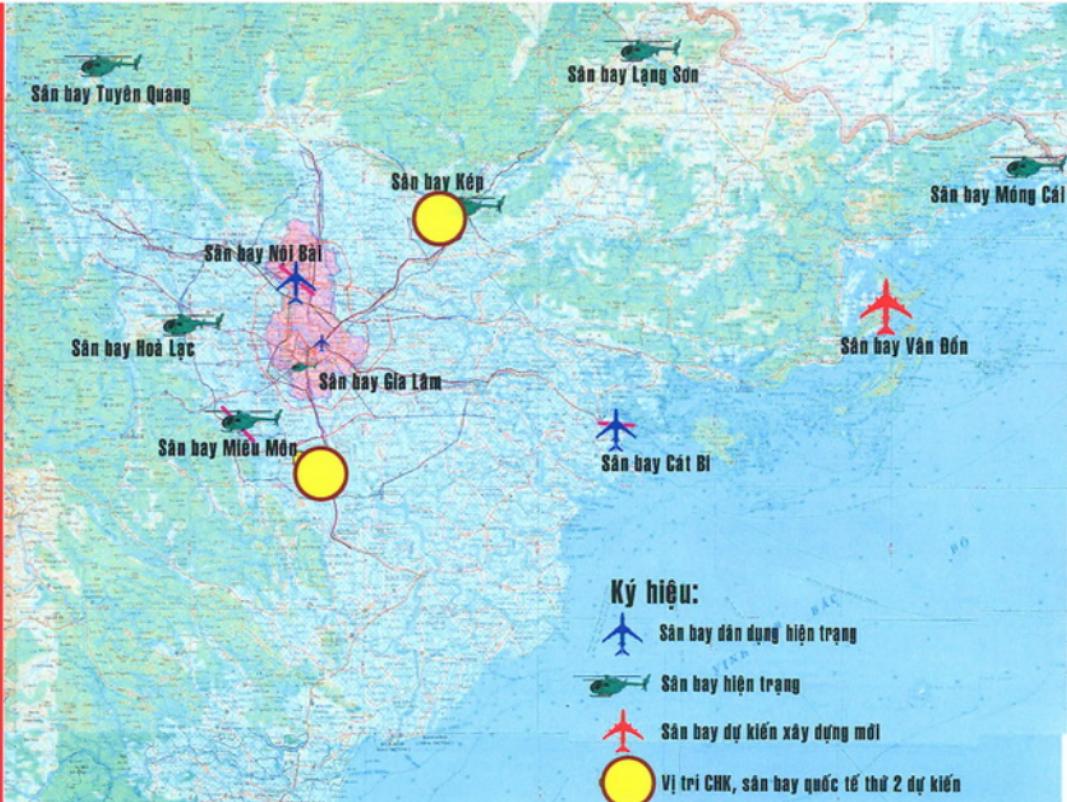


- ĐƯỜNG BỘ**
  - + QUỐC LỘ HƯỚNG TÂM: 9 TUYẾN
- + **ĐƯỜNG CAO TỐC**
  - . CAO TỐC HƯỚNG TÂM: 7 TUYẾN
  - . CAO TỐC CẤT TUYẾN (QUA VÙNG)
- + **ĐƯỜNG VÀNH ĐAI**
  - . 3 TUYẾN VÀNH ĐAI ĐÔ THỊ
  - . 2 TUYẾN VÀNH ĐAI VÙNG

# Mạng lưới giao thông đường sắt vùng



# Mạng lưới giao thông đường hàng không

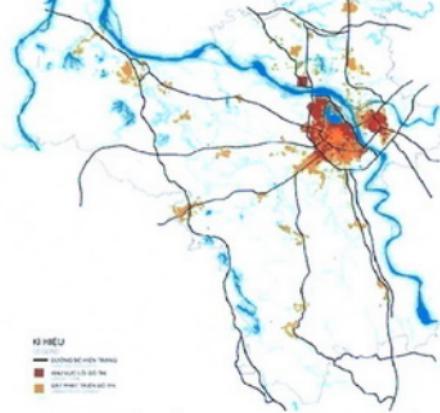


# Tóm tắt hiện trạng

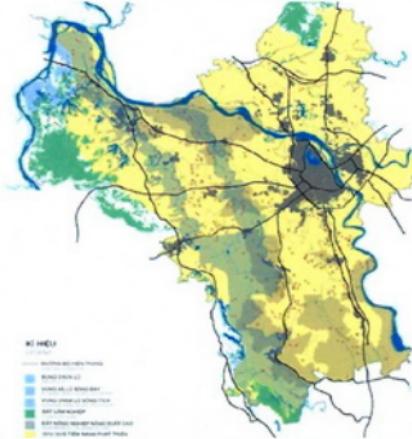
3

# Hiện trạng

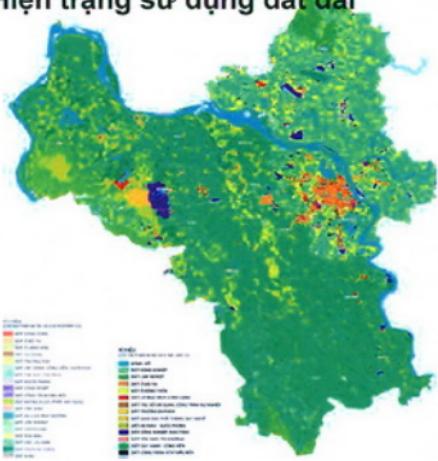
Hiện trạng xây dựng đô thị



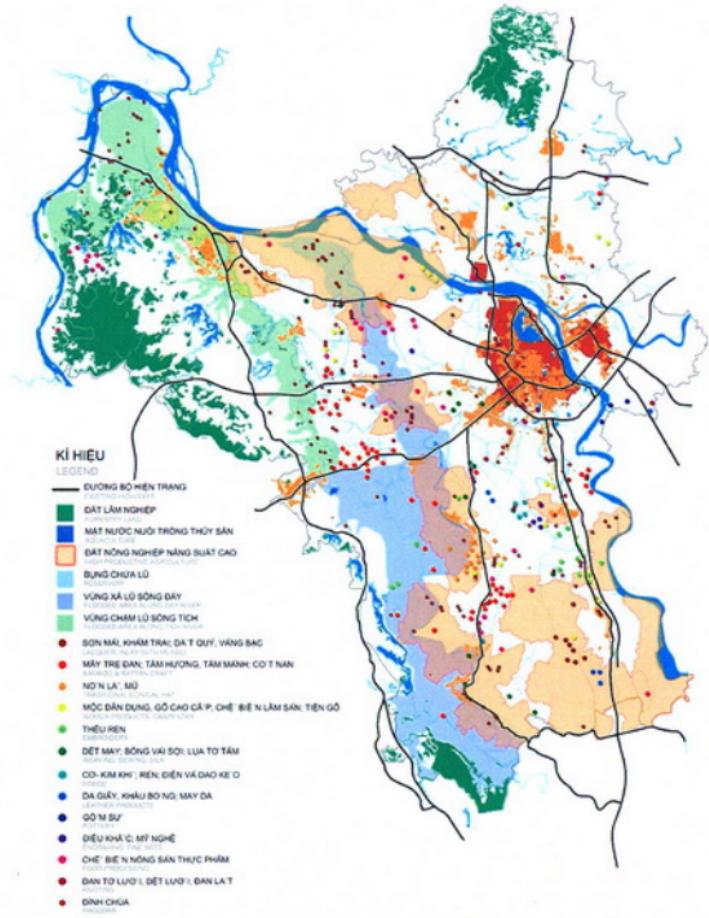
Sơ đồ tiềm năng phát triển



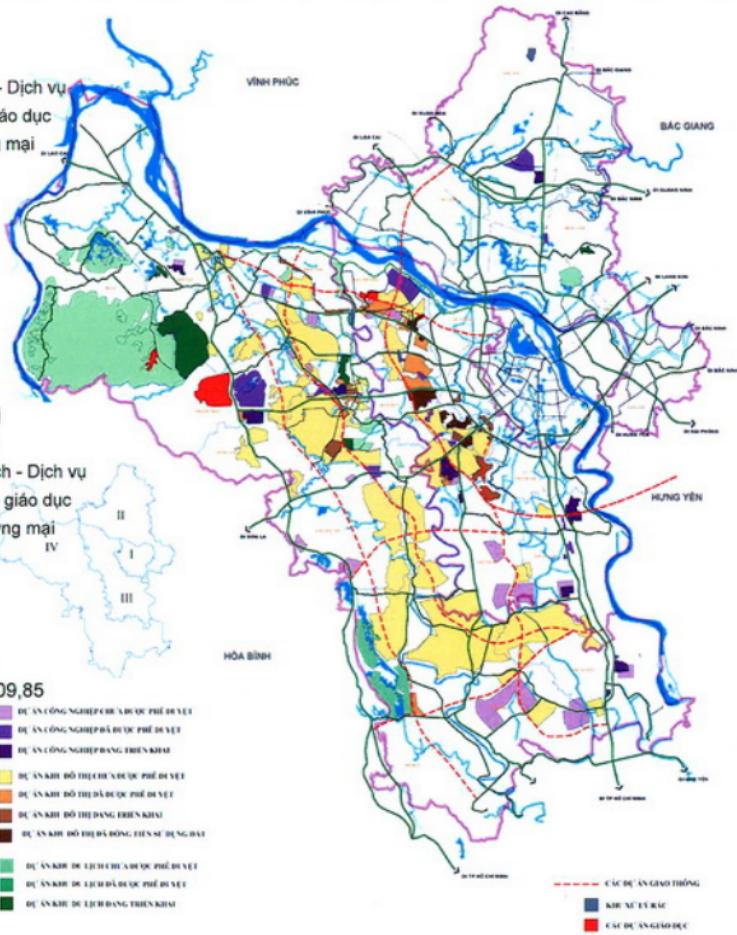
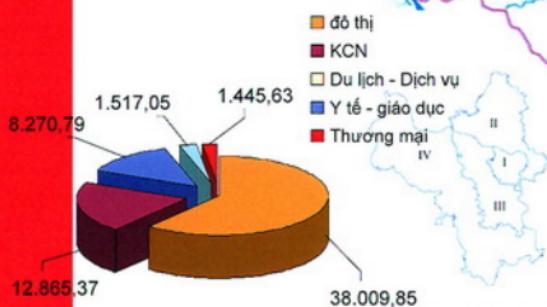
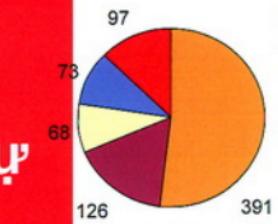
Hiện trạng sử dụng đất đai



# Hiện trạng Tổng hợp



# Rà soát 744 Đồ án, dự án

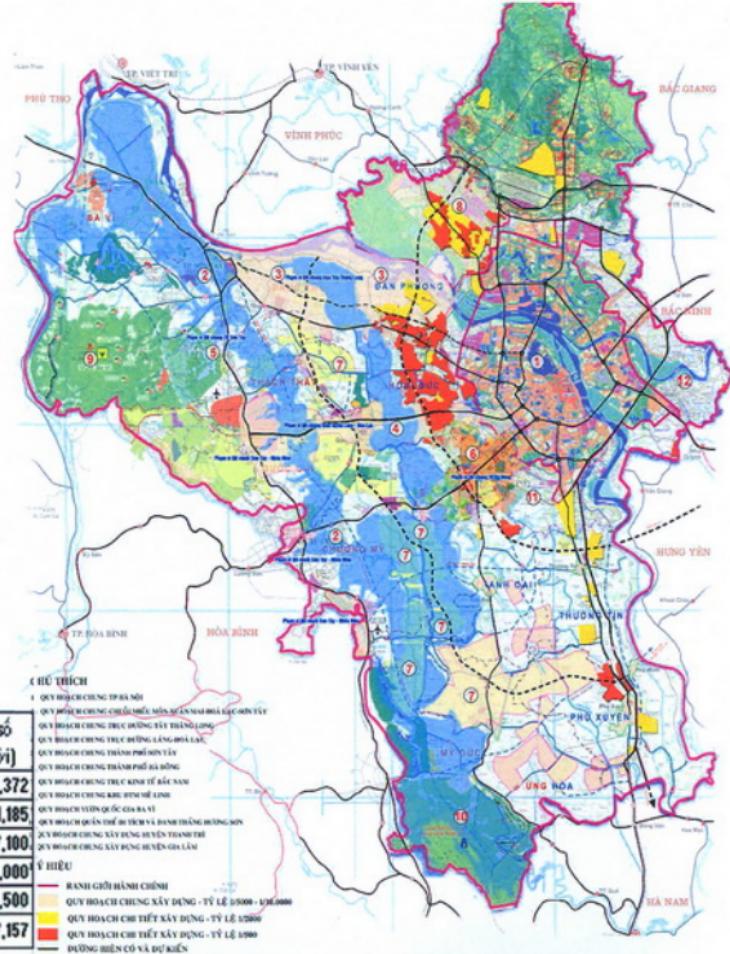


# Rà soát 240 đồ án, dự án

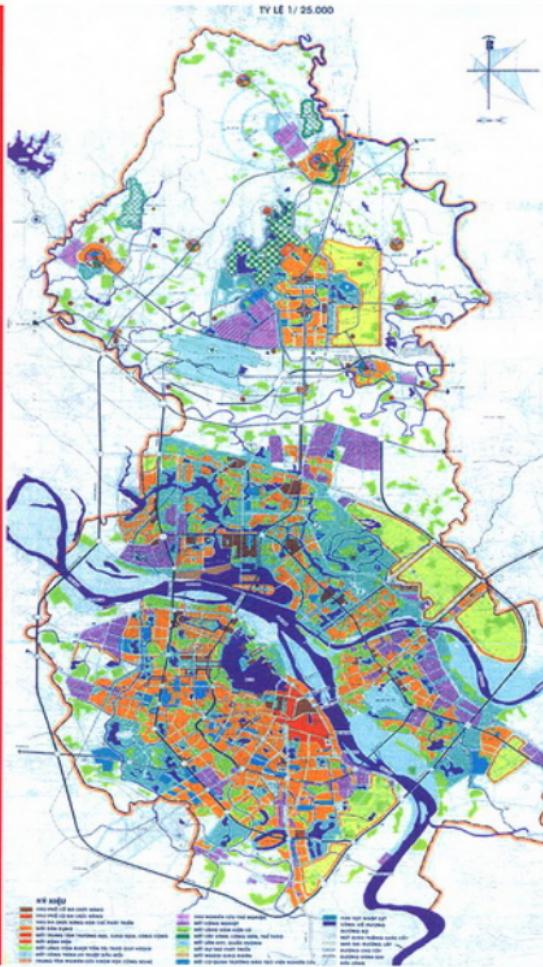
Tổng hợp Đồ án Quy hoạch TL1/500

đã được phê duyệt

TT	Quận, huyện	Số Lượng	Diện tích (ha)	Dân số (người)
1	Hà Đông	70.00	1,143	162,372
2	Bản Phường	12.00	405	41,185
3	Hoài Đức	60.00	1,516	217,100
4	Thanh Oai	3.00	332	85,000
5	Thường Tín	5.00	88	1,500
Tổng cộng		150	3,483	507,157



# Quy hoạch Hà Nội 1998-2020



## Mặt làm được:

XD Mạng lưới khung giao thông đô thị.

Hình thành các khu đô thị mới từ vành đai 2 đến 3, tăng chỉ tiêu DT ở.

## Chưa làm được:

Phía Bắc sông Hồng chưa phát triển

Các cơ sở CN trong nội thành không còn phù hợp

Chưa kiểm soát lan tỏa đô thị khu vực ngoại ô

Phát triển chậm chuỗi đô thị Xuân Mai-Hòa Lạc-Sơn Tây gây nên dòng di cư cơ học lớn từ nông thôn tới đô thị trung tâm

Chưa hình thành các trung tâm lớn cạnh tranh với Q tế.

Phân bố cơ sở đào tạo và CN cao chưa thực hiện được

Chưa XD được các công trình HTKT đầu mối

# Các vấn đề hiện trạng

## Thách thức:

1. Đối diện với một hiện trạng đô thị với nhiều những vấn đề phức tạp và nhạy cảm về Quy hoạch, Kiến trúc. Đặc biệt là 744 dự án hiện nay.
2. Giải quyết bài toán giao thông nội thị và ngoại thị, vành đai và liên tỉnh
3. Tổ chức sắp xếp lại hệ thống không gian chức năng công cộng, đô thị hành chính, ở, công nghiệp y tế giáo dục..
4. Những vấn đề quản lý đất đai, giải phóng mặt bằng phục vụ phát triển đô thị
5. Năng lực quản lý đô thị hiện nay của Hà Nội
6. Bảo tồn di sản di tích lịch sử
7. Gìn giữ và khai thác cảnh quan môi trường
8. Giải quyết vấn đề lao động, chuyển đổi cơ cấu lao động nông thôn và đào tạo hướng nghiệp theo xu thế công nghiệp dịch vụ, kiểm soát dịch cư giữa thành thị và nông thôn
9. Kết nối và xây dựng hệ thống hạ tầng đô thị và nông thôn, nội thị và ngoại thị

# Các vấn đề hiện trạng

## Tiềm năng:

1. Vị thế, vị trí của Hà Nội đối với vùng và cả nước
2. Có nguồn nhân lực lớn và dân trí cao được đào tạo qua các bậc sau đại học, đại học, cao đẳng dạy nghề
3. Văn hóa, lịch sử và du lịch có điều kiện để khai thác và phát huy bản sắc
4. Là trung tâm giáo dục, y tế có thể phát triển ở mức độ cao nhất trong cả nước
5. Có điều kiện để phát triển công nghệ cao, công nghiệp kỹ thuật cao.
6. Khai thác hiệu quả nhiều nguồn lực đầu tư so với các địa phương khác
7. Có nhiều sông hồ có thể tạo lập một đô thị mang nét đặc thù hiện đại Á Đông.

# Các vấn đề hiện trạng

## Kết nối chức năng vùng

- Hà nội đóng vai trò là cực phát triển chính, thúc đẩy kích cầu kinh tế trong cả vùng
- Kết nối về hạ tầng giao thông: vấn đề vành đai, quốc lộ và tỉnh lộ, sân bay vùng, và hệ thống giao thông đường thủy và đường sắt
- Gắn kết và chia sẻ các vấn đề về nguồn nước mặt- thoát nước và sử lý nước thải, chia sẻ các vấn đề về quản lý chất thải rắn, nighthouse trang cấp vùng, vấn đề nguồn điện và mạng lưới điện ( Hòa Bình , Thái Nguyên...)
- Phát triển hệ thống không gian đô thị; chuỗi đô thị, các tuyến trực giao thông chính, hệ thống làng xóm cảnh quan thiên nhiên
- Kết nối hành lang cây xanh, môi trường sinh thái giữa Hà Nội và các tỉnh khác trong vùng
- Vấn đề nhập cư và di cư và kiểm soát chia sẻ nguồn nhân lực đặc biệt với Hải Dương và Hưng Yên, Vĩnh Phúc...

# Các vấn đề chính

Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển chiến lược

Cấu trúc đô thị

Hệ tầng Kỹ thuật

Môi trường

744 dự án

Mật độ phân bố dân cư

**Bảo tồn – Khai thác – Phát huy**

Giao thông

TT Hành chính Quốc gia mới

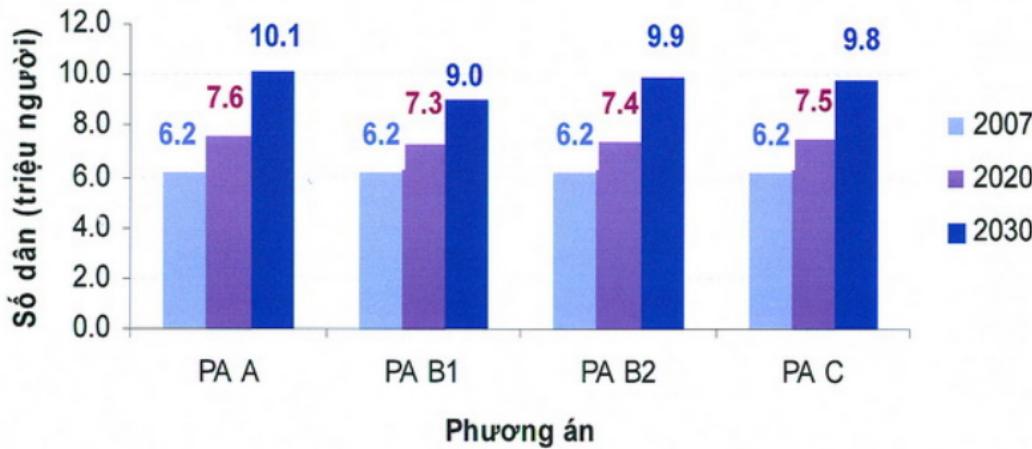
Mạng lưới GD ĐT

Các Trung tâm Y tế lớn

# Dự báo kinh tế & phát triển

4

# Dự báo dân số 2007 - 2030

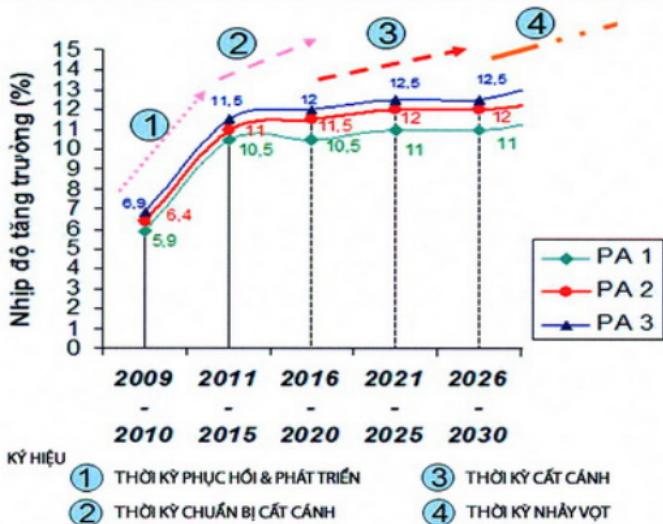


## Dự báo dân số thủ đô Hà Nội:

- 9.0 – 10.1 triệu người đến năm 2030

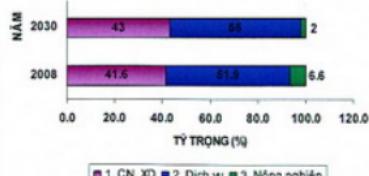
# Dự báo Kinh tế

## Dự báo nhịp độ tăng trưởng GDP Hà Nội

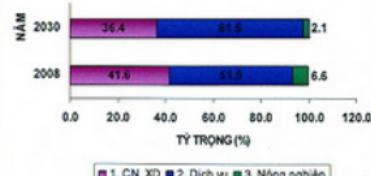


## Dự báo cơ cấu kinh tế Hà Nội

DỰ BÁO CƠ CẤU KINH TẾ HÀ NỘI - PA1



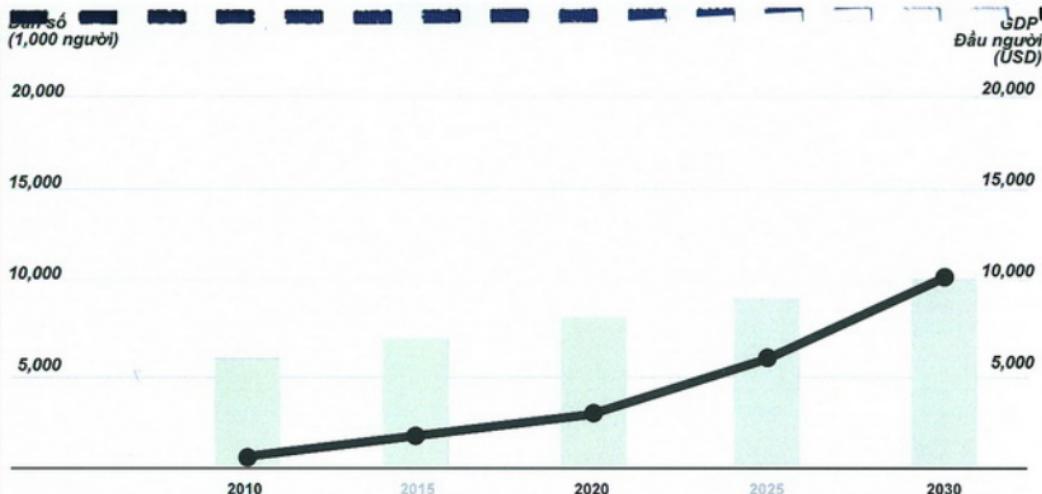
DỰ BÁO CƠ CẤU KINH TẾ HÀ NỘI - PA2



Pa1: phát triển theo hướng công nghiệp

Pa2: phát triển theo hướng dịch vụ

# Dự báo Thu nhập bình quân



Mục tiêu  
dân số  
(ngàn người)

6,301

7,152

8,022

9,011

10,000<sup>3)</sup>

Mục tiêu GDP  
Đầu người  
(USD)

1,600

2,600

4,200

6,700

10,800

Chiến lược

Tầm  
nhìn

Hiện đại hóa cơ  
sở hạ tầng

Tăng trưởng thông minh

Bản sắc của  
Thủ đô

Phát triển bền vững

Mốc lịch sử



1000years  
Thang Long Hanoi



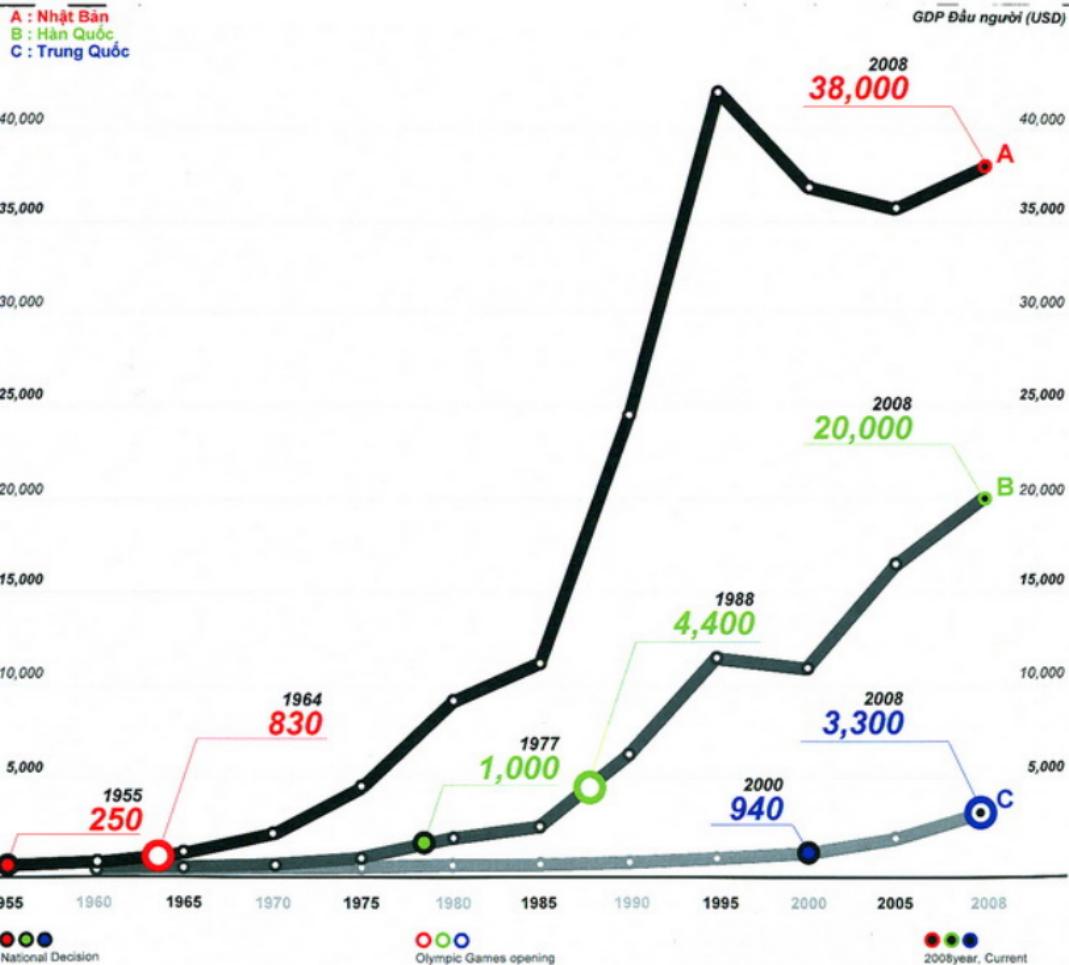
Sự kiện lớn  
(Asian Games)



Sự kiện lớn  
(Olympic Games)

# Ba nước Đông bắc Á

Phát triển  
kinh tế



# Tiêu chí phát triển

5

Bảo tồn

Phát triển  
"Cân bằng"  
dựa trên  
Bảo tồn

Phát triển

Hành lang Xanh

**Phát triển bền vững**

# Chiến lược phát triển

**60% - 70%**

## Hành lang xanh

**40 - 45%**

Các vùng bảo tồn

(1,338 km<sup>2</sup>)

**20 - 25%**

Các vùng  
Phát triển  
dựa trên Bảo tồn

(699 km<sup>2</sup>)

**30% - 40%**

## Phát triển đô thị

**15 - 20%**

Các vùng  
phát triển  
mới

(699 km<sup>2</sup>)

**15 - 20%**

Các vùng  
đô thị hóa

(699 km<sup>2</sup>)

Các vùng  
nông nghiệp

Cụm làng nghề

Đa dạng sinh học

Nông thôn mới

Di sản văn hóa

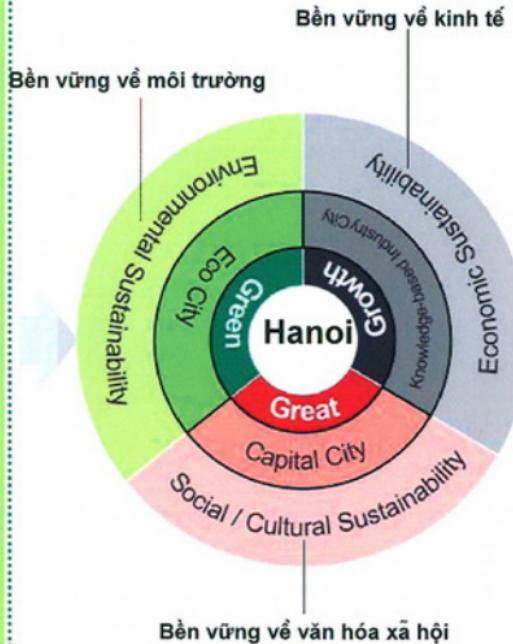
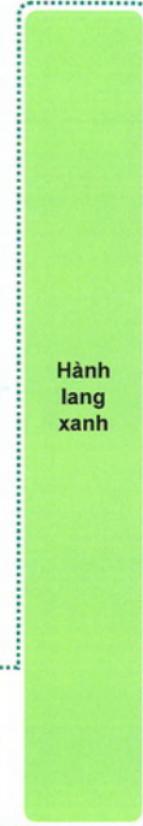
Du lịch sinh thái, TDTT  
vui chơi giải trí

Vùng Nhà ở

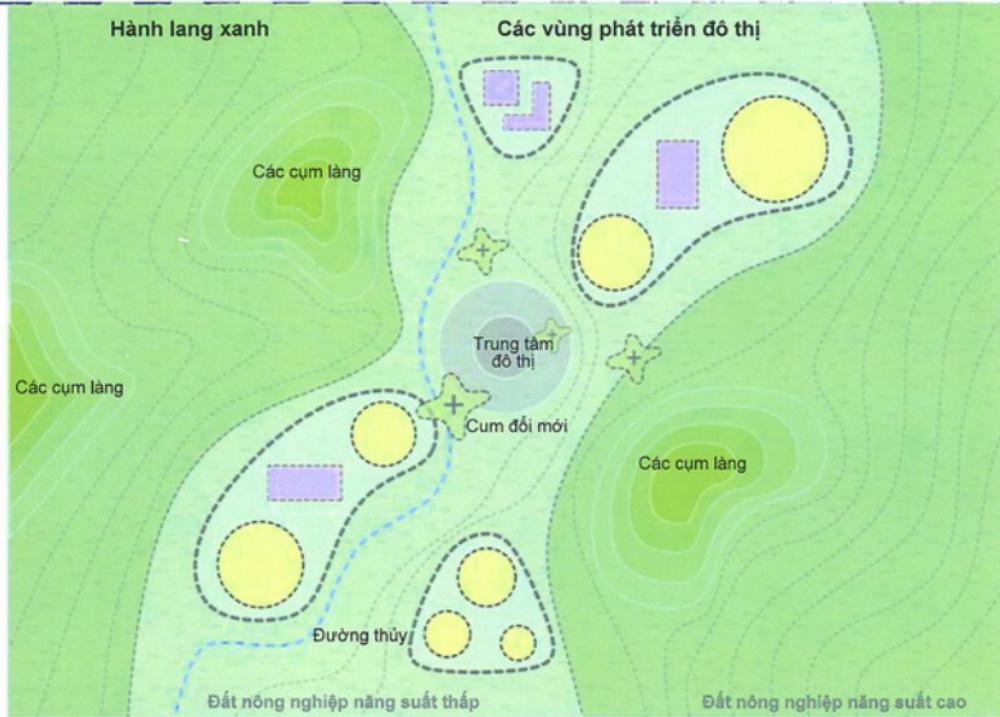
Các khu vực/cụm  
Đổi mới

Vùng Công nghiệp

# Cấu trúc Không gian



# Khu phát triển



## Phát triển năng lực tự nhiên

- Vùng công nghiệp (Industrial zone)
- Vùng Nhà ở (Residential zone)

## Phát triển năng lực công cộng

- Các cụm làng (Villages clusters)
- Các khu cài tạo hiện đại hóa (Modernization resettlement areas)

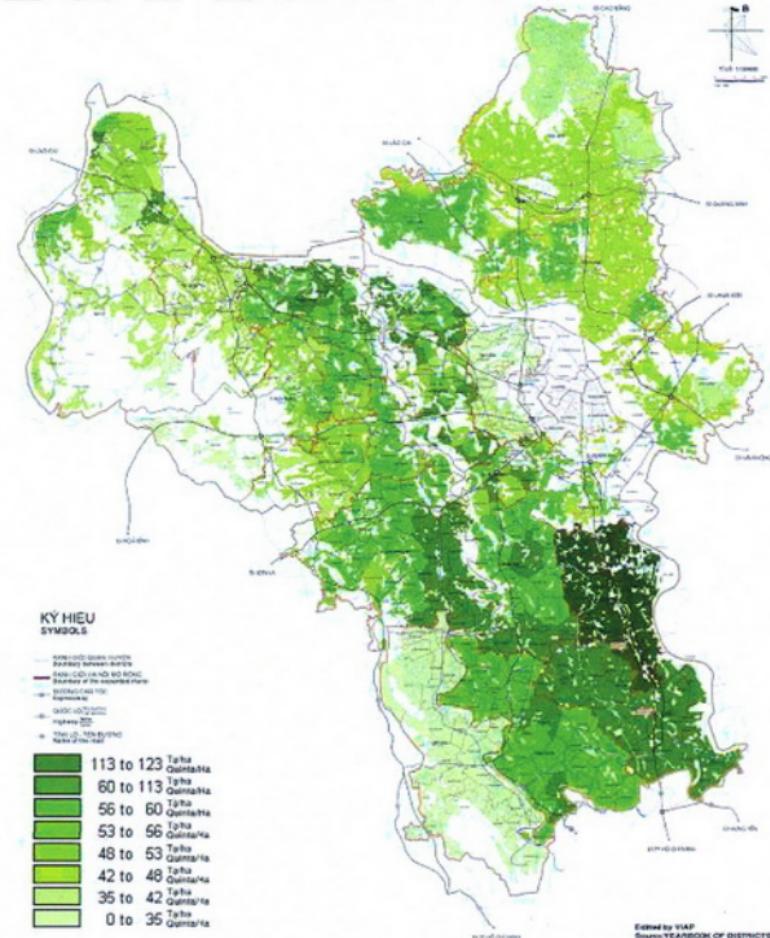
# Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Hiện trạng 2008	Quy hoạch	
				năm 2020	năm 2030
I	Dân số				
1.1	Dân số toàn thành phố	1.000 người	6.159,0	7.485,1	9.815,0
-	Tỷ lệ tăng dân số TB toàn thành phố	%		1,51	2,75
1.2	Dân số thành thị	1.000 người	2.474,4	4.165,9	6.506,0
-	Tỷ lệ tăng dân số TB thành thị	%		4,09	3,49
1.3	Dân số nông thôn	1.000 người	3.684,6	3.319,2	3.309,0
-	Tỷ lệ tăng dân số TB nông thôn	%		-0,80	-0,02
II	Diện tích đất tự nhiên	Km <sup>2</sup>	3.344,6	3.344,6	3.344,6
-	Diện tích đất đô thị	Km <sup>2</sup>	439,6		1.053,6
-	Diện tích đất nông thôn	Km <sup>2</sup>	2.905,0		2.291,0
II.1	Đất xây dựng đô thị	m <sup>2</sup> /người	86		136
1	Đất dân dụng đô thị	m <sup>2</sup> /người			84
-	Đất khu ở dân cư	m <sup>2</sup> /người			40
-	Đất CTCC đô thị	m <sup>2</sup> /người			6,0
-	Đất cây xanh, TDTT đô thị	m <sup>2</sup> /người			13
-	Đất giao thông, quảng trường	m <sup>2</sup> /người			25
2	Đất ngoài dân dụng	m <sup>2</sup> /người			15
II.2	Đất xây dựng cơ sở kinh tế kỹ thuật phục vụ đô thị tại khu vực nông thôn				10
II.3	Diện tích nhà ở đô thị	m <sup>2</sup> sán/người	7,5	15	20
IV	Hệ tầng kỹ thuật				
IV.1	Hệ tầng kỹ thuật đô thị				
1	Mật độ đường phố chính và khu vực	km/km <sup>2</sup>	3,0 – 3,5	4,2 – 4,5	4,5 – 4,8
2	Tỷ lệ đất giao thông	% đất XD ĐT	5 – 10	20 – 25	20 – 25
3	Cấp nước sinh hoạt	l/ng ngđ	100 – 120	150 – 180	150 – 180
4	VSMT (rác thải)	kg/ng/ngày	0,6 – 0,8	1,0 – 1,2	1,1 – 1,3
5	Đất nghĩa trang	Ha/1.000 ng		0,04 – 0,06	0,04 – 0,06
6	Cấp điện sinh hoạt	w/ng		300 – 500	500 – 800
7	Cấp điện công nghiệp	KW/ha		200 – 400	200 – 400
IV.2	Hệ tầng kỹ thuật nông thôn				
1	Mật độ đường chính và khu vực	km/km <sup>2</sup>	3,0 – 3,2	3,0 – 3,2	
2	Tỷ lệ đất giao thông	% đất XD ĐT		15 – 18	15 – 18
3	Cấp nước sinh hoạt	l/ng ngđ	60	100	100
4	VSMT (rác thải)	kg/ng/ngày		0,6	0,7
5	Đất nghĩa trang	Ha/1.000 ng		0,06	0,06
6	Cấp điện sinh hoạt	w/ng		250	330
7	Cấp điện công nghiệp	KW/ha		200	200

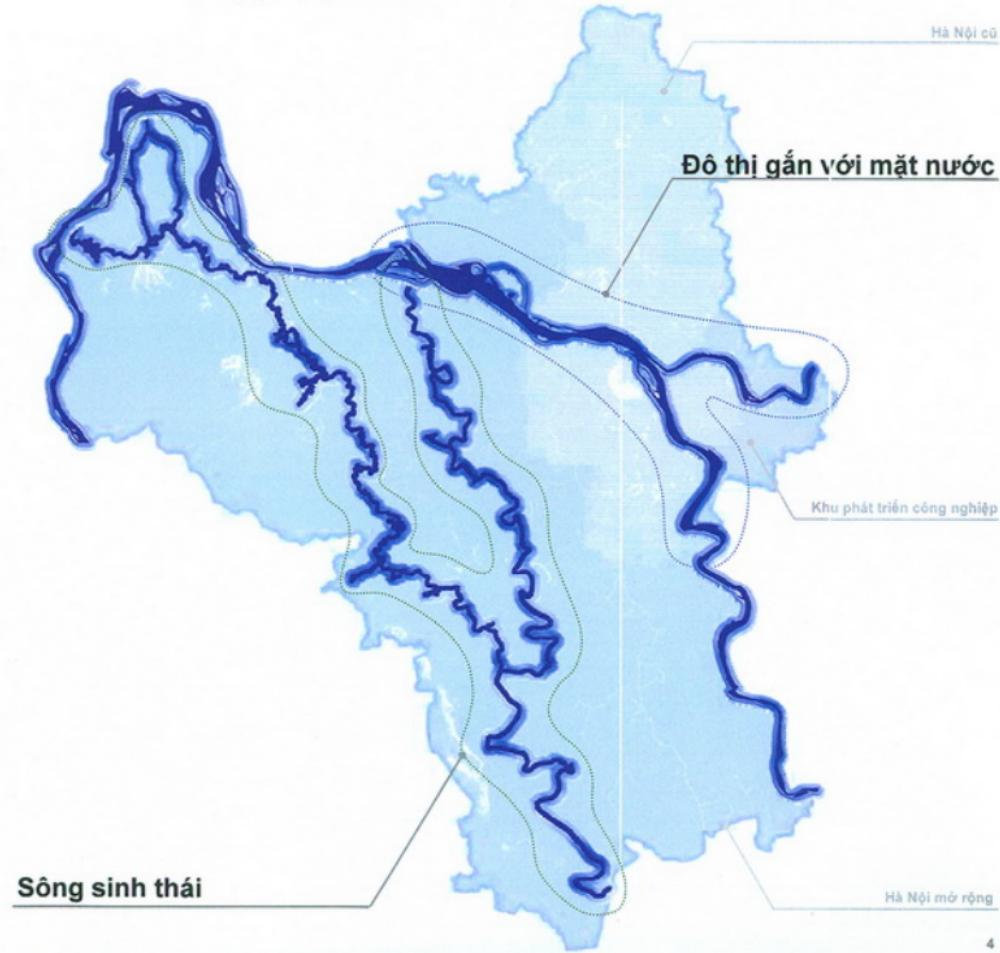
# Tiêu chí về năng suất lúa gạo

Loại	Năng suất lúa gạo (Tạ/Ha)	Các loại đất nông nghiệp năng suất
1	Từ 113 đến 123	Đất nông nghiệp năng suất <b>Cao</b> 
2	Từ 60 đến 113	Đất nông nghiệp năng suất <b>Cao-Trung bình</b> 
3	Từ 56 đến 60	Đất nông nghiệp năng suất <b>Trung bình-Cao</b> 
4	Từ 53 đến 56	Đất nông nghiệp năng suất <b>Trung bình</b> 
5	Từ 48 đến 53	Đất nông nghiệp năng suất <b>Trung bình-Thấp</b> 
6	Từ 42 đến 48	Đất nông nghiệp năng suất <b>Thấp-Trung bình</b> 
7	Từ 35 đến 42	Đất nông nghiệp năng suất <b>Thấp</b> 
8	Từ 0 đến 35	Đất nông nghiệp năng suất <b>Không năng xuất</b> 

# Tiêu chí về năng suất lúa gạo



# Đường thủy



# Đường thủy



## ■ Chức năng chính

Tài chính &  
Thương mại



Vận chuyển  
hàng hóa



Liên hợp thể thao



Không gian mờ đô thị  
(giao thông đường thủy)



Đô thị gắn  
với mặt  
nước

# Đường thủy

# Sông sinh thái

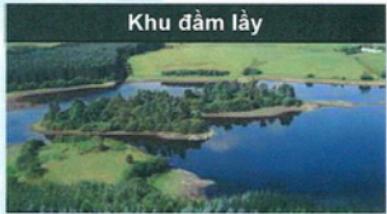


## Chức năng chính

Hồ chứa nước cho nông nghiệp



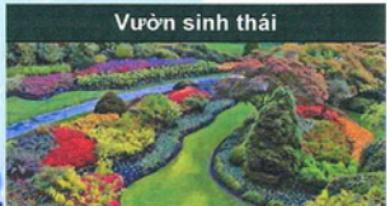
Khu đầm lầy



Môi trường sống sinh thái



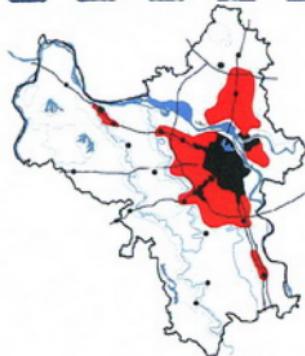
Vườn sinh thái



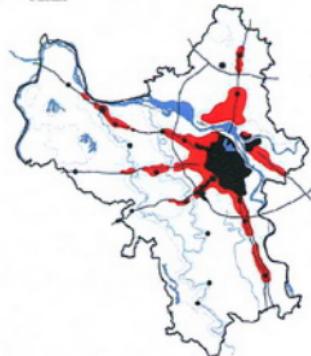
# Chiến lược và các phương án phát triển

6

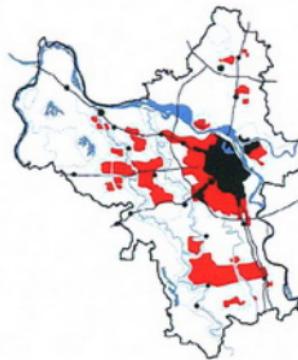
# Phương án phát triển



Phát triển lan toả



Phát triển hai bên đường

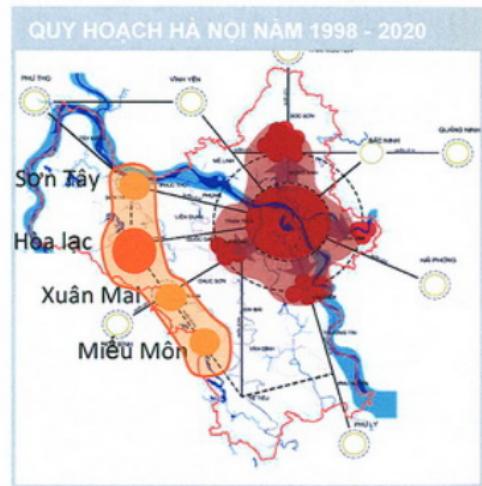
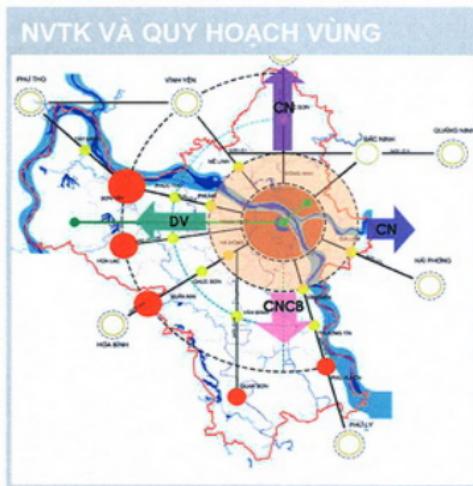


Phát triển phân tán

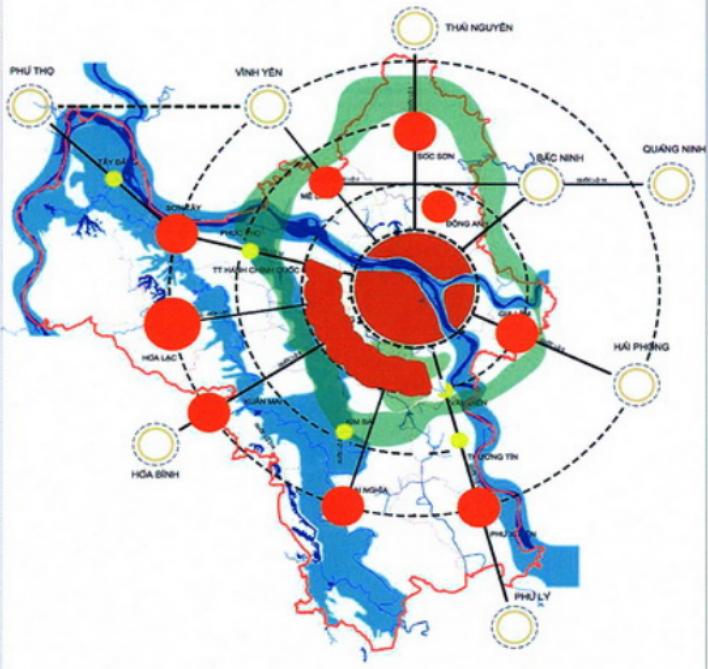


Quy hoạch 1998

# Chiến lược



# Chiến lược đè xuất



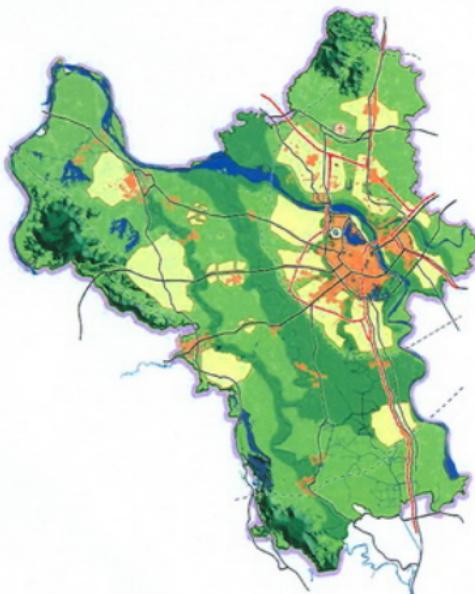
Chiến lược đè xuất

**Các  
phương án  
quy hoạch**

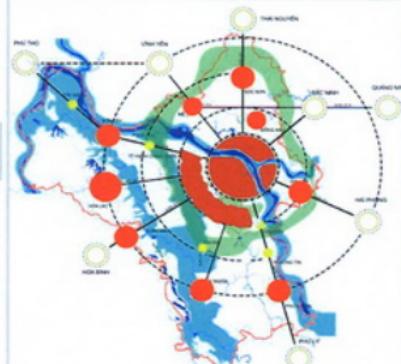
Phương án  
A & B

7

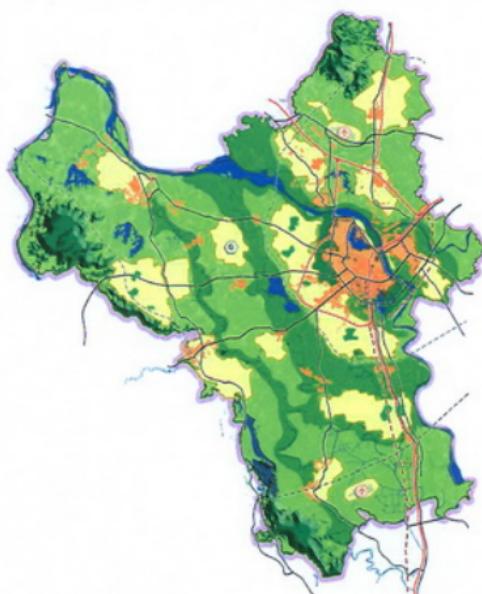
Phương án A

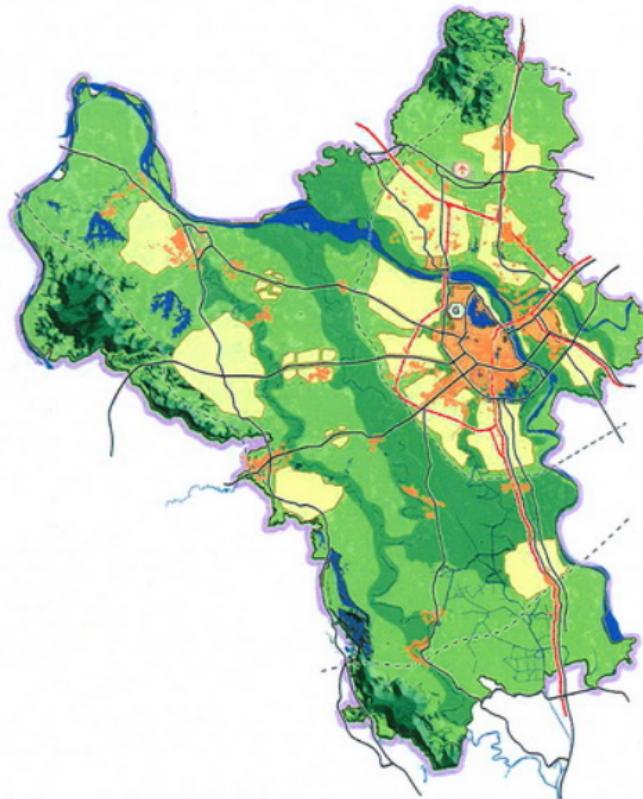


Chiến lược đề xuất



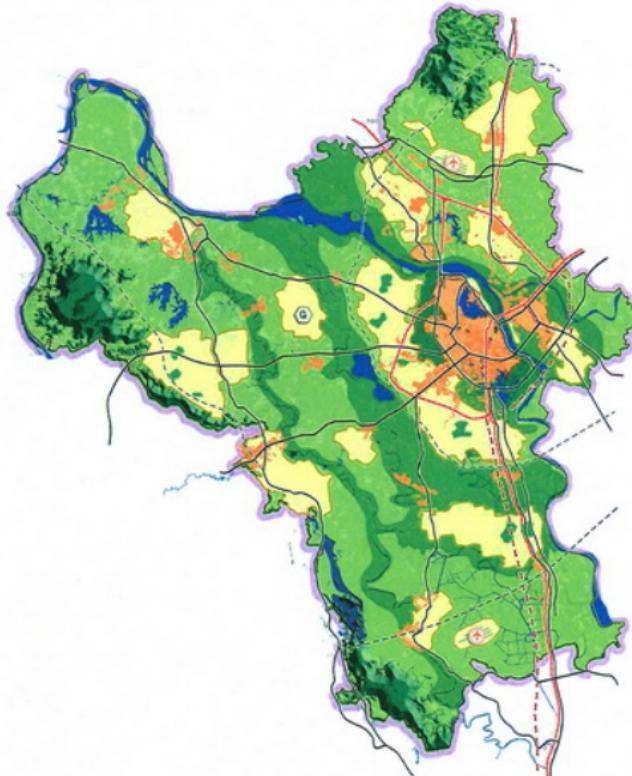
Phương án B





- Đô thị trung tâm được mở rộng giảm thiểu mật độ ở các đô thị vệ tinh
- 5 đô thị vệ tinh lớn bao gồm phần mở rộng phía bắc sông Hồng
- Mật độ trung bình của các đô thị vệ tinh là 5.000 người/km<sup>2</sup> – thấp hơn một nửa so với thành phố lõi
- Vùng hạn chế phát triển ở phía Nam
- Trung tâm hành chính của quốc gia gần đô thị trung tâm
- Các đô thị mật độ thấp giữa sông Đáy và sông Tích

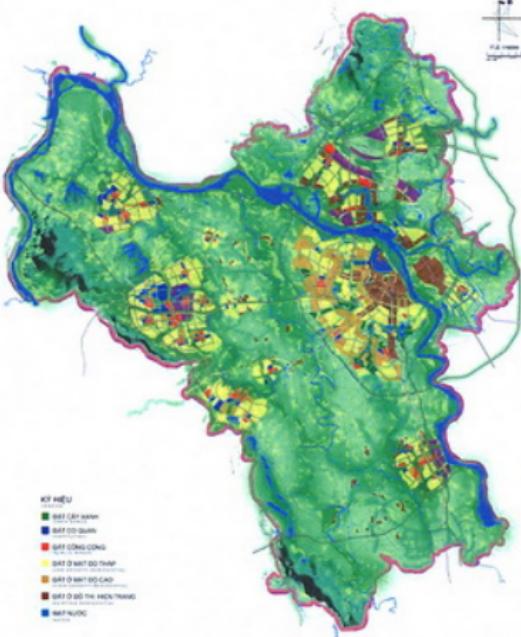
Phương án A



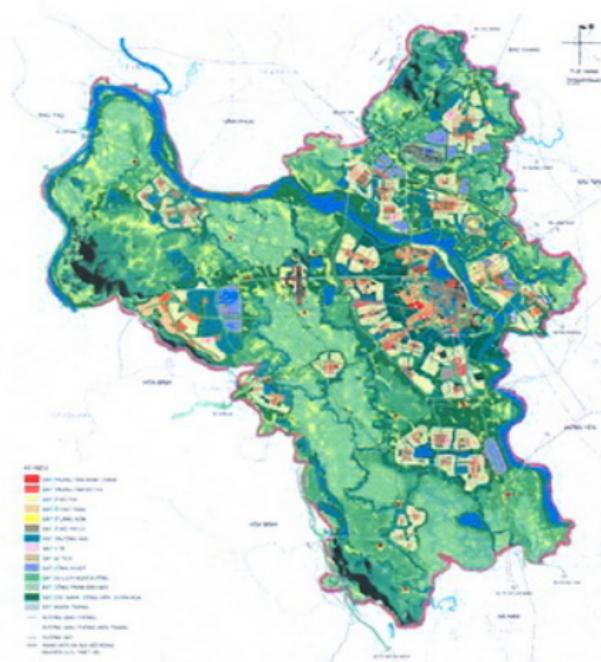
- Đô thị trung tâm mở rộng được tách khỏi đô thị lịch sử bởi vùng đệm xanh
- 8 đô thị vệ tinh bao gồm cả hai thành phố mật độ thấp giữa sông Đáy và sông Tích
- Mật độ trung bình của các đô thị vệ tinh là 6,000 người/km<sup>2</sup>
- Trung tâm hành chính của Chính phủ cách thành phố lõi 18 km về phía Tây
- Sân bay thứ hai được đề xuất ở phía Nam

## Phương án B

# Quy hoạch sử dụng đất



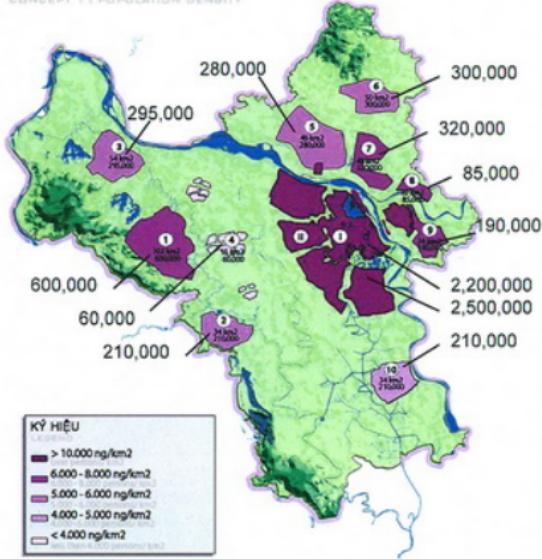
Phương án A



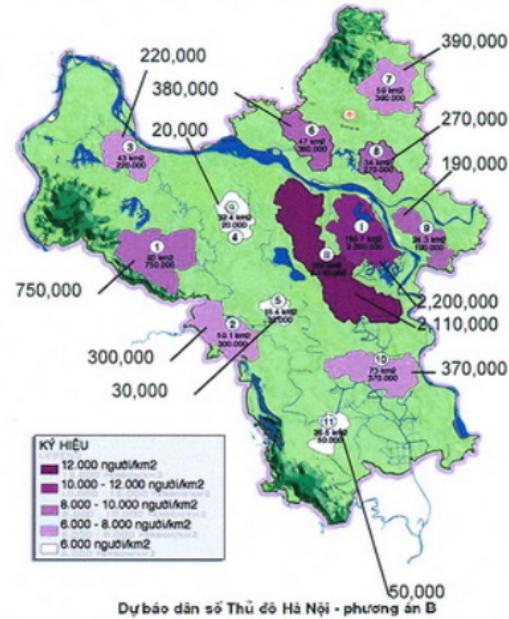
Phương án B

# Phân bổ dân cư

CONCEPT 1 | POPULATION DENSITY

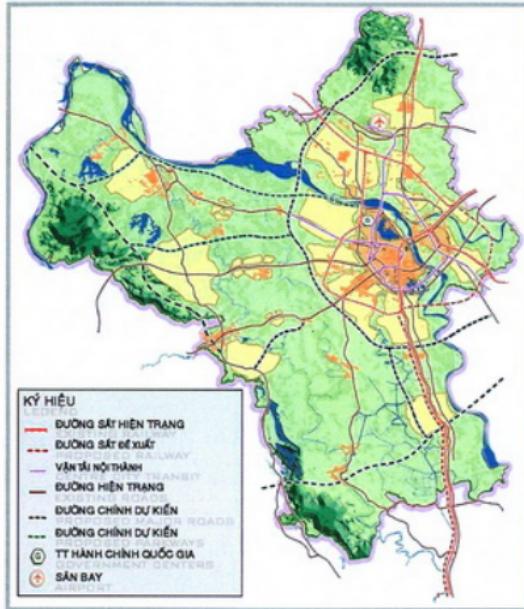


Phương án A

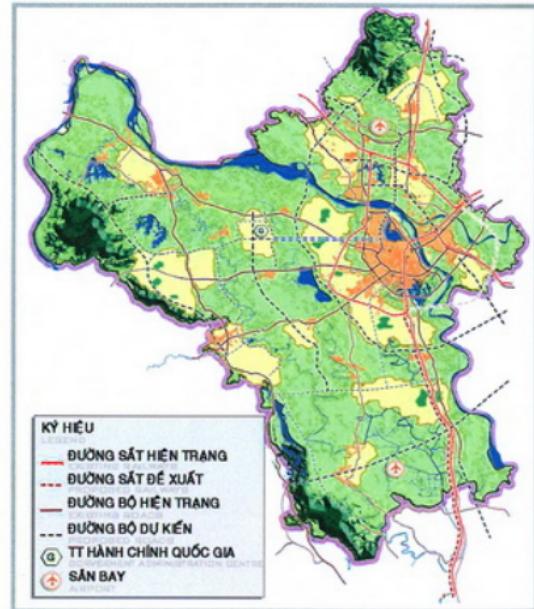


Phương án B

# Giao thông Đường bộ Đường sắt

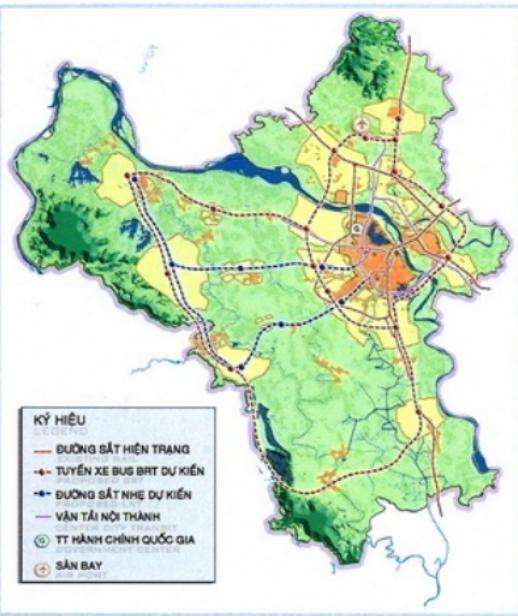


Phương án A

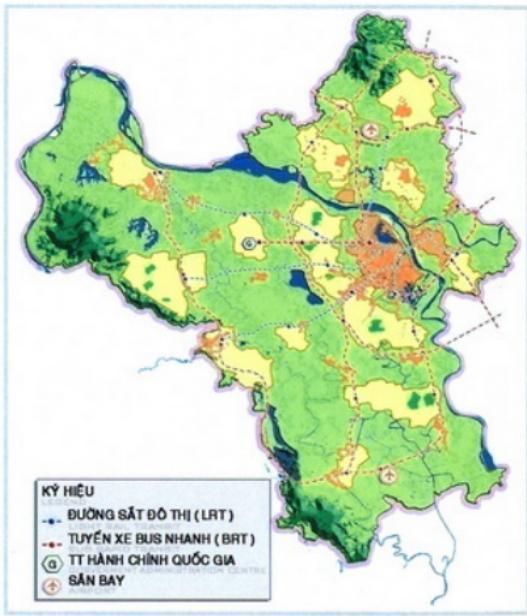


Phương án B

# Giao thông công cộng

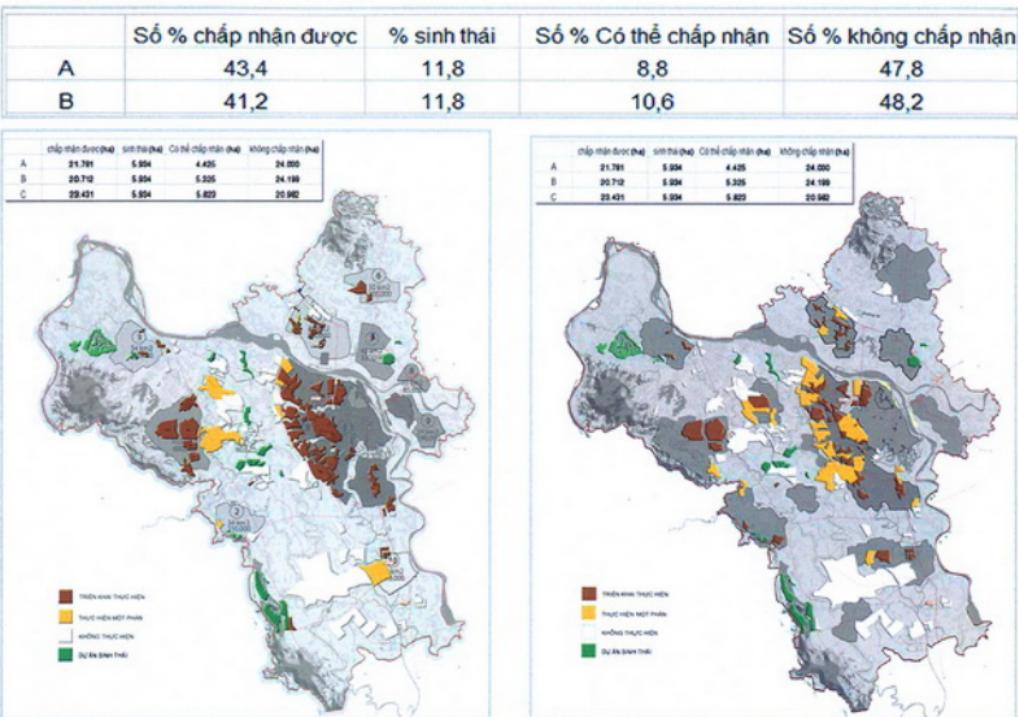


Phương án A



Phương án B

# Rà soát Đồ án, dự án



**64% diện tích dự án có thể chấp nhận được**  
**Được điều chỉnh nội dung phù hợp với quy hoạch chung**

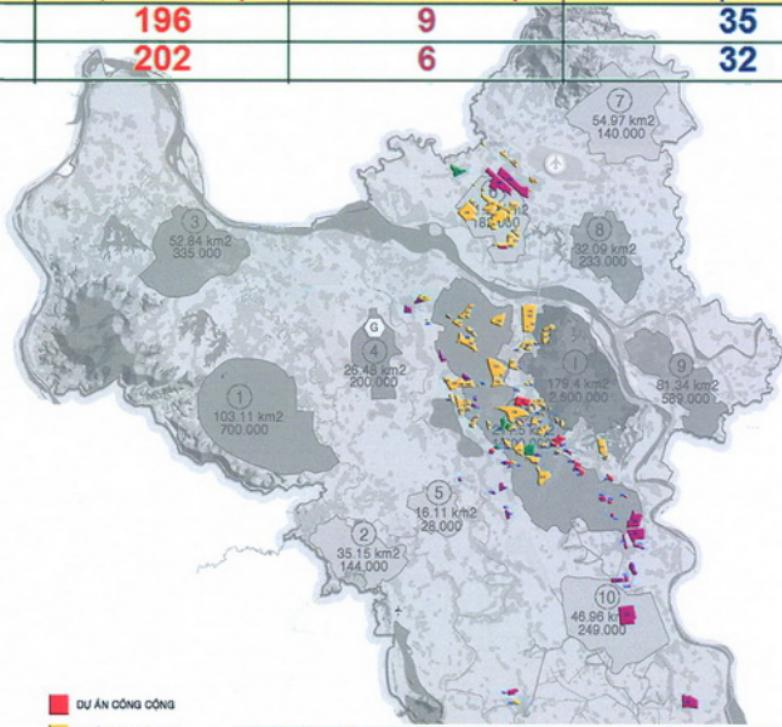
**63,6% diện tích dự án có thể chấp nhận được**  
**Được điều chỉnh nội dung phù hợp với quy hoạch chung**

# Rà soát 240 đồ án, dự án

Phương án : 214/240  
dự án có thể chấp  
nhận được

Được điều chỉnh nội  
dung phù hợp với quy  
hoạch chung

PHƯƠNG ÁN	ĐƯỢC CHẤP NHẬN	CÓ THỂ CHẤP NHẬN	KHÔNG ĐƯỢC CHẤP NHẬN
A	196	9	35
B	202	6	32



- [Red square] DU ÁN CÔNG CÔNG
- [Yellow square] DU ÁN KHU ĐÔ THỊ
- [Purple square] DU ÁN KHU CÔNG NGHIỆP
- [Green square] DU ÁN SINH THÁI VÀ TDTT

PHƯƠNG ÁN	ĐƯỢC CHẤP NHẬN (%)	CÓ THỂ CHẤP NHẬN(%)	KHÔNG ĐƯỢC CHẤP NHẬN (%)
A	70,2	7,3	22,5
B	72,6	6,3	21,1
C	78,8	1,6	19,6

PHƯƠNG ÁN	ĐƯỢC CHẤP NHẬN (ha)	CÓ THỂ CHẤP NHẬN( ha)	KHÔNG ĐƯỢC CHẤP NHẬN (ha)
A	6684	697	2141
B	6903	598	2001
C	7490	151	1881

## Đánh giá các phương án

8

# Đánh giá các phương án

Ảnh hưởng tới vùng nông nghiệp năng suất cao

Tác động đến các công trình văn hóa và các làng nghề

Khai thác sử dụng sông Hồng

Bảo tồn bản sắc văn hóa, lịch sử Hà Nội

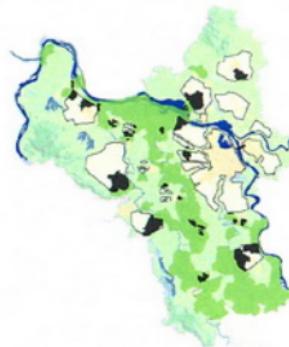
Đề xuất trung tâm hành chính quốc gia

Đáp ứng các yêu cầu vùng thoát lũ

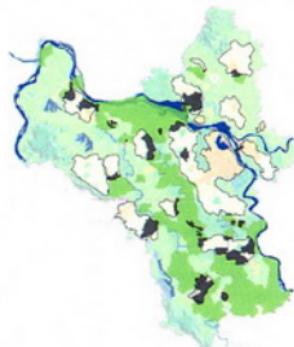
Nghiên cứu các dự án đã được phê duyệt

# Đánh giá các phương án

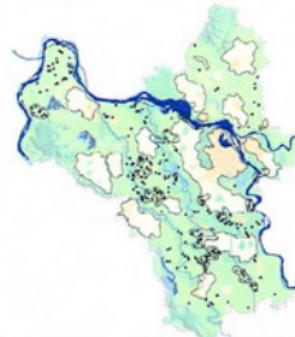
Phương án A



Phương án B



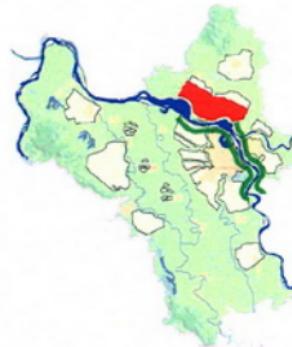
Ảnh hưởng đến nông nghiệp năng suất cao



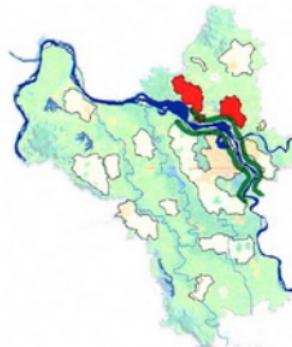
Ảnh hưởng đến làng nghề truyền thống và các di tích lịch sử văn hóa

# Đánh giá các phương án

Phương án A



Phương án B



Làm sống động hai bên bờ sông Hồng



Bảo tồn các giá trị văn hóa lịch sử của Hà Nội

# Đánh giá các phương án

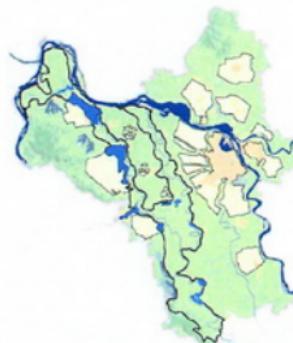
Phương án A



Phương án B



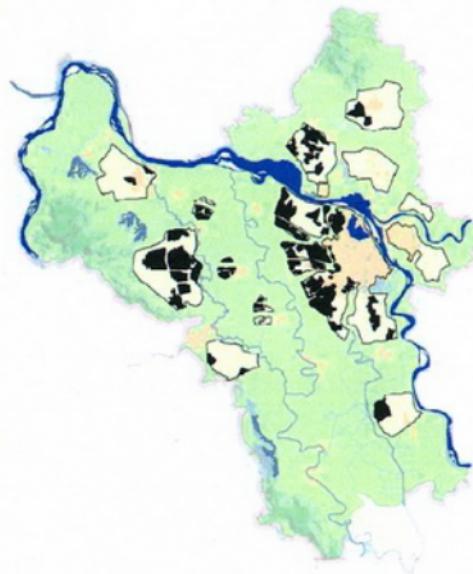
Trung tâm hành chính của Chính phủ



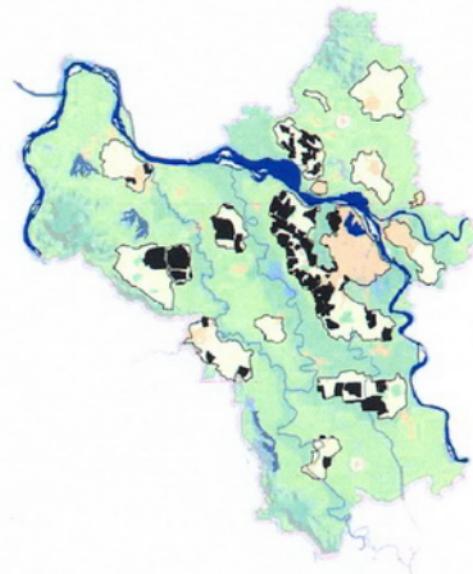
Đáp ứng được khu vực kiểm soát lũ

# Đánh giá các phương án

Phương án A



Phương án B



Nhận dạng các dự án được quy hoạch

# Phân tích So sánh 2 phương án

## Ưu điểm

- Ít đô thị vệ tinh hơn
- Hấp thu nhiều hơn 744 dự án
- Hạn chế ảnh hưởng đến các khu vực nhạy cảm (hành lang xanh)

## Nhược điểm

- Không có các vùng đệm xanh trong khu vực lõi
- Không có sân bay thứ hai
- Không cung cấp cho dự báo dân số cao hơn

## Phương án A

## Phương án B

- Cung cấp dân số nhất quán với các dự báo
- Tạo các vùng đệm xanh cho thành phố lõi
- Có khả năng có sân bay thứ hai

- Quá nhiều vùng đô thị vệ tinh
- Hấp thu ít hơn 744 dự án

# Phương án C

9

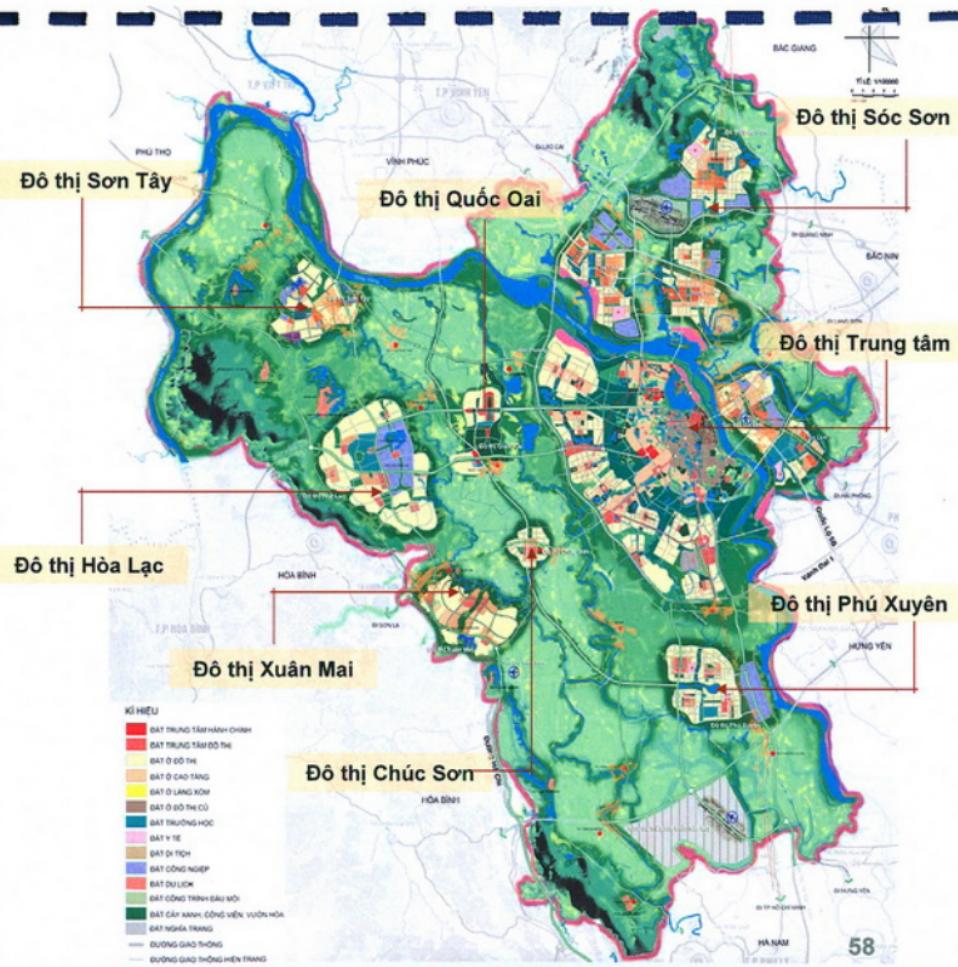
# Đặc điểm chính

## Phương án C

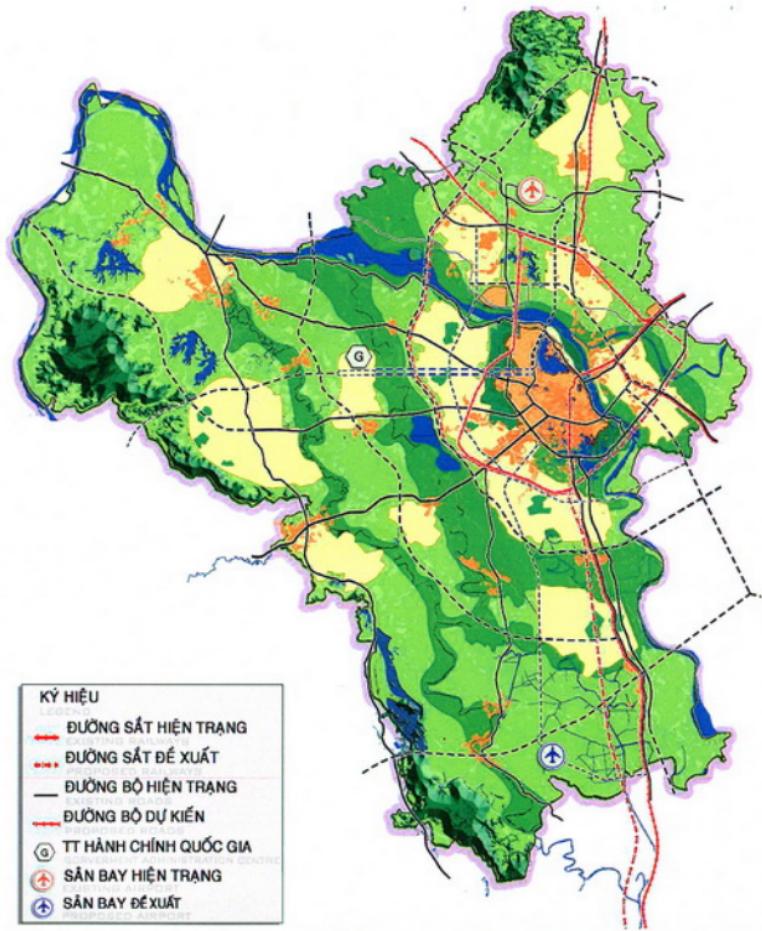
- Kết hợp các yếu tố của phương án A và B
- Khu vực đô thị trung tâm mở rộng về phía Tây sử dụng không gian cảnh quan mở như là một vùng đệm cho thành phố lịch sử trung tâm (phương án B)
- Hoà nhập với công viên bên bờ sông và các đề xuất khác trong dự án sông Hồng
- Mở rộng Thành phố về phía Bắc sông Hồng theo định hướng của Quy hoạch 1998
- 5 đô thị vệ tinh chính như đã đề xuất theo phương án A, khác nhau về quy mô dân số từ xấp xỉ 210,000 đến 750,000 người
- Đường quốc lộ bổ sung sẽ tạo được kết nối trực tiếp từ từng thành phố vệ tinh đến trung tâm Hà Nội
- Tuyến đường tàu điện kết nối các khu vực phát triển chính mới (Phương án A)
- Vị trí trung tâm hành chính quốc gia theo đề xuất trong phương án B. Trung tâm này kết nối bởi các khu vực phát triển mật độ thấp dọc theo tuyến đường Láng Hoà Lạc
- Vị trí sân bay thứ hai được đề xuất ở phía nam, huyện Ứng Hoà (phương án B)

# Sơ đồ định hướng phát triển không gian

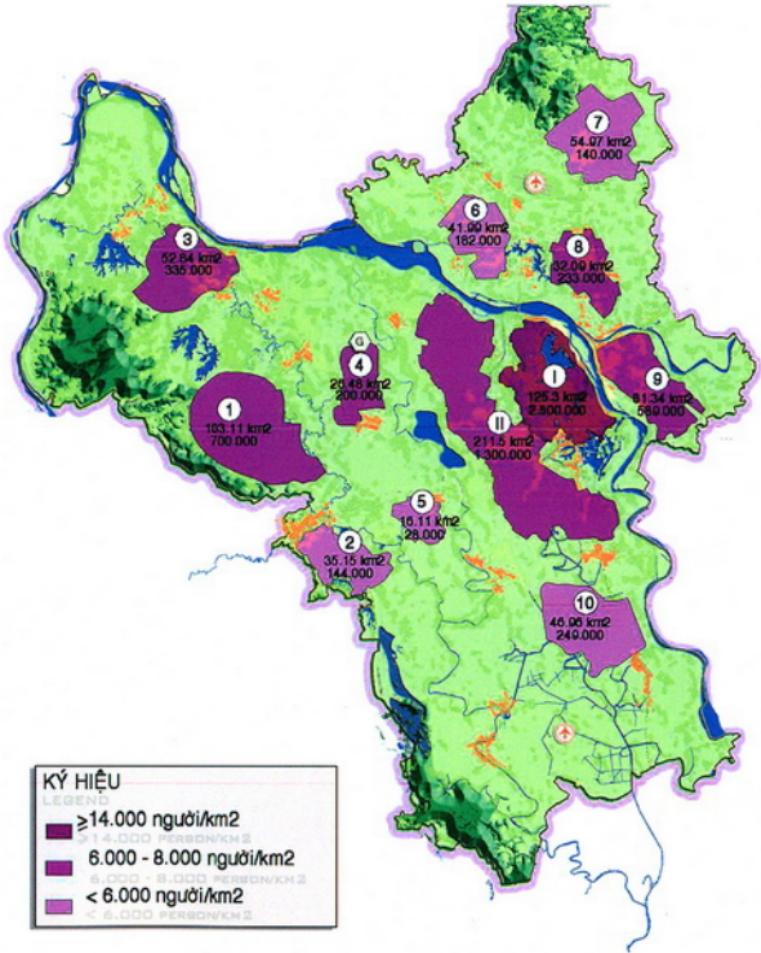
## Phương án C



# Sơ đồ Tổ chức không gian



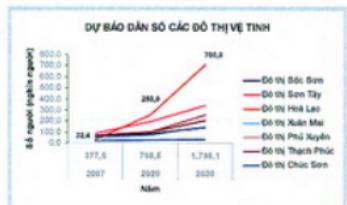
# Phân bố dân cư



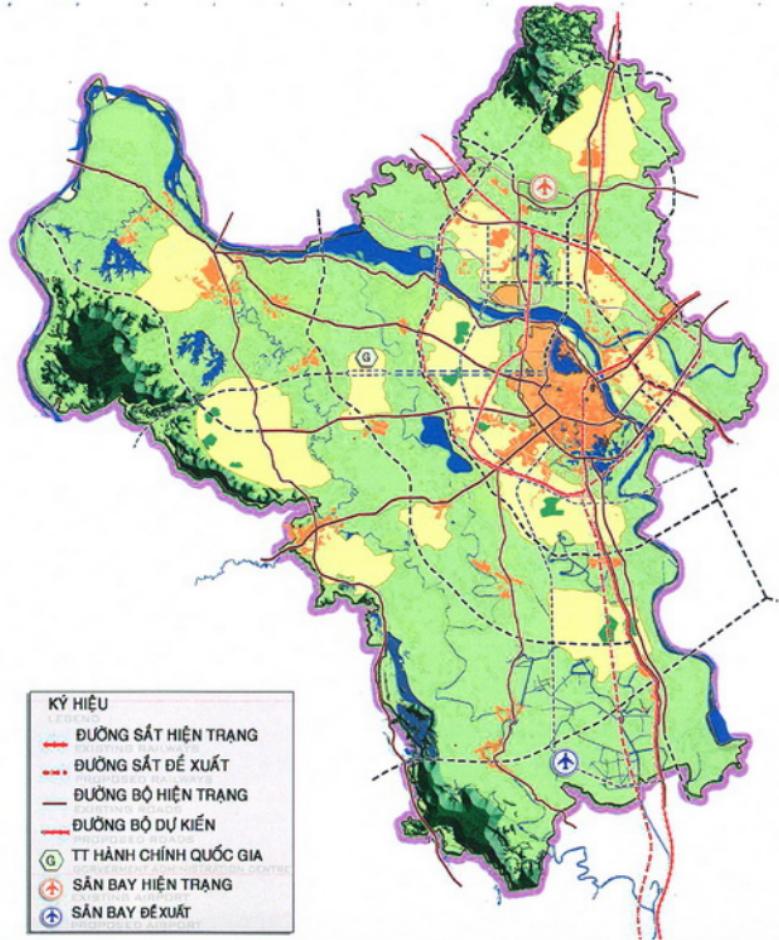
# Phân bố dân cư

STT	Danh mục	2007			2020		2030	
		Dân số (1.000 người)	Diện tích (Km2)	Mật độ (người/km2)	Dân số (1.000 người)	Mật độ (người/km2)	Dân số (1.000 người)	Mật độ (người/km2)
	<b>Toàn thành phố</b>	<b>6.159,0</b>	<b>3.344,60</b>	<b>1.841</b>	<b>7.485,1</b>	<b>2.238</b>	<b>9.815,0</b>	<b>2.935</b>
I	<b>Đô thị trung tâm</b>	<b>2.776,8</b>	<b>462,71</b>	<b>6.001</b>	<b>3.169,1</b>	<b>6.849</b>	<b>4.431,3</b>	<b>9.577</b>
1	Khu vực 8 quận nội thành	1.905,3	125,29	15.207	1.925,9	15.371	2.100,3	16.763
2	Khu vực Long Biên - Gia Lâm	246,6	81,34	3.032	355,1	4.365	589,0	7.241
3	Khu vực vành đai 3 ->4	494,8	181,99	2.719	696,0	3.825	1.327,0	7.292
4	Khu vực Mê Linh	56,7	41,99	1.351	84,0	2.001	182,0	4.334
5	Khu vực Đông Anh	73,4	32,09	2.286	108,0	3.367	233,0	7.260
II	<b>Các đô thị vệ tinh</b>	<b>377,5</b>	<b>335,62</b>	<b>1.125</b>	<b>798,5</b>	<b>2.379</b>	<b>1.796,1</b>	<b>5.352</b>
1	Đô thị Sóc Sơn	59,8	54,97	1.087	78,0	1.419	140,0	2.546
2	Đô thị Sơn Tây	87,7	52,84	1.660	187,0	3.540	335,0	6.341
3	Đô thị Hoà Lạc	32,4	103,11	314	250,0	2.425	700,0	6.789
4	Đô thị Xuân Mai	45,2	35,15	1.287	66,5	1.893	144,0	4.098
5	Đô thị Phú Xuyên	65,4	46,96	1.392	96,0	2.044	249,0	5.303
6	Đô thị Quốc Oai	66,0	26,48	2.493	97,0	3.661	200,0	7.553
7	Đô thị Chúc Sơn	21,0	16,11	1.301	24,0	1.493	28,0	1.739
III	<b>Các thị trấn hiện có (còn lại)</b>	<b>151,4</b>	<b>69,06</b>	<b>2.192</b>	<b>198,3</b>	<b>2.871</b>	<b>278,6</b>	<b>4.035</b>
IV	<b>Nông thôn</b>	<b>3.684,6</b>	<b>2.477,21</b>	<b>1.487</b>	<b>3.319,2</b>	<b>1.340</b>	<b>3.309,0</b>	<b>1.336</b>

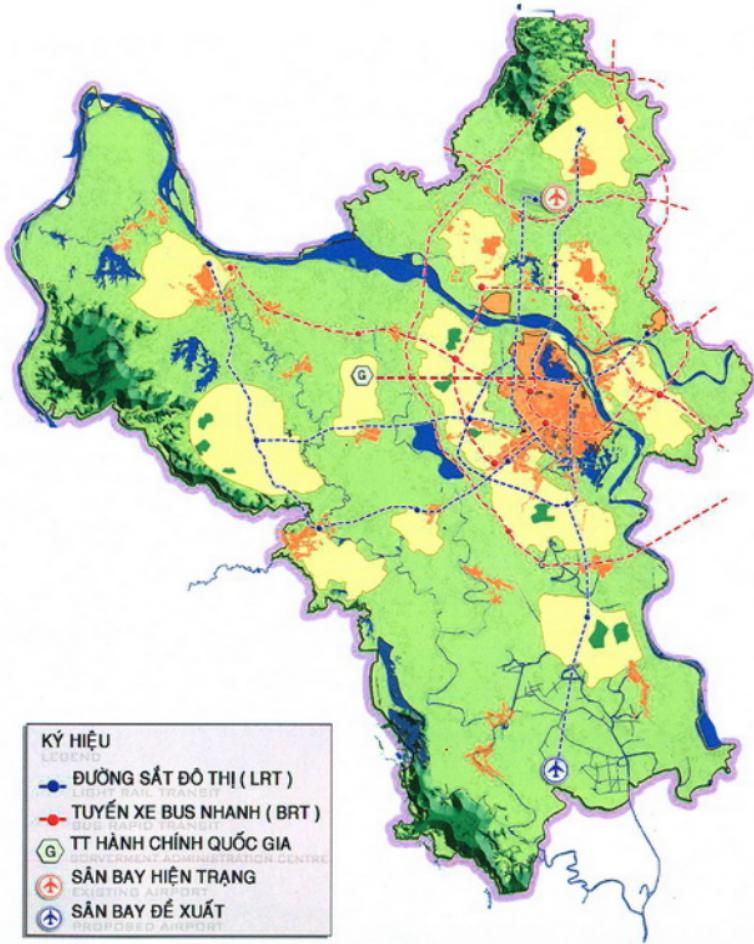
## Dự báo dân số theo khu vực



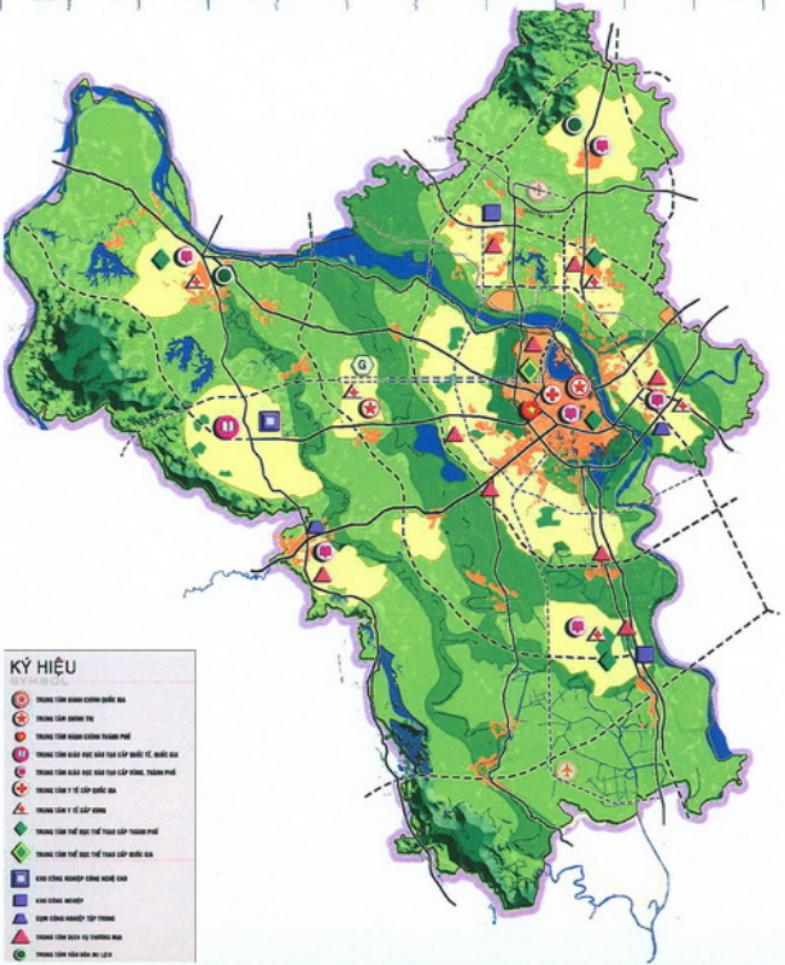
# Hệ thống giao thông đường bộ



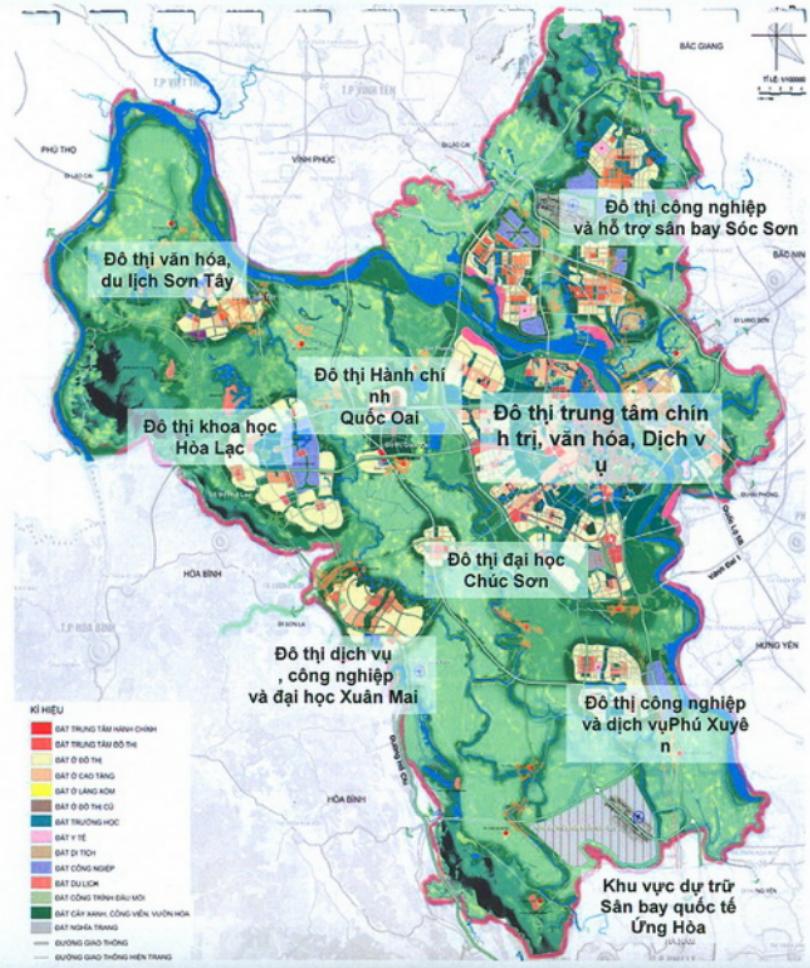
# Hệ thống giao thông công cộng



# Phân khu chức năng



# Các chức năng chính: Phương án C

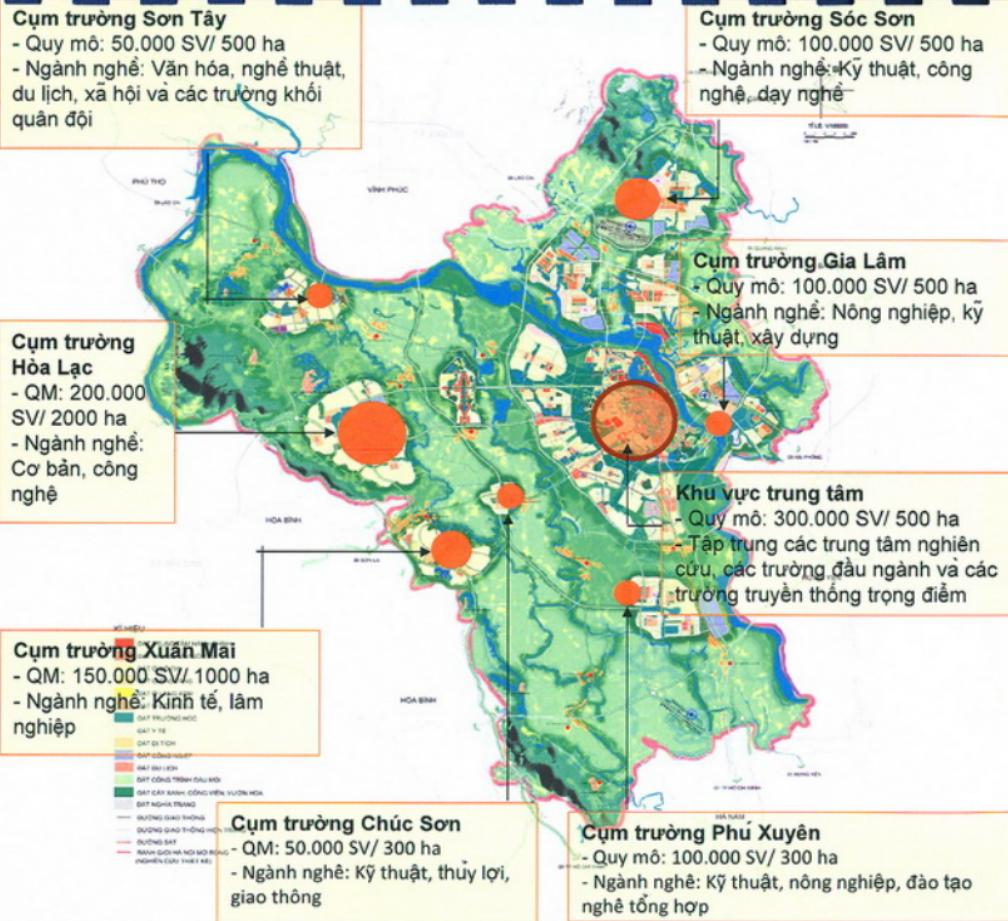


# Định hướng quy hoạch hệ thống trung tâm

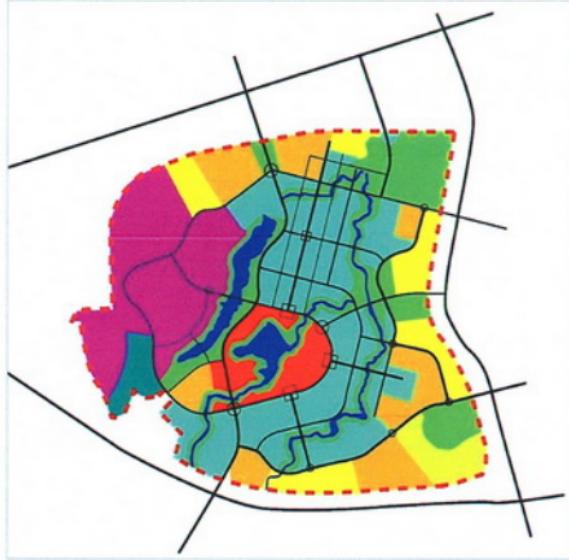
## Giáo dục

### Quy hoạch 2030

- Chỉ tiêu: 50 – 60m<sup>2</sup>/ SV
- 1 - 1,2 triệu sinh viên
- 5.000 – 6.000 ha đất
- Giãn quy mô đào tạo ra các đô thị vệ tinh. Giới hạn phát triển tại khu vực trung tâm



# Khu đại học Quốc gia



- Các trường đại học thành công khi hoà nhập với cộng đồng xung quanh. Mật độ dân số sinh viên sẽ tương ứng với mật độ dân cư ở khu vực xung quanh.
- Một số học viện nổi tiếng hành đầu thế giới trình độ cao như Princeton and Stanford – theo chiến lược sẽ được đặt ở gần khu công nghệ cao. Các học viện này cùng với nhau tạo thành những cái nôi phát triển kinh tế cho khu vực
- Các trường đại học nên cùng tồn tại hài hòa với nhau với nhiều chức năng khác nhau, bao gồm trung tâm thương mại phát triển, các khu vực dân cư liền kề và không gian mở công cộng.

# Trung tâm đại học quốc gia



**ĐẠI HỌC HARVARD** Cambridge,  
Massachusetts, USA  
Quy mô: 16,467 sinh viên  
Diện tích: 154 Hectares  
Mật độ: 106.97 sinh viên/ha.



**ĐẠI HỌC PRINCETON**  
Princeton, New Jersey, USA  
Quy mô : 7,497 sinh viên  
Diện tích : 243 Hectares  
Mật độ : 30.85 sinh viên /ha.



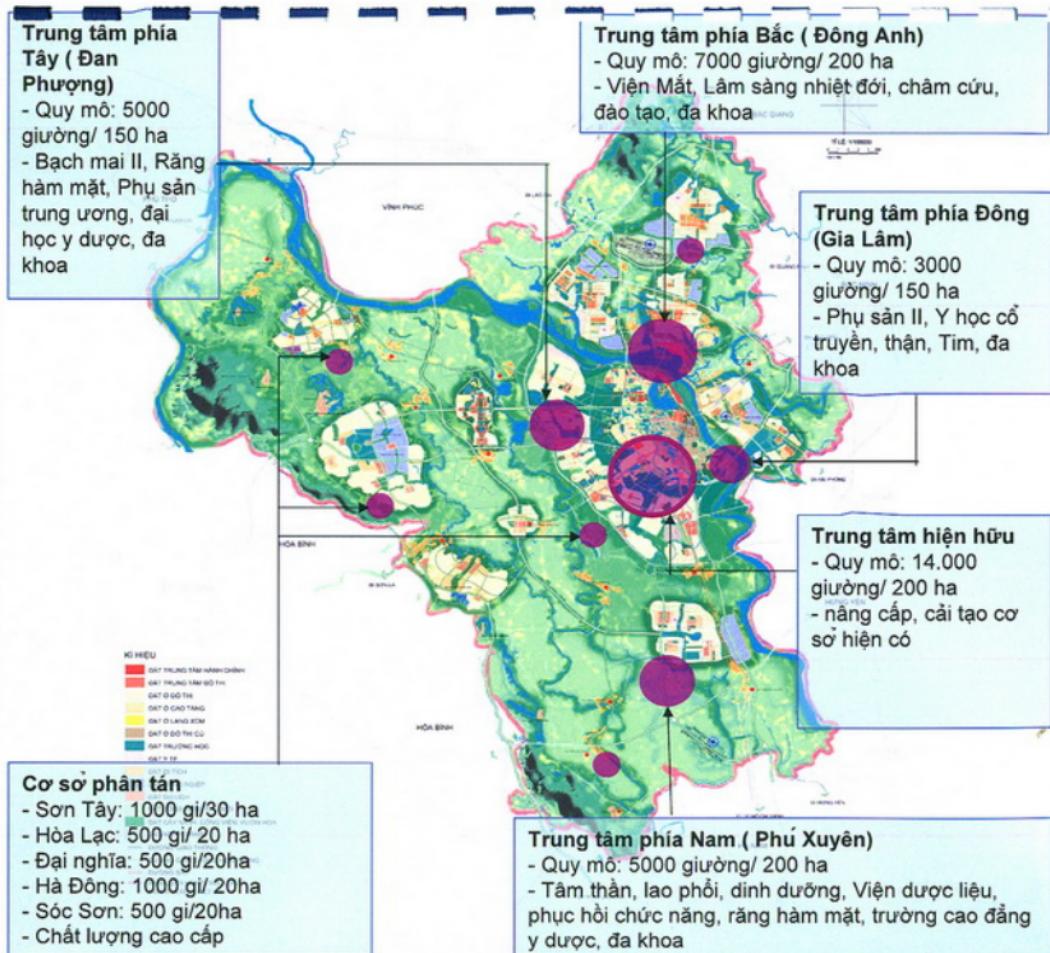
**ĐẠI HỌC STANFORD**  
Palo Alto, California, USA  
Quy mô : 16,812 sinh viên  
Diện tích : 3,278 Hectares  
Mật độ : 5.12 students/ha.

# Định hướng quy hoạch hệ thống trung tâm

## Y tế

### Quy hoạch

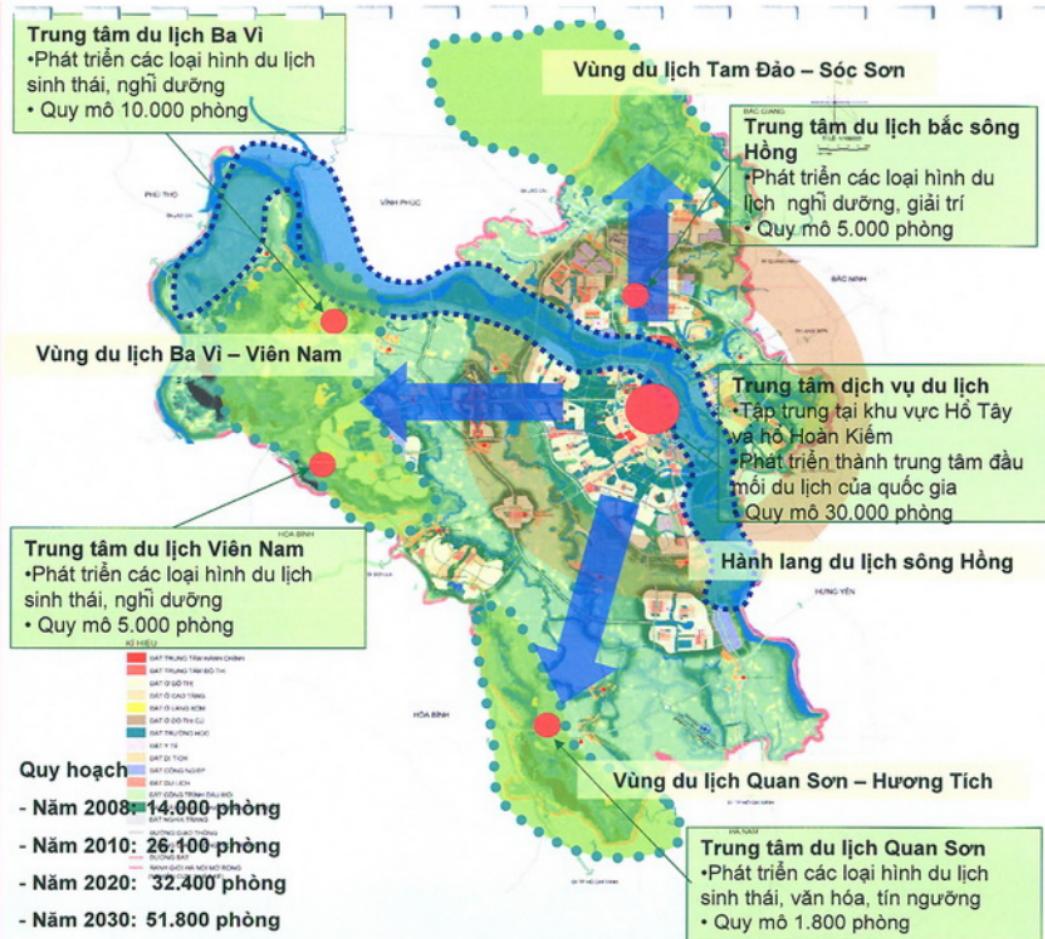
- 30–40 giường/10.000 ng
- 38.000 giường
- 900 – 1000 ha đất
- Phát triển các trung tâm y tế tập trung bao gồm nghiên cứu, đào tạo và khám chữa bệnh



# Định hướng quy hoạch hệ thống trung tâm

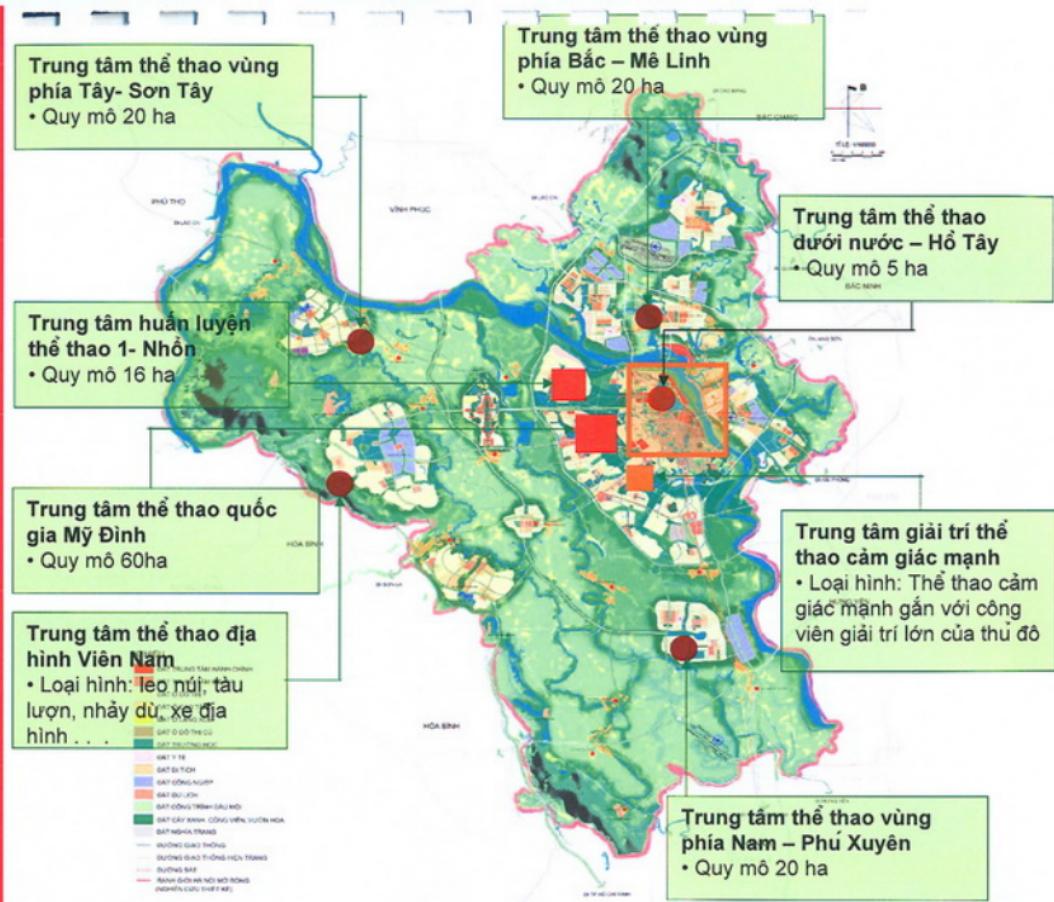
## Du lịch

Hà nội điểm đến hấp dẫn  
của khách du lịch trong  
nước và quốc tế



# Định hướng quy hoạch hệ thống trung tâm

TDTT



# Định hướng quy hoạch hệ thống trung tâm

## văn hóa

Hà nội trung tâm văn hóa  
khu vực Đông Nam Á

### Trung tâm văn hóa xứ Đoài

Loại hình: Bảo tồn các làng cổ Đường Lâm, thành cổ Sơn Tây, Đinh chùa truyền thống và phát triển các bảo tàng, trung tâm lưu giữ thông tin văn hóa xứ Đoài



### Làng văn hóa các dân tộc Việt Nam

- Làng văn hóa đặt tại Khu du lịch Đồng mô tiếp tục hoàn thiện và phát triển thành trung tâm giao lưu, nghiên cứu văn hóa

XÍ HIẾU
DẤT PHƯƠNG TÀI MÃNH CHƠI
DẤT THIỀN TRẠM CHƠI
DẤT ĐÔ THỊ
DẤT ĐÔ THỊ TỔNG
DẤT ĐÔ THỊ KỘI
DẤT ĐÔ THỊ TỐI
DẤT PHƯỜNG HỘ
DẤT TỔ
DẤT TỔ TỔ
DẤT CỘNG NGHỆ
DẤT SỰ VĨNH
DẤT CỘNG HÒA
DẤT CỘNG HÒA DUY NHẤT
DẤT CỘNG HÒA CỐNG HỀN VIỆT HÓA
DẤT NGHỆ THAO
DƯỢNG KHẨU
DƯỢNG KHẨU
DẤT ĐÔ THỊ HÀ NỘI MỎ HỒNG
DẤT ĐÔ THỊ HÀ NỘI THỦ KHOA

### Trung tâm văn hóa Hà Nội

Xây dựng trung tâm văn hóa mới trên trục kết nối Hồ Tây và Cố Loa. Gắn với sông Hồng và thành cổ Hà Nội.  
Các công trình như: bảo tàng, nhà hát, nhà văn hóa



### Vùng bảo tồn văn hóa Thăng Long

Loại hình: Bao gồm các giá trị vật thể và các giá trị phi vật thể.



### Trục văn hóa xứ Đông

HUNG YEN

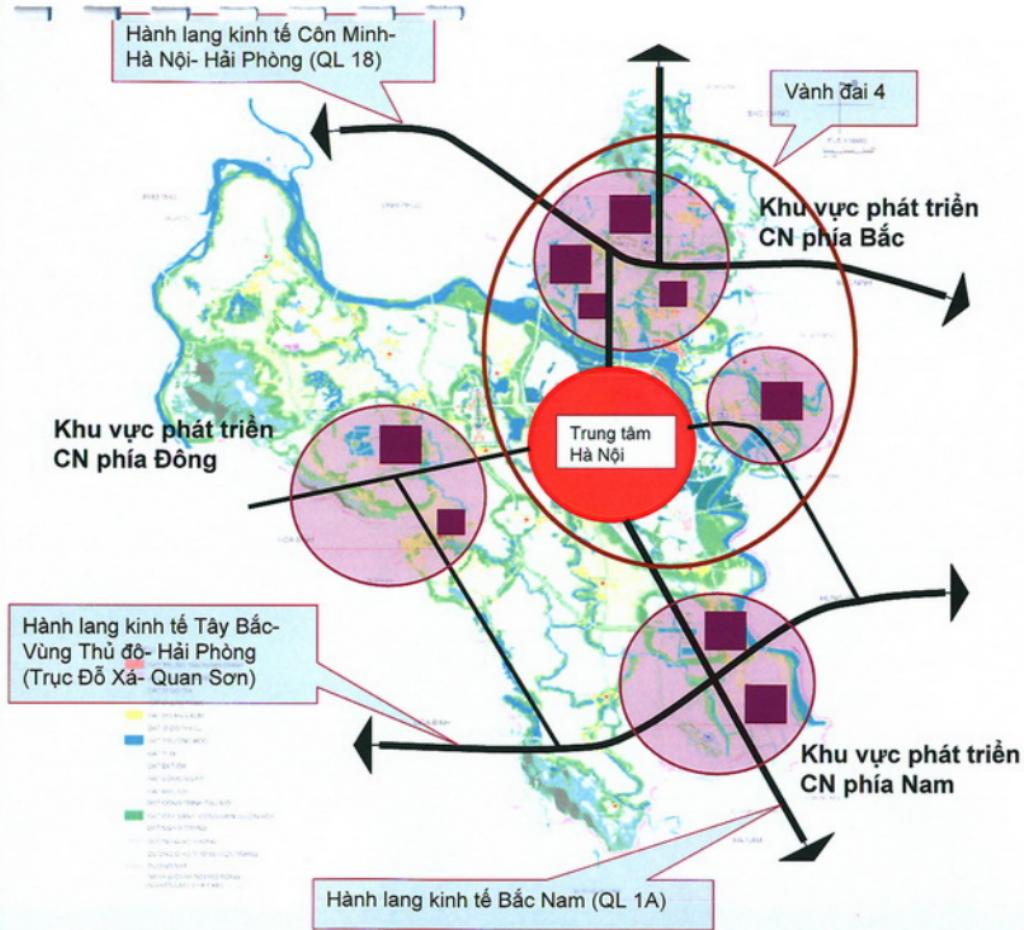
### Trung tâm văn hóa quốc gia

- Loại hình: Quảng trường văn hóa lớn, bao quanh bởi các trung tâm giao lưu văn hóa của quốc gia và quốc tế
- Phát triển trung tâm nghiên cứu, hợp tác với các nền văn hóa trên thế giới và trong khu vực

# Định hướng quy hoạch hệ thống

## Công nghiệp

Sơ đồ phân bố  
mạng lưới công  
nghiệp



# Định hướng quy hoạch hệ thống

## Công nghiệp

### - Các khu tập trung CN trong nội thành:

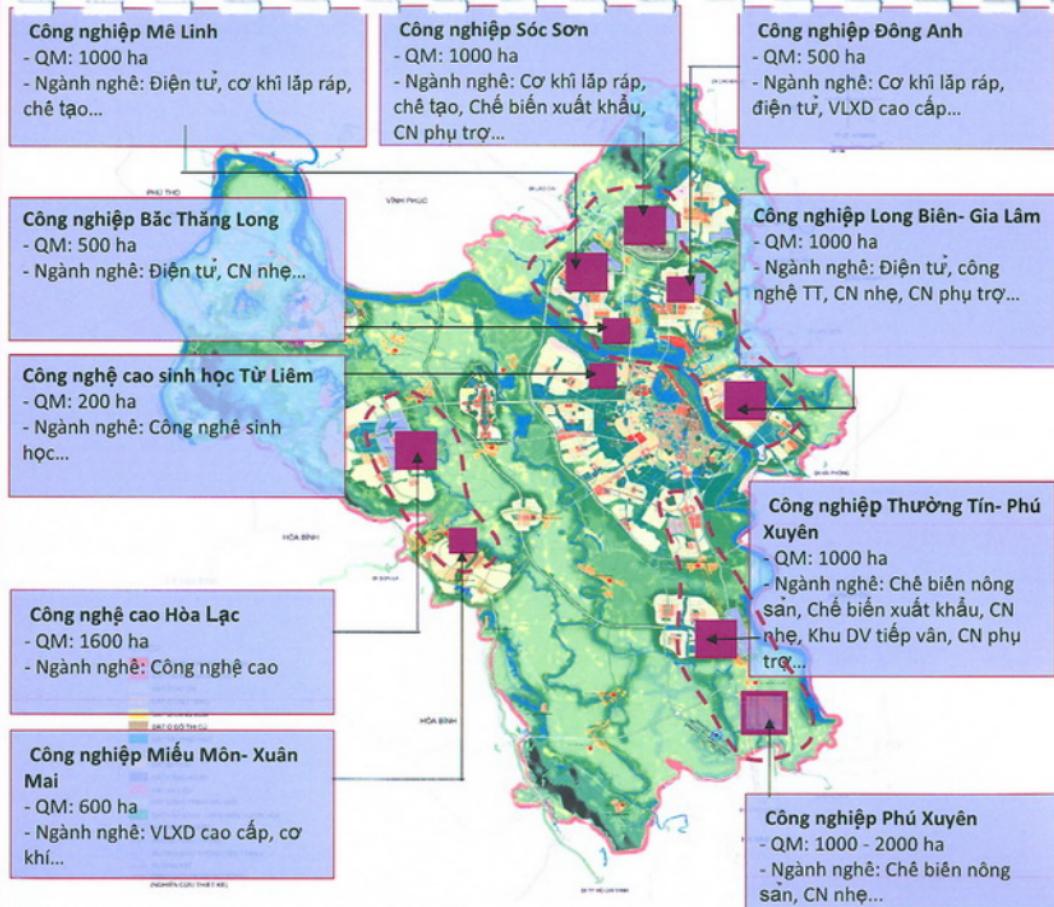
Đổi mới công nghệ các cơ sở CN ô nhiễm và lạc hậu, di chuyển đến các khu CN cùng loại hình ngành nghề theo quy hoạch hoặc ra các tỉnh lân cận.

### - Khu & cụm CN:

Phát triển công nghiệp sạch, công nghệ cao và công nghiệp phụ trợ.

### - Các Điểm TTCN & Làng nghề truyền thống:

Phát triển TTCN gắn với ngành nghề nông thôn, chú trọng bảo vệ môi trường; QH các cụm làng nghề truyền thống theo các nhóm nghề, kết hợp với bảo tồn và khai thác du lịch.



8000 - 9000 ha đất công nghiệp đến năm 2030

# Định hướng quy hoạch hệ thống trung tâm

## Thương mại

### Sơ đồ phân bố mạng lưới thương mại



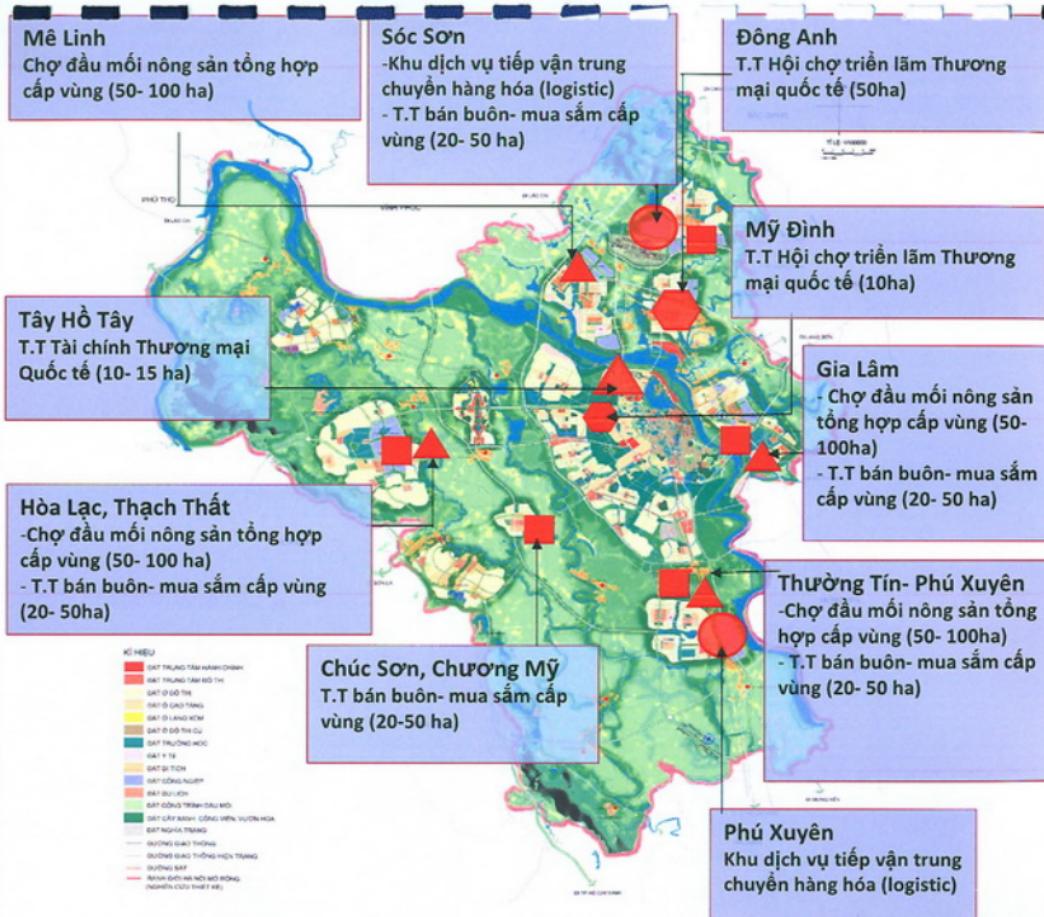
# Định hướng quy hoạch hệ thống trung tâm

## Thương mại

- Hình thành một cấu trúc hợp lý các hệ thống và kênh phân phối trên địa bàn Hà Nội, phát triển hài hòa giữa thị trường thành phố và nông thôn, giữa thương mại truyền thống và hiện đại;

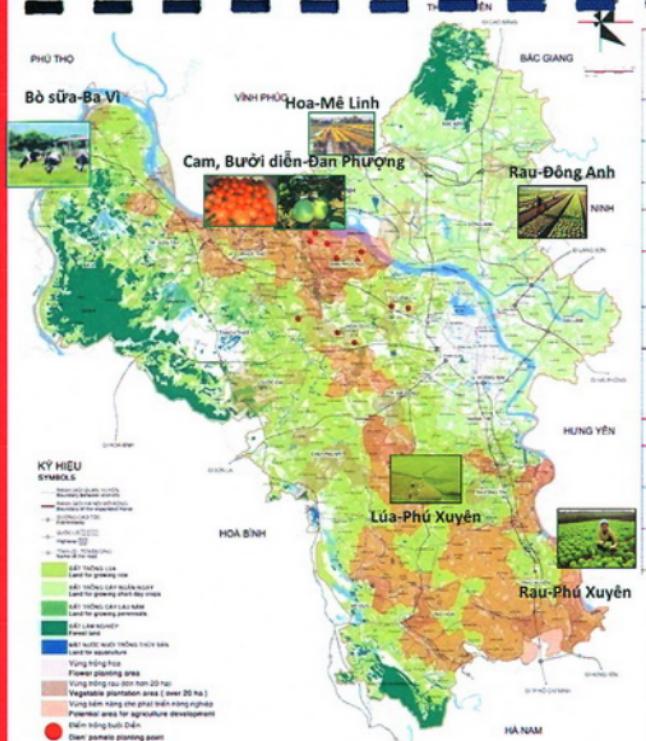
- Gắn kết hiệu quả với mạng lưới thương mại- dịch vụ trong Vùng Kinh tế Trọng điểm Bắc Bộ, đảm bảo các chức năng trong Vùng;

- Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại đồng bộ, hiện đại tại các khu vực trọng tâm phát triển của Thủ đô, trong đó, một số công trình có tiêu chuẩn ngang tầm với các nước trong khu vực và quốc tế.



# Định hướng quy hoạch

## Nông nghiệp



TT	Chỉ tiêu	DVT	Hiện trạng năm 2007			Mục tiêu Năm 2010	Định hướng Năm 2020
			Hà Nội	Hà Tây	Tổng số		
1	Tổng diện tích đất tự nhiên	Km <sup>2</sup>			3.344,70	3.344,70	3.344,70
	- Đất nông nghiệp	Ha			170.355	157.792	127.787
	- Đất lúa	Ha			105.930	95.252	50.530
	- Đất làm nghiệp	Ha			21.760	22.058	25.123
2	Tổng số lao động nông nghiệp	Người	284.378	771	1.055.378		
3	Tốc độ tăng trưởng kinh tế	%	11,81	12,90		11-12	10-11
	- Trong đó tốc độ tăng trưởng giá trị SX nông nghiệp	%	1,2	2,5		2,5-3	2-2,5
4	Cơ cấu kinh tế	%					
	- Công nghiệp - xây dựng	%	40,85	42		41,5-42	35-36
	- Dịch vụ - thương mại	%	57,75	31,30		52,5-53	62,5-63
	- Nông nghiệp - ngư nghiệp	%	1,40	26,70		5-5,5	1,5-2

- Bảo tồn và phát triển tối đa các hoạt động trang trại truyền thống có tính khai thi – như sản xuất lúa gạo – hoạt động này chưa đựng những đặc trưng chủ yếu của cảnh quan. Các huyện Phú Xuyên, Phúc Thọ và Đan Phượng chính là những vùng có tầm quan trọng đặc biệt.

- Khuyến khích phát triển các ngành nghề trang trại có năng suất cao: sản xuất rau, trồng hoa và cây cảnh. Chương Mỹ, Từ Liêm, Quốc Oai và Hoài Đức thuộc Huyện Mê Linh, là những xã phát triển tổng thể các hoạt động trang trại này.

### Đất lúa:

Năm 2007: 105.930ha

Năm 2010: 95.252ha

Năm 2020: 50.530ha

Năm 2030-2050: 40.000 ha  
(đảm bảo an ninh lương thực)

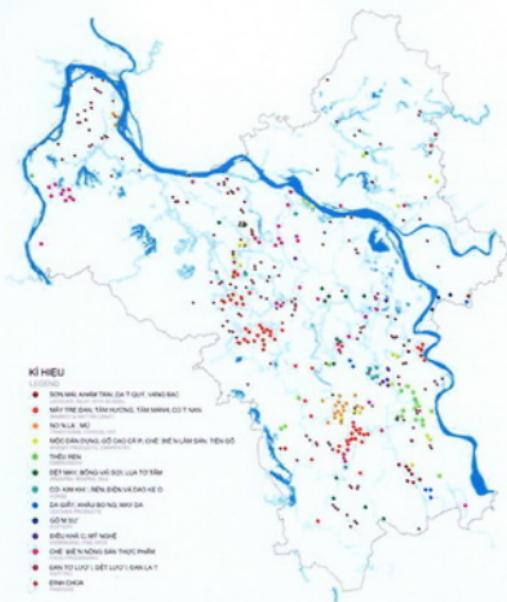


# Định hướng quy hoạch

## Làng nghề truyền thống

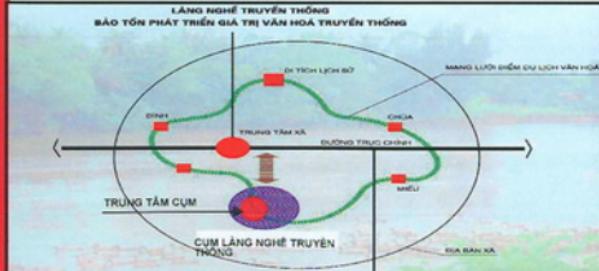
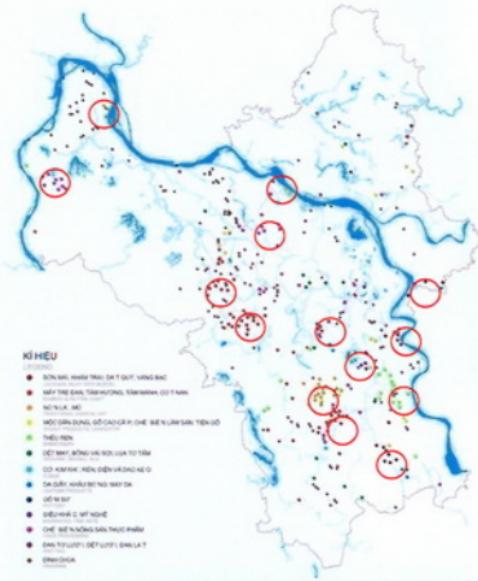
Xây dựng trung tâm cụm làng nghề truyền thống

### Hiện trạng



### Định hướng

## CRAFT VILLAGES AND PAGODAS



# Định hướng quy hoạch

## Làng di sản

. Bảo tồn kết hợp khai thác du lịch tham quan-nghiên cứu- lễ hội

## Làng thuần nông

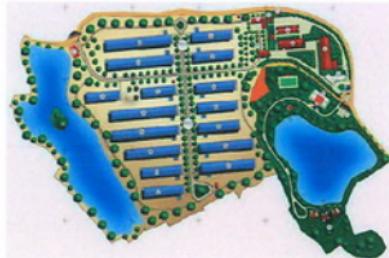
. Mô hình trang trại hoa, rau, quả/ chăn nuôi kết hợp du lịch tham quan

Phát triển mô hình nông nghiệp đô thị

### Làng di sản



### Làng thuần nông

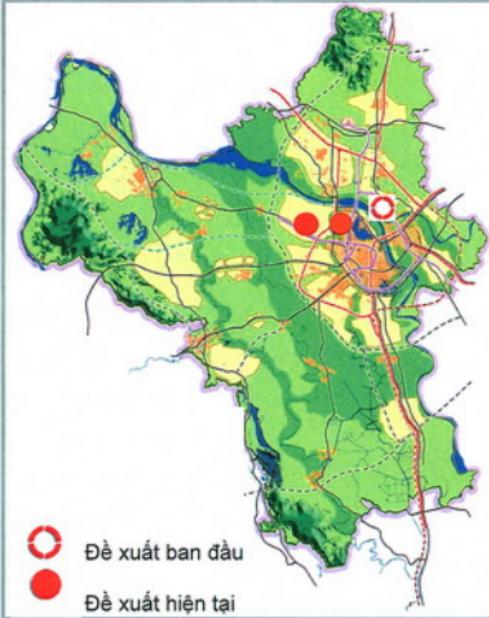


**Nghiên cứu  
chi tiết**

Trung tâm  
hành chính  
quốc gia

10

# Phương án Trung tâm hành chính Chính phủ



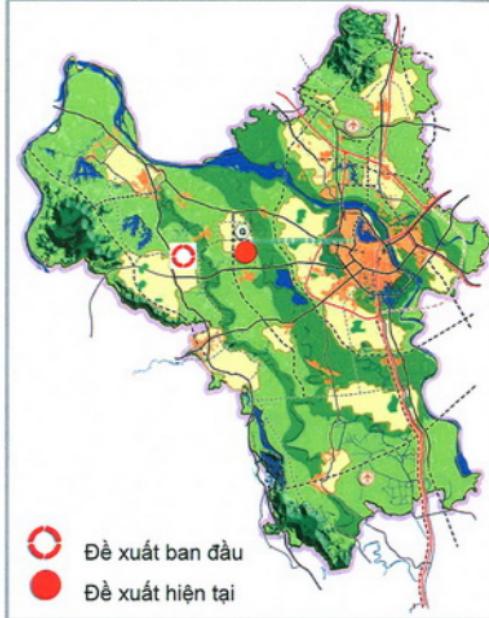
Phương án A

## Ưu điểm:

- Vị trí gần với trung tâm đô thị hiện hữu

## Nhược điểm:

- Tập trung phát triển khu vực trung tâm vón đà quá tải
- Phân bổ nguồn lực không hợp lý dễ gây bệnh đầu to



Phương án B

## Ưu điểm:

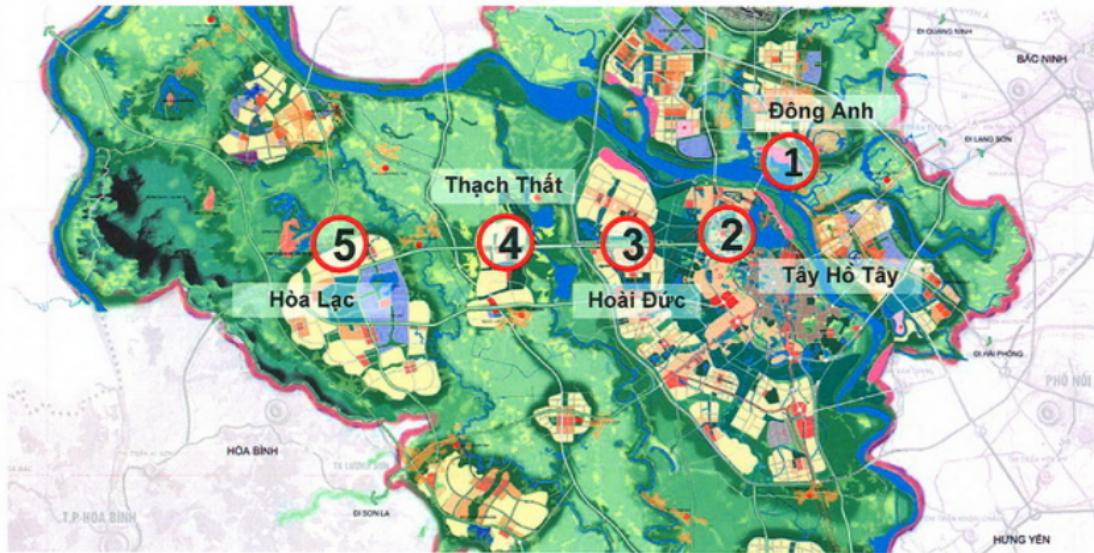
- Có mối liên hệ với chuỗi đô thị vệ tinh phía tây, độc lập với đô thị trung tâm

- Là động lực thúc đẩy hình thành các đô thị vệ tinh phía tây

## Nhược điểm:

- Đầu tư lớn hạ tầng kết nối với trung tâm Ba Đình

# Trung tâm hành chính Phương án C



5 Phương án lựa chọn Trung tâm hành chính

# Các tiêu chí lựa chọn

## Tiêu chí lựa chọn trung tâm hành chính quốc gia tiềm năng

- Nhất quán với các quyết định quy hoạch chính khác
  - Dự án phát triển hai bên bờ sông Hồng
  - Hành lang xanh
  - Ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống giao thông công cộng và thành phố vệ tinh
- Quy mô thích hợp: khoảng 100 ha - 200 ha
- Hình dạng thích hợp: cho phép quy hoạch mặt bằng hấp dẫn và có hiệu quả
- Hạn chế tối đa ảnh hưởng đến các vấn đề sử dụng đất nhạy cảm hiện hữu
- Các chức năng sử dụng đất và ảnh hưởng thích hợp với khu vực liền kề
- Dễ dàng tiếp cận với các phương tiện giao thông và giao thông công cộng : hiện hữu và cải thiện điều kiện hiện có
- Hỗ trợ tốt về cơ sở hạ tầng hiện hữu và cải thiện điều kiện hiện có
- Tiện lợi cho các lực lượng lao động hiện hữu và trong tương lai
- Kết nối có hiệu quả với trung tâm chính trị quốc gia
- Chi phí phát triển bao gồm dịch chuyển theo yêu cầu
- Không nằm trong vùng bị lũ lụt
- Thích hợp về các tiêu chí văn hóa lịch sử bao gồm tiêu chí về phong thuỷ

# Trung tâm Hành chính Quốc gia: Đánh giá

## Các đề xuất về trung tâm hành chính quốc gia (nếu quyết định vào năm nay)

	Vị trí Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
Nhất quán với các quy hoạch					
Hành lang xanh	●	●	●	○	●
Sông Hồng	●	●	●	●	●
Mạng lưới đường	●	●	●	○	●
Giao thông công cộng	●	●	▲	○	●
Có sẵn đất	●	●	▲	●	●
Quy mô	●	X	●	●	●
Hình dạng	▲	▲	●	●	●
Ảnh hưởng đến các khu vực nhạy cảm	●	●	●	●	●
Chức năng sử dụng đất liền kề	●	●	●	●	●
Tiếp cận với các phương tiện giao thông	▲	●	●	●	●
Tiếp cận với giao thông công cộng	▲	▲	●	●	●
Thuận tiện cho lực lượng lao động	▲	●	●	●	●
Thuận tiện cho việc đi lại hành	▲	●	▲	●	●
Các ván đề lũ lụt	▲	●	●	●	●
Văn hóa/ Lịch sử	○	●	▲	●	●

- I ốt
- Tôi (nếu thực hiện quy hoạch chung Hà Nội)
- ▲ Vừa phải
- Có thể có vấn đề
- Vấn đề lớn
- X Không ảnh hưởng

Rà soát đồ  
án, dự án

11

# Đồ án, Dự án

## Các đề xuất

### Đánh giá 744 đồ án, dự án và 240 đồ án, dự án giai đoạn 1

- Một số vấn đề nếu kết hợp với các quy hoạch chi tiết mạng lưới đường và giao thông công cộng có hiệu quả, kết nối với không gian mở, cơ sở hạ tầng ...
- Các dự án được chấp nhận
  - Một vài vấn đề nếu kết hợp vào kế hoạch toàn diện
  - Một vài vấn đề nếu liên quan đến các quy hoạch phát triển chính :
    - Giao thông công cộng, đường quốc lộ, đại học quốc gia, khu công nghệ cao, trung tâm hành chính, sân bay thứ hai, hành lang xanh
- Các dự án có thể được chấp nhận sau khi điều chỉnh nhưng không xung đột với các đường lối quy hoạch hiện tại
  - Cần phải nghiên cứu sâu hơn
- Các dự án tạm dừng
  - Các dự án mà xung đột lớn với các đường lối quy hoạch chính như :
    - Bảo tồn khu vực nông nghiệp năng suất cao
    - Bảo tồn khu vực cảnh quan thiên nhiên quan trọng
    - Khu vực kiểm soát lũ
    - Ảnh hưởng đến làng nghề truyền thống và các khu vực nhạy cảm
  - Các dự án sinh thái có chức năng du lịch thể thao vui chơi giải trí trong vùng vành đai xanh cũng được chấp nhận

## Các tiêu chí chính của 744 dự án quy hoạch

- 1. Tiêu chí về Năng suất**
- 2. Tiêu chí về Môi trường tự nhiên**
- 3. Tiêu chí về Môi trường xã hội**
- 4. Tiêu chí về Chính sách của Chính phủ**

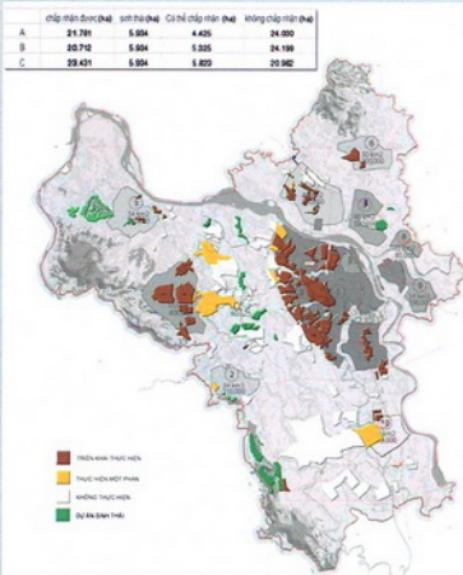
## ■ Đánh giá cụ thể tiêu chí cho 744 dự án phát triển mới

Tiêu chí	Tiêu chí cụ thể	Điểm	Cấp độ 1	Cấp độ 2	Cấp độ 3	Cấp độ 4
1.Tiêu chí về năng suất	1) Năng suất lúa, kg trên hecta	10	10 ≥ 4,500	7.5 4,500 - 5,000	5 5,000 - 5,500	2.5 5,500 <
2.Tiêu chí về tài nguyên môi trường	1) Độ dốc	10	1 30 - 50%	0.75 15 - 7%	0.5 7 - 2%	0.25 2% <
	2) Tính tiêu nước		1 Rất xấu	0.75 Rất xấu	0.5 Hơi tốt	0.25 Hơi tốt
	3) Cấu trúc đất		1 Đất mùn có chứa đất sét Đất mùn	0.75 20 - 50	0.5 Mùn nguyên chất, đất sét	0.25 Đất sét
	4) Độ sâu hiệu quả của đất(cm)		1 ≥ 20	0.75 20 - 50	0.5 50 - 100	0.25 100 <
	5) Đất sỏi		1 ≥ 20	0.75 20 - 50	0.5 50 - 100	0.25 100 <
	6) Bề mặt đất trống		1 ≥ 35%	0.75 35 - 25%	0.5 25 - 10%	0.25 10% <
	7) Mức độ xói mòn		1 ≥ 75%	0.75 75%	0.5 75 - 25%	0.25 25% <
	8) Chất lượng nước (BOD)		1 ≥ 10ppm	0.75 8 - 6ppm	0.5 6 - 3ppm	0.25 3ppm <
	9) Bề rộng của sông, chất lượng nước		1 ≥ 90m	0.75 90 - 60m	0.5 60 - 30m	0.25 30m <
	10) Khoảng cách giữa sông và khu vực phát triển		1 ≥ 900	0.75 900 - 600	0.5 600 - 300	0.25 300 <
3.Tiêu chí về điều kiện xã hội	1) Khoảng cách của các khu vực phát triển trước đây	10	2 ≥ 1.0km	1.5 1.0 - 1.5km	1.0 1.5 - 2.0km	0.5 2.0 - 3.0km
	2) Khoảng cách giữa các Tiện nghi công cộng		2 ≥ 1.0km	1.5 1.0 - 2.0km	1.0 2.0 - 3.0km	0.5 3.0 - 4.0km
	3) Khoảng cách giữa khu đất trống		2 ≥ 2.0km	1.5 2.0 - 1.5km	1.0 1.5 - 1.0km	0.5 1.0 - 0.5
	4) Khoảng cách giữa khu công cộng		2 ≥ 1.5	1.5 1.5 - 1.0	1.0 1.0 - 0.5	0.5 0.5 - 0.2
	5) Độ chính xác của sự tập trung		2 ≥ 10ha	1.5 10 - 7ha	1.0 7 - 3ha	0.5 3ha <
	Đất nông nghiệp		2 ≥ 1500ha	1.5 1500 - 1000ha	1.0 1000 - 500ha	0.5 500ha <
	Các vùng công nghiệp					
4.Tiêu chí về chính sách của chính phủ	1) Bước xúc tiến của quá trình phê duyệt	10	5 Giấy phép xây dựng Giấy phép mêt bằng	3.8 Giấy phép	3.2 Giao đất	2.6 Giấy phép đầu tư
	A. Lợi ích công cộng		1 Đóng góp lớn	0.75 Đóng góp	0.5 Đóng góp ít	0.25 Không đóng góp
	B. Phát triển bền vững		1 Ảnh hưởng lớn	0.75 Ảnh hưởng	0.5 Ảnh hưởng thấp	0.25 Không ảnh hưởng
	C. Sự phù hợp với các đặc điểm vùng		1 Thích ứng cao	0.75 Thích ứng	0.5 Thích ứng thấp	0.25 Không thích ứng
	D. Sự phù hợp với phương án cấp đổi cao hơn		1 Thích ứng cao	0.75 Thích ứng	0.5 Thích ứng thấp	0.25 Không thích ứng
	E. Khả năng thực tiễn để làm việc : phương án đầu tư		1 Thực thi cao	0.75 Thực thi	0.5 Thực thi thấp	0.25 Không thực thi
			5 Đóng góp 1 Ảnh hưởng 1 Thích ứng 1 Thực thi	4.4 Chuẩn bị	2.0 Chuẩn bị	2.0 Chuẩn bị
			1 Đóng góp 1 Ảnh hưởng 1 Thích ứng 1 Thực thi			

\* Each items can be weighted by importance

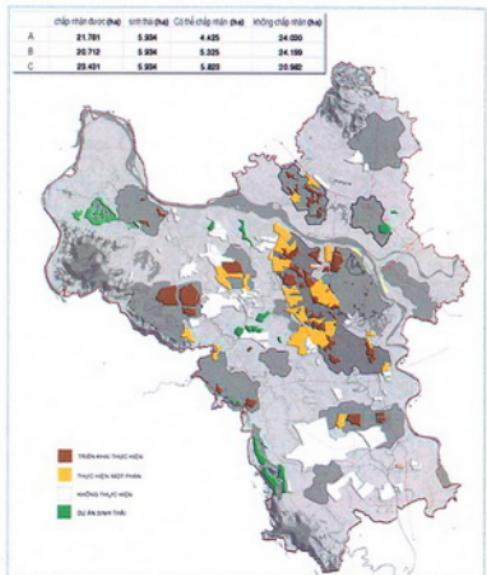
# Đánh giá 744 đồ án, dự án

	Số % chấp nhận được	% sinh thái	Số % Có thể chấp nhận	Số % không chấp nhận
A	43,4	11,8	8,8	47,8
B	41,2	11,8	10,6	48,2



Phương án A

64% diện tích dự án có thể chấp nhận được  
Được điều chỉnh nội dung phù hợp với quy hoạch chung

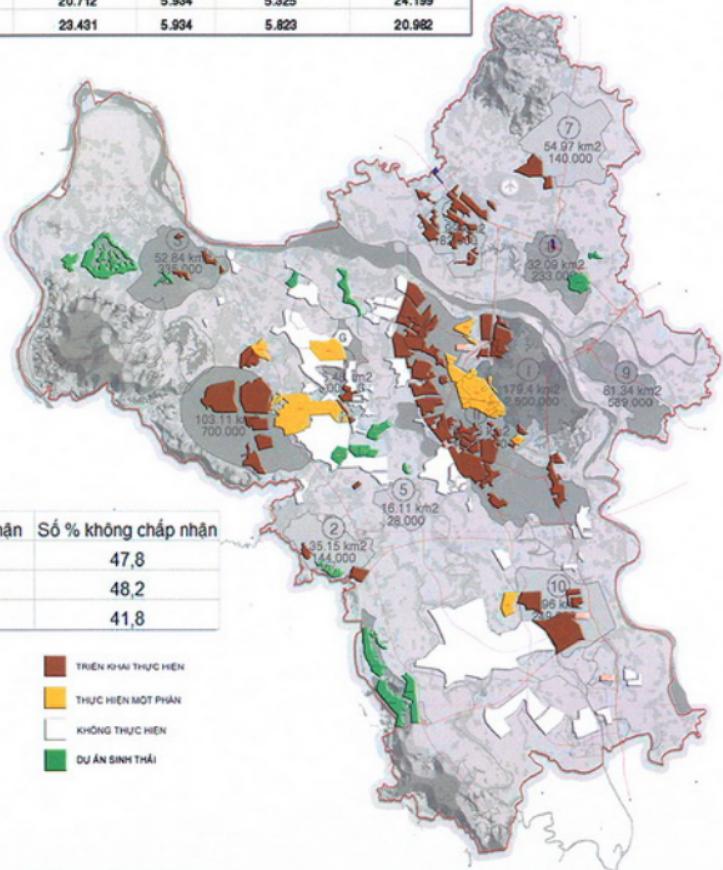


Phương án B

63,6% diện tích dự án có thể chấp nhận được  
Được điều chỉnh nội dung phù hợp với quy hoạch chung

# Đánh giá 744 đồ án, dự án (PA C)

	chấp nhận được (ha)	sinh thái (ha)	Có thể chấp nhận (ha)	không chấp nhận (ha)
A	21.781	5.934	4.425	24.000
B	20.712	5.934	5.325	24.199
C	23.431	5.934	5.823	20.982



Số % chấp nhận được	% sinh thái	Số % Có thể chấp nhận	Số % không chấp nhận	
A	43,4	11,8	8,8	47,8
B	41,2	11,8	10,6	48,2
C	46,6	11,8	11,6	41,8

- TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
- THỰC HIỆN MỘT PHẦN
- KHÔNG THỰC HIỆN
- DỰ ÁN SINH THÁI

69% diện tích dự án  
có thể chấp nhận  
được  
Được điều chỉnh nội  
dung phù hợp với quy  
hoạch chung

**Đô thị  
trung tâm**

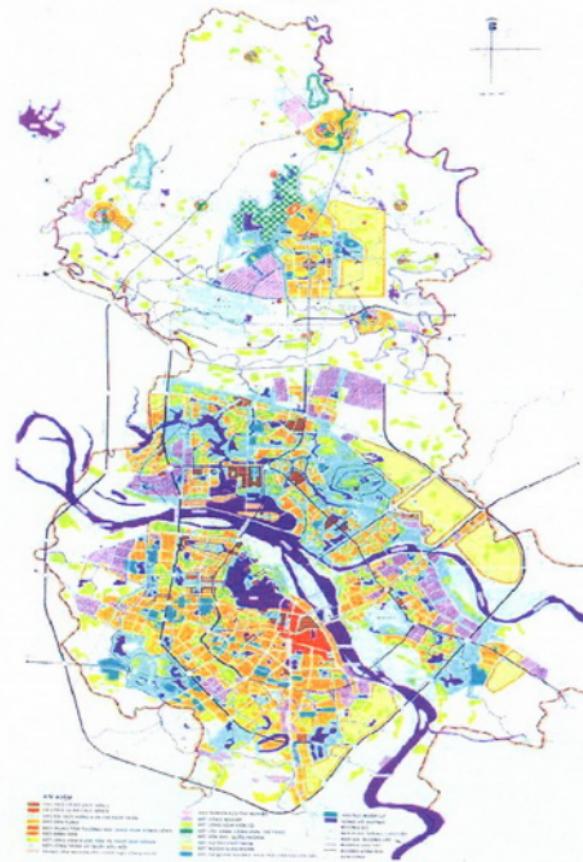
**12**

# Quy hoạch Hà Nội

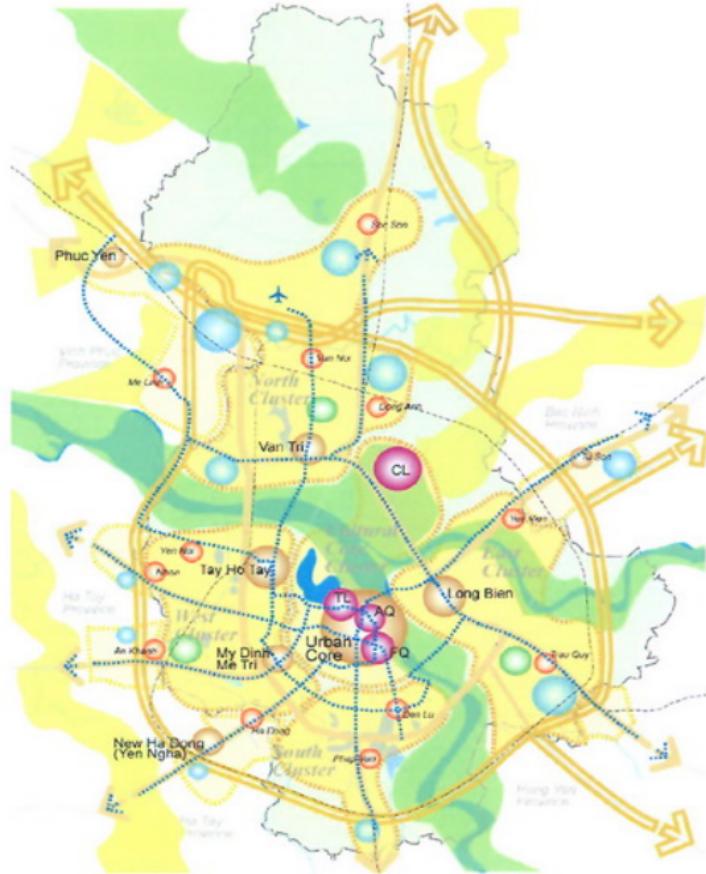
Năm 1998 - 2020

QUY HOẠCH CHUNG THỦ ĐÔ HÀ NỘI ĐẾN NĂM 2020

TỶ LỆ 1: 25.000



# Quy hoạch Haidep 2007



Source: The Comprehensive Urban Development Program in Hanoi Capital City of the Socialist Republic of Vietnam (HAIDEP)

# Quy hoạch

## • Nhận xét và đề xuất quy hoạch - kiến trúc khu vực nội đô

TT	Đánh giá hiện trạng	Cập nhật các dự án và nhận xét đánh giá	Đề xuất
1	<b>Khu phố cổ:</b> - Mạng lưới là các phố nhỏ với các nhà hình ống dọc theo mặt phố buôn bán kết hợp với ô - Hạ tầng kỹ thuật và xã hội bị quá tải. - Tốc độ đô thị hóa làm mất dần bản sắc của khu vực	QH chi tiết khu phố Cổ Hà Nội (100ha) - Đưa cây xanh vào trong lõi các ô phố - Đưa ra danh sách các ngôi nhà cần bảo tồn.	- Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu 36 phố phường. - Hình thành các khu vực di sản, thương mại dịch vụ theo hướng "phố chợ" phục vụ phát triển du lịch. - Di chuyển các cơ quan: Tổng City Muối, Chí cục thuế quận HK.. để XD các CT phúc lợi xã hội và vườn hoa. - XD các bãi đỗ xe ngầm tại vườn hoa Hàng Đậu, chợ Hàng Da, sân TDTT Long Biên .. - Giao thông di bộ được ưu tiên hàng đầu.
2	<b>Khu phố xây dựng thời Pháp thuộc:</b> - Cấu trúc cơ bản của một khu phố chủ yếu dành để ở với những khu biệt thự riêng biệt, những công trình như tòa án, công sở, nhà hát, bảo tàng... - Hệ thống phố hình bát cát, nhiều cây quý, vi hè rộng, CT kiến trúc đẹp.	- QH chi tiết Quận Hoàn Kiếm - QH chi tiết Quận Hai Bà Trưng * Bảo tồn tôn tạo khu phố cũ theo hướng nguyên trạng.	- Di dời nhà máy rượu Hà Nội, nhà máy dệt Kim Đông Xuân, công sở như: Bộ Công Thương, Bộ Tài Chính, Bộ GTVT, Bộ NN và PTNT... để xây dựng các CT phúc lợi xã hội, cây xanh, quảng trường - Hạn chế phương tiện giao thông cá nhân vào TT Phố - XD các bãi đỗ xe ngầm tại vườn hoa Cách Mạng tháng 8, vườn hoa Bác Hồ, vườn hoa Lê Nin, Công viên Lê Nin, ga Hà nội ...
3	<b>Nội thành cũ:</b> - Tình trạng xây dựng còn lộn xộn. - Mạng lưới các trường học phổ thông, nhà trẻ, bệnh viện còn thiếu. - Mật độ cây xanh còn thiếu và không có các trục cảnh quan - Thường xảy ra ngập lụt khi mưa to	- QHCT quận Đống Đa, Ba Đình, Cầu Giấy, Gia Lâm, Long Biên - QH CT khu TT chính trị Ba Đình - QH CT khu Thành Cố Hà Nội * Bố trí mạng lưới đường, nút giao thông chưa hợp lý nên gây ách tắc giao thông. * Bố trí thiếu diện tích cây xanh	- Bảo tồn tôn tạo giá trị Hoàng Thành Thăng Long; - Di chuyển các trường đại học ra ngoài, phần đất này phát triển thành các viện nghiên cứu. - Di chuyển cơ sở y tế lớn chỉ giữ lại các chức năng phục vụ trực tiếp và công tác nghiên cứu - XD các bãi đỗ xe ngầm tại công viên Thủ Lệ, công viên Thành Công, Sân bay Bạch Mai, vườn hoa Lý Tử Trọng, bán đảo Tây Hồ, công viên tuổi trẻ, công viên Hoàng Cầu
4	<b>Các quận mới thành lập</b> - Khu vực tập trung nhiều khu đô thị mới và các khu có thể nâng cấp cải tạo lớn. Tuy nhiên hệ thống hạ tầng kỹ thuật không được đầu tư đồng bộ. - Các khu đô thị phần lớn chưa hoàn thiện còn thiếu công viên cây xanh các công trình phúc lợi, bãi đỗ xe, quảng trường và không gian sinh hoạt công cộng.	- QHCT quận Tây Hồ, Thanh Xuân, Hoàng Mai - Khu vực có mật độ đường hướng tâm lớn, thường xuyên xảy ra tắc nghẽn vào giờ cao điểm.	- Di chuyển các khu, cụm CN Thương Định, Vĩnh Tuy, Minh Khai, Bê tông Chèm, Văn Điển, Cầu Bươu, Cao Xà Lá, để XD các công trình hạ tầng xã hội, các khống gian mở như quảng trường, công viên chuyên đề. - Xây dựng gara cao tầng ở ngoài đê, công viên Yên Sở, Vĩnh Tuy, khu Phương Liệt (Giáp Bát), khu đô thị mới Cầu Giấy, công viên Định Công.. - Đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện các khu đô thị mới để tạo cảnh quan cho đô thị - Cải tạo các đầm, ao, hồ hiện có để thành hồ điều hòa kết hợp với vườn hoa, công viên vui chơi giải trí.

# Kỹ thuật

## • Nhận xét và đề xuất quy hoạch - kiến trúc khu vực nội đô

TT	Đánh giá hiện trạng	Cập nhật các dự án và nhận xét đánh giá	Đề xuất
1	<p><b>Giao thông:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tuyến đường không hoàn chỉnh</li> <li>Nhiều đường không có cây xanh</li> <li>Thiếu tính liên tục</li> <li>Luồng giao thông lưu thông chậm</li> <li>Mạng đường bị thiếu</li> </ul> <p><b>Nút giao thông:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Rất nhiều nút giao thông hẹp thường xảy ra ách tắc giao thông;</li> <li>Thiết kế nhiều nút giao thông gây cảm giác rắc rối.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các dự án trọng điểm kỷ niệm 1000 năm Thành Long</li> <li>Dự án do trung ương đầu tư</li> <li>Các dự án xây dựng hệ thống đường sắt đô thị           <ul style="list-style-type: none"> <li>Mạng lưới đường chưa đáp ứng được lưu lượng giao thông</li> <li>Các dự án triển khai quay chậm</li> <li>Chưa kiểm soát được sự phát triển của GT cá nhân</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Khu vực trong vành đai 2: cải tạo hoàn chỉnh các tuyến</li> <li>Khu vực giữa vành đai 2 và vành đai 3: XD đường nghìn tầng (hoặc ngầm) đổi với các trục hướng tâm và vành đai.</li> <li>Khu vực giữa vành đai 3 và vành đai 4: XD mạng lưới đường hiện đại với mật độ lớn</li> <li>Xây dựng các ga trung tâm trung chuyển lớn như: Ngọc Hồi, Nội Bài, Gia Lâm, Cổ Nhuế, Mê Linh ...</li> <li>XD các điểm đỗ xe ngầm hoặc cao tầng</li> <li>XD hệ thống GTCC với đa dạng loại hình vận tải</li> <li>Cải tạo các nút giao thông thường gây ách tắc.</li> <li>Nâng toàn tuyến đường sắt qua nội đô.</li> </ul>
2	<p><b>Thoát nước</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Hệ thống cống quá cũ, đã xuống cấp</li> <li>Mật độ XD công nghiệp. Nhiều khu vực chưa XD hệ thống thoát nước.</li> <li>Hệ thống mương hè thường kết hợp với hệ thống thoát nước nông nghiệp.</li> <li>Ao hồ đậm tự nhiên bị san lấp nhiều.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Dự án thoát nước của JICA đang thực hiện giai đoạn 2</li> <li>Nhiều khu vực vẫn bị ngập cục bộ khi mưa to</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cải tạo, nạo vét lòng sông, hồ</li> <li>Hàn chế lắp hố để phát triển đô thị</li> <li>Xây dựng TB Yên Nghĩa lấy sông La Khê làm trục tiêu chính để bơm ra sông Đáy. Xây mới trạm bơm Cổ Nhuế, Mễ Trì, Nhị Chùa, Nam Thăng Long.</li> <li>Nâng cấp các trạm bơm Siêu Quân, Cầu Biêu, Ngọc Hồi, Thương Phúc.</li> </ul>
3	<p><b>Thoát Lũ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Hệ thống đê cáp đặc biệt 2 bên sông Hồng</li> <li>Hệ thống đê cáp 1 dọc 2 bên sông Đuống.</li> </ul>	<p>QH phòng chống lũ của từng tuyến sông có đê trên địa bàn HN</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>chưa được duyệt</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Bộ NNPTNT có nhiệm vụ cung cấp đê điều, chỉnh trị lòng sông, nâng cấp đê bao và chống lũ với tần suất P=1%.</li> </ul>
4	<p><b>Cấp nước:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>9 quận nội thành cũ có 11 NMN ngầm cùng với NMN sông Đà đã cung cấp cho Hà Nội đạt tỷ lệ cấp nước là 90% nhưng tần suất chuẩn cấp nước thấp đạt 100-120/lng/ngđd</li> </ul>	<p>Dự án cải tạo hệ thống cấp nước</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Khu vực phía Nam nội đô chất lượng nước sinh hoạt chưa đảm bảo do nước ngầm nhiễm Asen, Amoni</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Giảm công xuất NM nước ngầm</li> <li>Tăng công suất sử dụng nước từ NMN sông Đà</li> <li>XD NMN mặt sông Hồng công suất 300.000 m<sup>3</sup>/ngđd</li> <li>Xây dựng mới và hoàn thiện mạng lưới cấp nước</li> </ul>
5	<p><b>Cáp điện</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Các tuyến điện đi nỗi kèm theo các đường dây kỵ sinh gây mất mỹ quan nghiêm trọng.</li> </ul>	<p>Dự án cải tạo hệ thống cáp điện</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Thiếu điện, còn phải cắt điện luân phiên khi thời tiết không thuận lợi.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cải tạo nâng công suất, chống quá tải cho các trạm phân phối 110KV</li> <li>Đưa các tuyến điện trung thế, hạ thế và thông tin liên lạc vào tuyne ngầm để đồng bộ hóa hệ thống hạ tầng</li> </ul>
6	<p><b>Rác thải:</b> Lượng rác thải phát sinh tăng nhanh.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Khu vực xử lý rác đạt tiêu chuẩn còn thiếu,</li> <li>Cơ sở tái chế hoạt động chưa hiệu quả.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quy hoạch Vùng thủ đô Hà Nội</li> <li>QH chung Thủ đô HN năm 1998</li> <li>QH các Quận Huyện</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Mở rộng khu liên hiệp xử lý chất thải Nam Sơn</li> <li>XD khu xử lý rác thải An Phú</li> <li>Mở rộng khu xử lý chất thải Xuân Sơn</li> </ul>
7	<p><b>Nghĩa trang</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nghĩa trang trong thành phố có mật độ dày (trung bình 1 nghĩa trang/km<sup>2</sup>), ngoại trừ 4 Quận nội thành cũ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>QH mạng lưới Nghĩa trang TP</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Mở rộng khu nghĩa trang Thanh Tước</li> <li>Xây dựng thêm khu nghĩa trang Yên Kỳ 2</li> <li>Xây dựng thêm khu nghĩa trang Bắc Sơn</li> <li>Trong tương lai sẽ đóng cửa các nghĩa trang: Mai Dịch, Văn Điển, Sài Đồng, Vạn Phúc, Trung Sơn Tràm</li> </ul>

# Kiến trúc

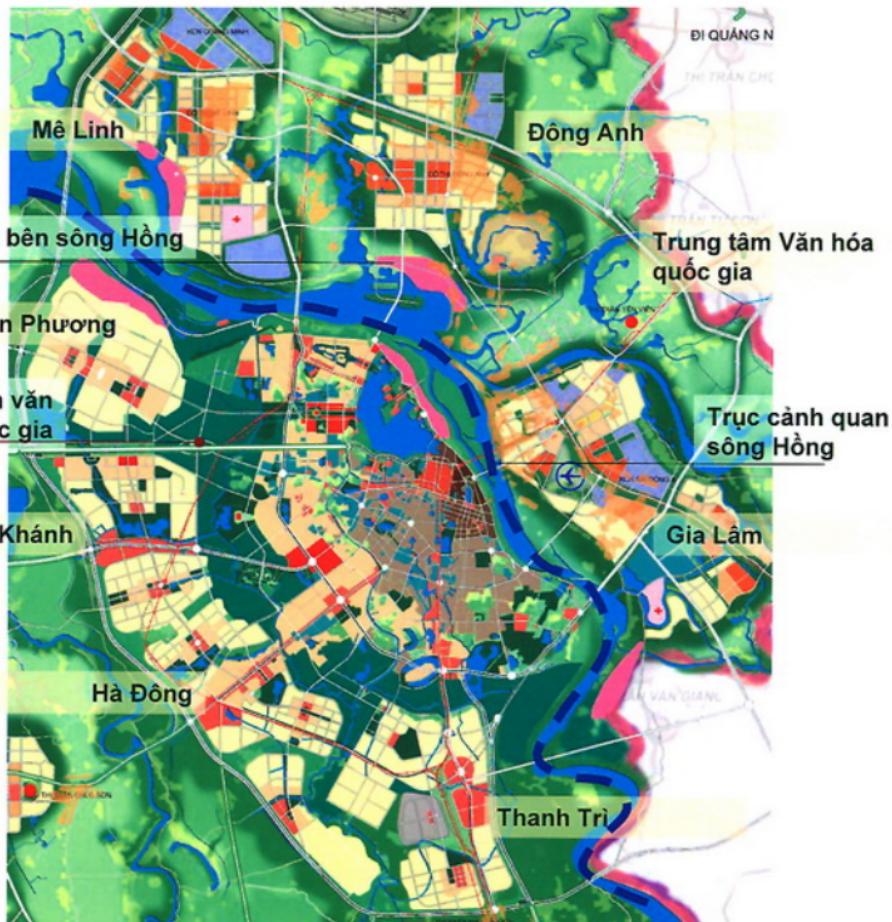
## • Nhận xét và đề xuất quy hoạch - kiến trúc khu vực nội đô

TT	Đánh giá hiện trạng	Cập nhật các dự án và nhận xét đánh giá	Đề xuất
1	<p><b>CT kiến trúc phong kiến (phố cổ)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Kiến trúc cổ của khu phố cổ là các ngôi nhà nhà với mái ngói, cột sảnh chung, lối nối tiếp nhau từ phố này đến phố khác.</li> <li>Nhưng hiện nay, vẻ cổ kính trên đường nét kiến trúc đang dần mất đi dù đã được trùng tu nâng cấp.</li> </ul>	<p>Nhiều dự án trùng tu, nâng cấp các công trình cổ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Khôi phục lại một ngôi nhà ở làm mẫu</li> <li>Việc chỉnh trang cải tạo 1 tuyến phố đặc trưng chưa được thực hiện do thiếu quy chế quản lý</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Bảo tồn các công trình có giá trị lịch sử như các nhà cổ, miếu, đền chùa Đồng Xuân, cảng Ô Quan Trường...</li> <li>Xây dựng một chiến lược lâu dài cho việc cải tạo, chỉnh trang, để phát huy thế mạnh của các tuyến phố.</li> <li>Cải tạo chỉnh trang các CT Kiến trúc xung quanh quảng trường Đồng Kinh Nghĩa Thục, xung quanh Hồ Gươm</li> <li>Cải tạo mặt đường các tuyến phố Hoàng Đào – Hàng Ngang – Hàng Đường, tuyến phố Hàng Gai – Hàng Bông</li> <li>Khai thác tháp nước Hàng đậu vào mục đích văn hoá, du lịch</li> </ul>
2	<p><b>Công trình kiến trúc Pháp thuộc:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Khu phố Pháp tại Hà Nội chủ yếu hình thành và phát triển trong thời kỳ Pháp thuộc, từ đầu thế kỷ 20 cho đến 1945.</li> <li>Các công trình vẫn còn được giữ nguyên vẹn như Nhà Hát lớn, Ngân Hàng nhà nước, các đại sứ quán, Nhà khách Chính phủ, Phủ Chủ Tịch</li> </ul>	<p>Nhiều dự án trùng tu, nâng cấp cải tạo các công trình kiến trúc Pháp thuộc</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Chưa có quy chế hướng dẫn và quản lý cho các dãy phố cần bảo tồn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cải tạo và bảo tồn những giá trị kiến trúc, không gian đô thị của khu phố Pháp.</li> <li>Những gam màu tiêu biểu trong khu phố Pháp của Hà Nội, tường vàng và cửa sổ xanh, cần được tôn trọng.</li> <li>Quy định các biện pháp để cải thiện cảnh quan đô thị.</li> <li>Khôi phục những dãy tường rào bờ tháp rào sắt</li> <li>Được XD theo các nguyên tắc của một "thành phố vườn".</li> <li>Những hàng cây dọc hai bên phố cần liên tục được duy trì và bảo dưỡng với nhiều loài cây có giá trị.</li> </ul>
3	<b>Công trình mới</b>		
	<p><b>Công trình công cộng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Vị trí không phù hợp</li> <li>Thiếu điểm nhấn</li> <li>Thiếu sự kết nối với không gian xung quanh</li> <li>Thiếu không gian mở</li> </ul>	<p>- Dự án XD các công trình công cộng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Thiếu các công trình được đánh giá là kiệt tác kiến trúc.</li> <li>Chất lượng công trình xuống cấp nhanh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tiếp cận thuận lợi các loại hình giao thông</li> <li>Phù hợp với cảnh quan khu vực và toàn đô thị;</li> <li>Điểm nhấn cho cho một khu vực</li> <li>Kết thúc các trục không gian quan trọng, cửa ngõ vào đô thị</li> <li>Tạo không gian hắp dẫn cho mọi người sử dụng</li> <li>Kiến trúc công trình ấn tượng, độc đáo..</li> </ul>
	<p><b>Nhà ở:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Các dự án phát triển nhà ở quy mô nhỏ manh mún và phân tán trong các khu dân cư (Kim Ngưu, Đền Lừ, Ngọc Khánh...)</li> <li>Nhiều khu vực dân cư không có vườn, cây xanh thiếu không gian cảnh quan (Trung Hòa, Nhân Chính, Đại Kim...)</li> </ul>	<p>- Các dự án xây dựng khu đô thị mới</p> <p>- Các dự án cải tạo chỉnh trang các khu ở hiện hữu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Chưa kết nối hạ tầng đồng bộ với khu vực hiện có</li> <li>Chưa có loại hình nhà ở cho người thu nhập thấp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cần xây dựng các khu đô thị mới sống tốt thân thiện với cộng đồng và môi trường, có nét đặc trưng riêng, tổ chức không gian hắp dẫn, sinh động.</li> <li>CT kiến trúc xanh, hiện đại tiết kiệm năng lượng, tiện ích.</li> <li>Tổ chức quảng trường kết hợp với không gian sinh hoạt cộng đồng, không gian rộng, không khí trong lành, cảnh đẹp có thể tổ chức nhiều sự kiện</li> </ul>
	<p><b>Nhà tập thể:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Được XD từ những năm 1960, 1970 và 1980 để cấp cho CBCNV.</li> <li>Do không có kinh phí duy tu bảo dưỡng nên đã xuống cấp nghiêm trọng,</li> <li>Thiếu tính đặc trưng, thiếu định hướng.</li> </ul>	<p>- QH chi tiết cải tạo khu TT Thành Công, khu TT Nguyễn Công Trứ, TT Kim Liên, TT Nam Đồng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Các dự án chỉ thực hiện được một phần nhỏ tiến độ quá chậm</li> <li>Không thu hút được các nhà đầu tư</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cải tạo xây dựng lại theo hướng nâng cao tầng: giảm mật độ xây dựng, đảm bảo nâng cao điều kiện sống cho người dân (trường học, nhà trẻ, cây xanh TDTT, bãi đỗ xe tĩnh), ưu tiên khai thác thêm diện tích sân cho thương mại dịch vụ.</li> </ul>

# Đô thị trung tâm

Dịch vụ - đô thị -  
đầu mối giao thông

4,43 triệu người  
463 km<sup>2</sup>



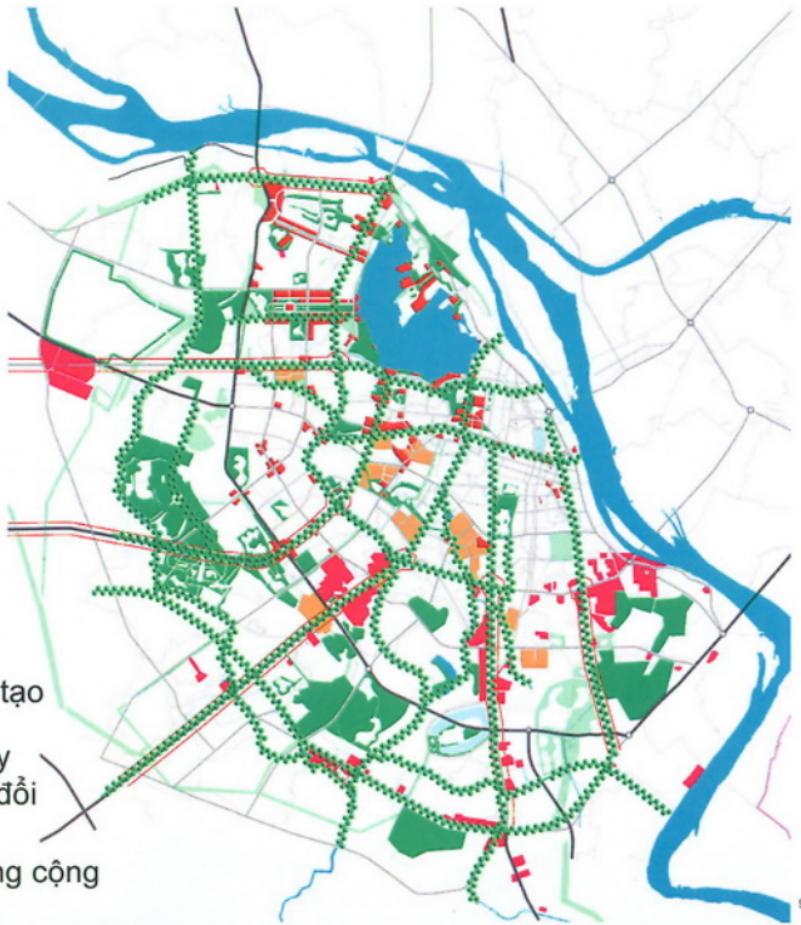
# Không gian mở

- KTT cũ cài tạo giữ nguyên dân số - tăng không gian công cộng và sử dụng hỗn hợp

- Kết nối các trục xanh

- Chỉnh trang các trục dẫn vào thành phố

- KTT cải tạo
- Nhà máy chuyển đổi
- Khu công cộng



# Giao thông khu vực Đô thị trung tâm



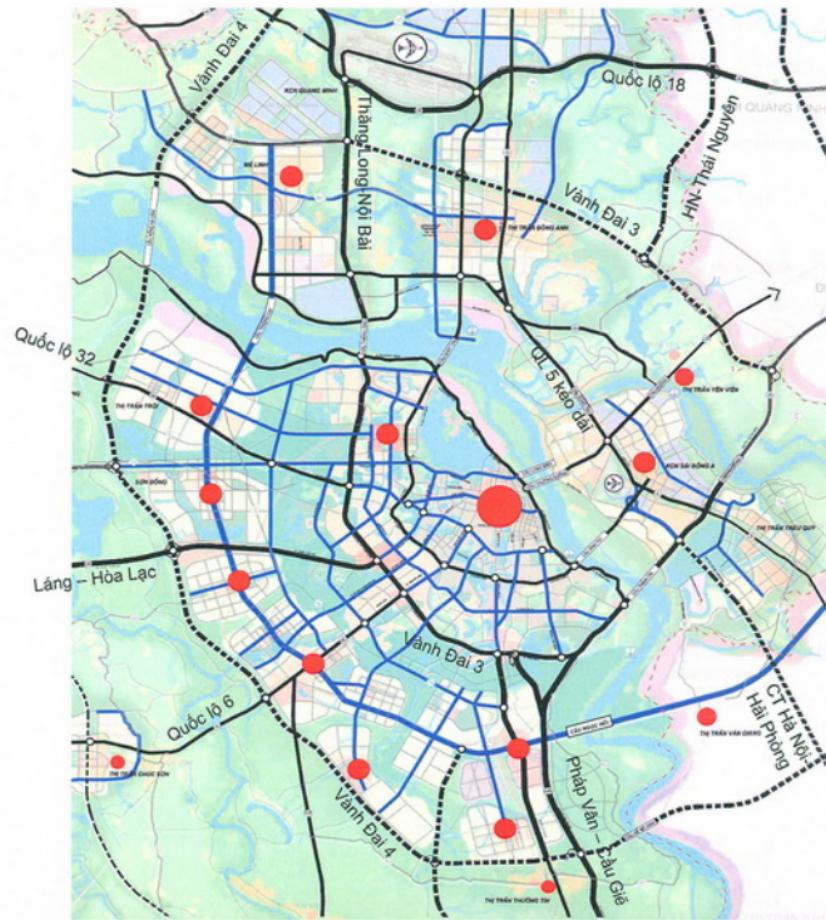
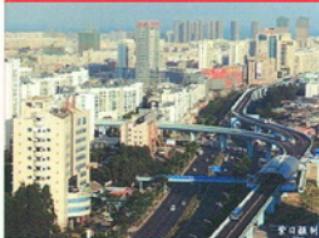
## Nguyên tắc thiết kế:

- Tuân thủ mạng lưới đường theo quy hoạch năm 1998
- Hiệu chỉnh quy mô một số tuyến chính
- Phát triển mạng lưới đường hiện đại trong phạm vi từ VĐ3 đến VĐ4
- Phát triển mạng lưới đường các đô thị mới phù hợp với phát triển mạng lưới GTCC

Nhằm giải quyết lưu lượng giao thông trong nội thành ngày một lớn, trong điều kiện mặt bằng hạn chế, thiết kế một số đường trực, đường vành đai nhiều tầng xe chạy dành cho xe buýt nhanh (BRT) và xe con.



# Giao thông khu vực Đô thị trung tâm



# Giao thông khu vực Đô thị trung tâm



- Phát triển mạng lưới giao thông công cộng đa phương thức, phù hợp với từng khu vực

- Ké thừa mạng lưới GTCC do HAIDEP, TEDI... nghiên cứu ở các giai đoạn trước và hiệu chỉnh cho phù hợp với cơ cấu quy hoạch đang thực hiện

- Khu vực trong vành đai 2: sử dụng Metro ngầm + xe buýt

- Khu vực ngoài VĐ2 sử dụng tàu điện trên cao hoặc đi nón + xe buýt nhanh BRT

- Mật độ mạng lưới đảm bảo phủ kín toàn bộ khu vực nội thành, bán kính phục vụ của các ga 400-600m

- Đường sắt quốc gia
- Tuyến số 1
- Tuyến số 2
- Tuyến số 3
- Tuyến số 4
- Tuyến số 5
- Tuyến buýt nhanh BRT
- Trung tâm trung chuyển



THE HANOI CAPITAL CONSTRUCTION MASTER PLAN TO 2030 AND VISION TO 2050

# Minh họa hệ thống GTCC

## Light Rail Transit



Strasbourg



Portland, OR

## Bus Rapid Transit (BRT)      Metro



Bogota



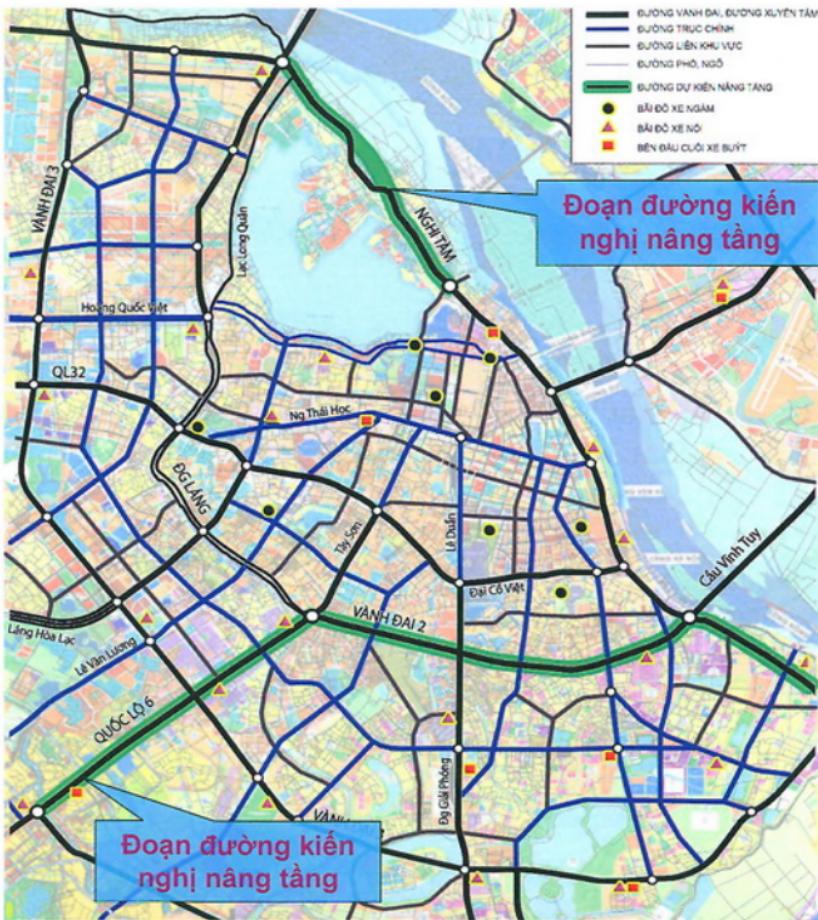
# Giao thông khu vực Đô thị trung tâm



Đường nâng tầng tại TP Bangkok



Đường nâng tầng tại TP Hà Môn - TQ

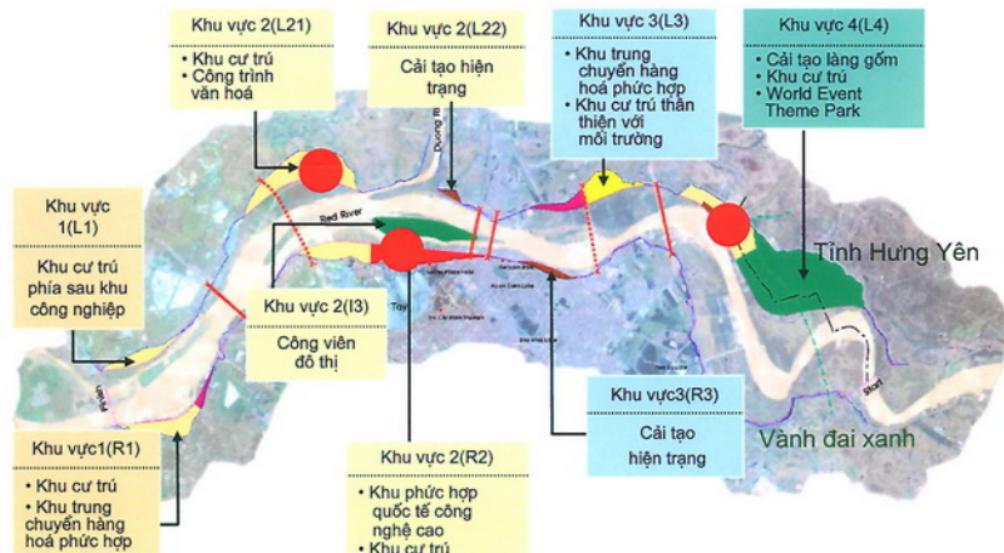


# Quy hoạch Hai bên sông Hồng

13

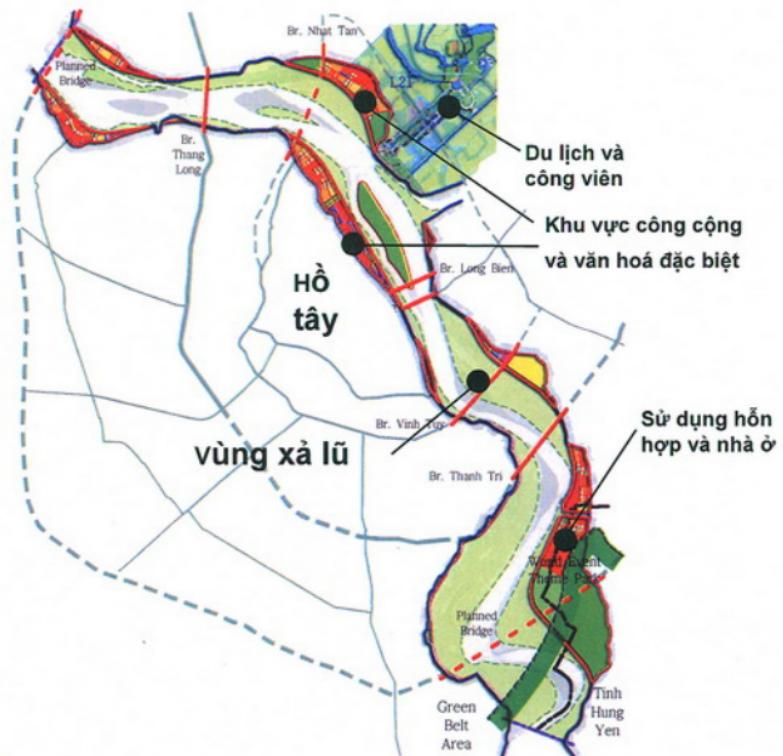
# Quy hoạch 2 bên Sông Hồng

## Kế hoạch phát triển đô thị



● Khu vực dự kiến điều chỉnh chức năng

# Quy hoạch 2 bên Sông Hồng



Nguồn: Nghiên cứu cơ bản khu vực sông Hồng, báo cáo tóm tắt tháng 11 năm 2007

# Quy hoạch 2 bên Sông Hồng



- Sông Hồng là trung tâm cảnh quan thiên nhiên hài hoà của Hà Nội
- Loại bỏ mối đe doạ về lũ lụt lớn
- Phát triển các công viên dọc bờ sông
- Cải thiện giao thông thuỷ
- Thúc đẩy sự phát triển phía bắc sông Hồng

## Đề xuất

- Có khả năng tái định cư đến khu vực phát triển của Hà Nội mở rộng/ các thành phố vệ tinh
- Rà soát lại các đề xuất phát triển nhà ở để giảm thiểu các ảnh hưởng trước mắt và xã hội của các tòa nhà cao tầng
- Mở rộng nghiên cứu sông Hồng hòa nhập với Hà Nội mở rộng
- Vùng số 2 nên tập trung vào ứng dụng công cộng/ văn hoá bao gồm các trung tâm triển lãm và nghệ thuật

# Dự án Sông Hồng



## Mục tiêu của nghiên cứu cơ bản dự án sông Hồng năm 2007 :

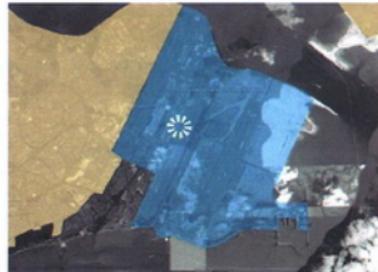
- Xóa bỏ nỗi đe dọa về lũ lớn
  - Thúc đẩy các ươn án phát triển hồn hợp dọc theo bờ phía bắc
  - Phát triển hệ thống công viên và khô gian mở theo bờ sông
  - Cải thiện giao thông đường thủy cho hành khách và hàng hóa
  - Làm sống động và tái tạo sông Hồng như là một trục cảnh quan trung tâm
- Đề xuất trong quy hoạch chung đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050**
- Tiềm năng tái định cư sang các khu phát triển mới/ các Đô thị vệ tinh
  - Rà soát lại các đề xuất phát triển nhà ở để hạn chế các ảnh hưởng trước mắt và xã hội của các tòa nhà cao tầng
  - Mở rộng nghiên cứu sông Hồng trong bối cảnh Hà Nội mở rộng
  - Vùng thứ hai nên tập trung vào các chức năng văn hóa, công cộng bao gồm các trung tâm nghệ thuật và triển lãm

## Sân bay thứ hai



- Sân bay quốc tế Nội Bài có công suất 6 triệu hành khách / năm
- Dự án mở rộng đáp ứng công suất 20-25 triệu/năm
- Có thể chưa cần đến sân bay thứ bay cho đến giai đoạn 2025-2030
  
- Khu vực đề xuất ở phía nam ( khu vực Úng Hoà)
- Diện tích tối thiểu là 1000 ha và khu vực phát triển liên quan lên đến 4,000 ha
  
- Quy hoạch chung cho phép sân bay thứ hai nếu cần thiết
- Dễ dàng tiếp cận bởi hệ thống xe buýt nhanh BRT

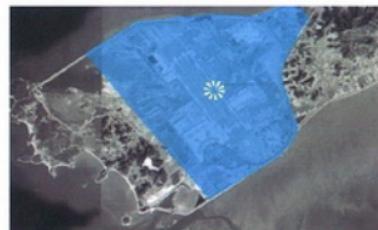
# Sân bay thứ hai



Chang Int'l Airport  
Changi, Singapore  
Area: Hectares

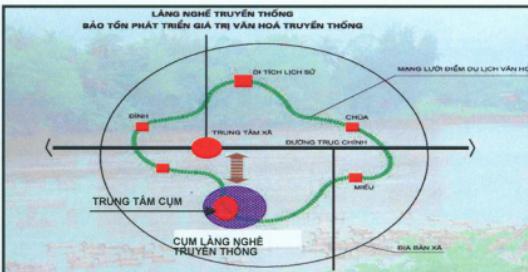
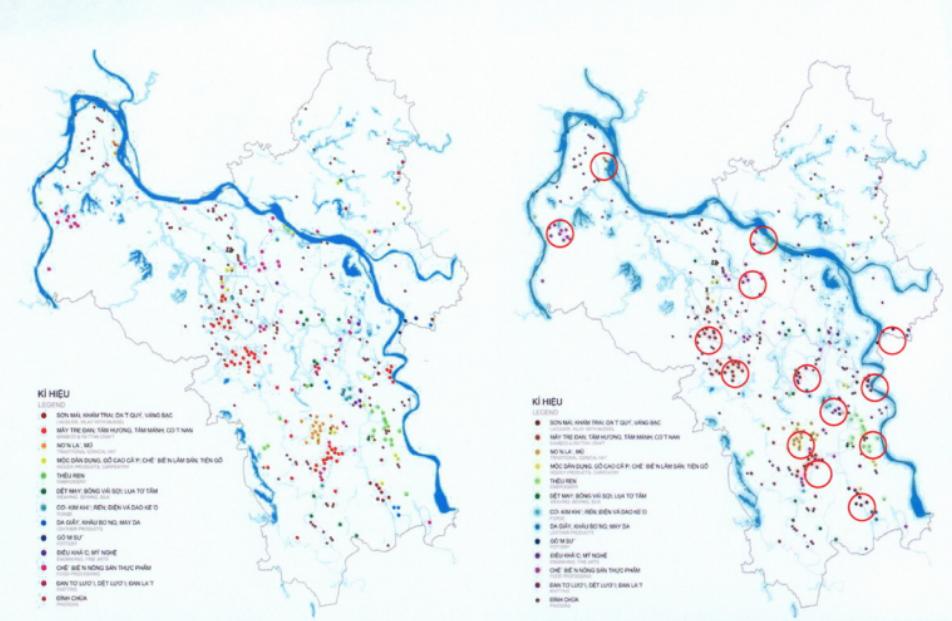


Chep Lap Kok Airport  
Hong Kong  
Area: Hectares

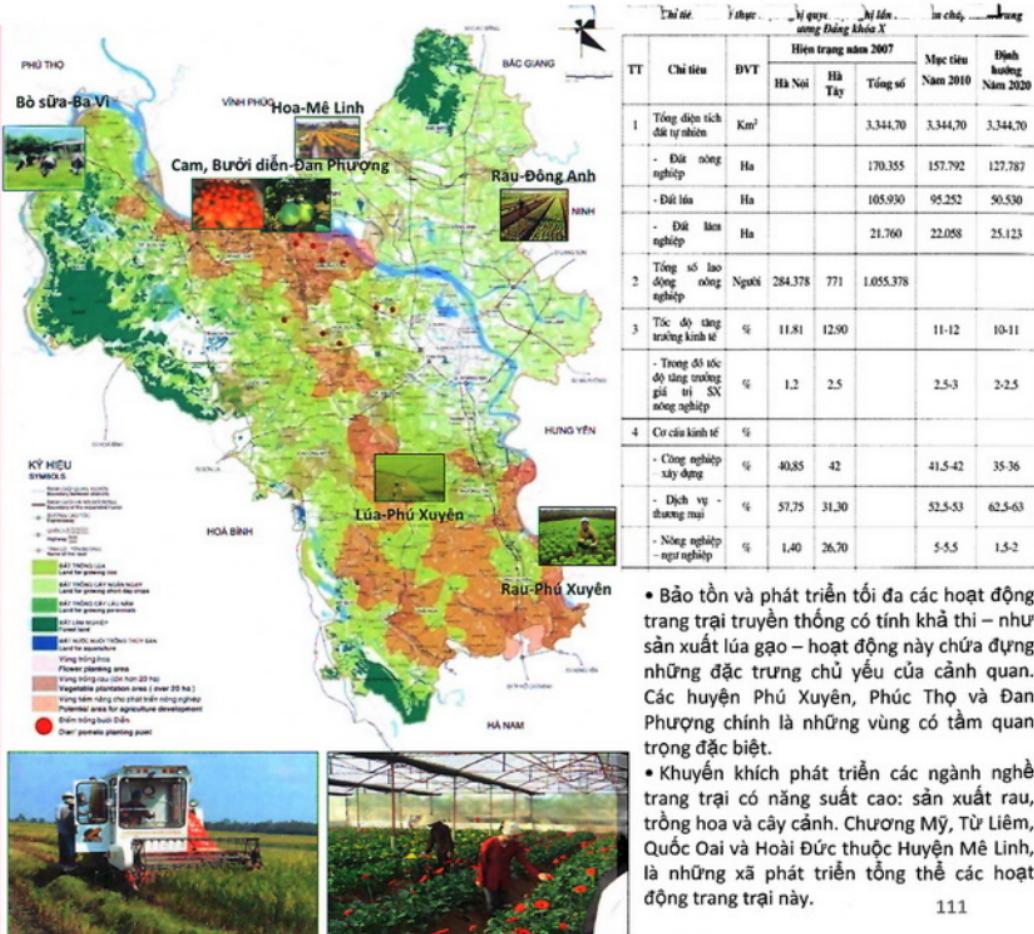


Incheon Int'l Airport  
Seoul, Korea  
Area: Hectares

# Văn hóa và làng nghề truyền thống



# Nông nghiệp sản lượng cao



# Định hướng hạ tầng kỹ thuật

14

# Định hướng phát triển giao thông



# Định hướng

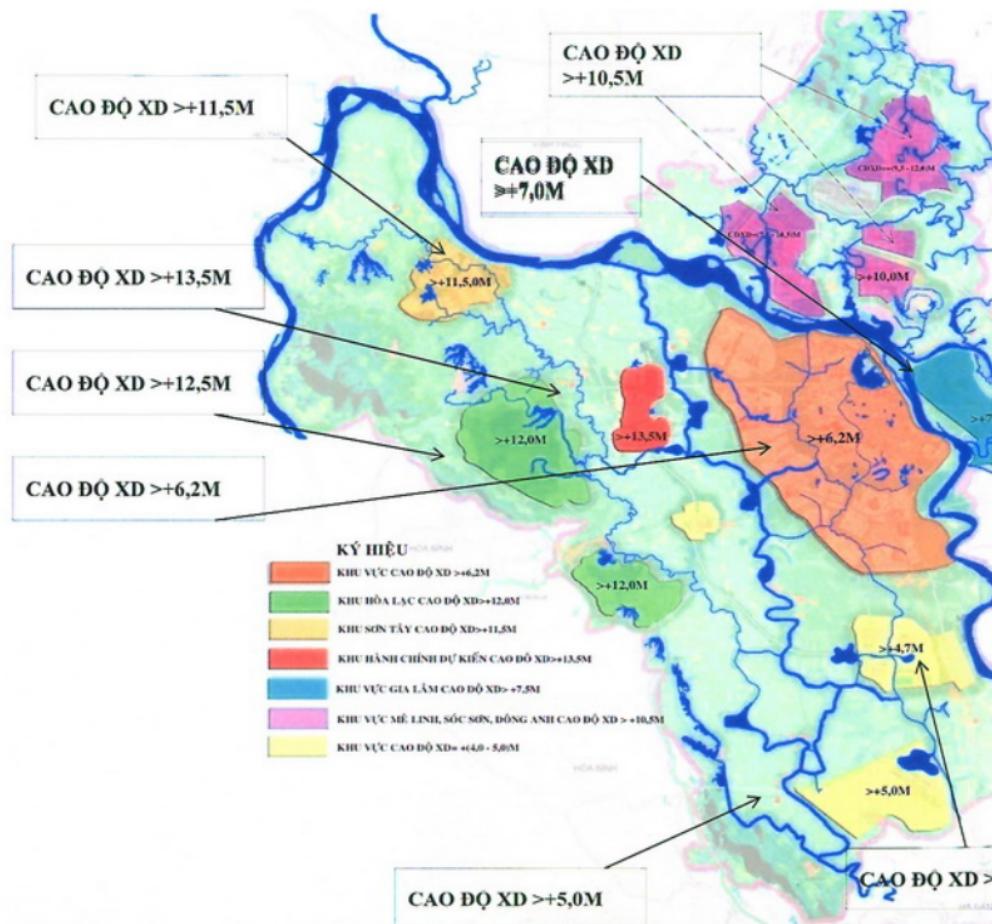
## Nền:

1. Định hướng nền
2. Định hướng hệ thống thoát nước mưa
3. Định hướng đê điều
4. Sông Hò, mặt nước

### \* Giải pháp san nền:

- Chọn cao độ xây dựng( ứng với tần suất P=1%) + 0,3m đối với dân dụng và +0,5m đối với công nghiệp.

- Khi xây dựng công trình mới xen cây vào những khu vực đã có mật độ xây dựng cao: nội thành cũ, các làng xóm đô thị hóa, các khu đô thị mới, các khu công nghiệp tập trung cần hài hòa với cao độ xung quanh, không được làm ảnh hưởng tới mỹ quan và thoát nước mưa



# Định hướng

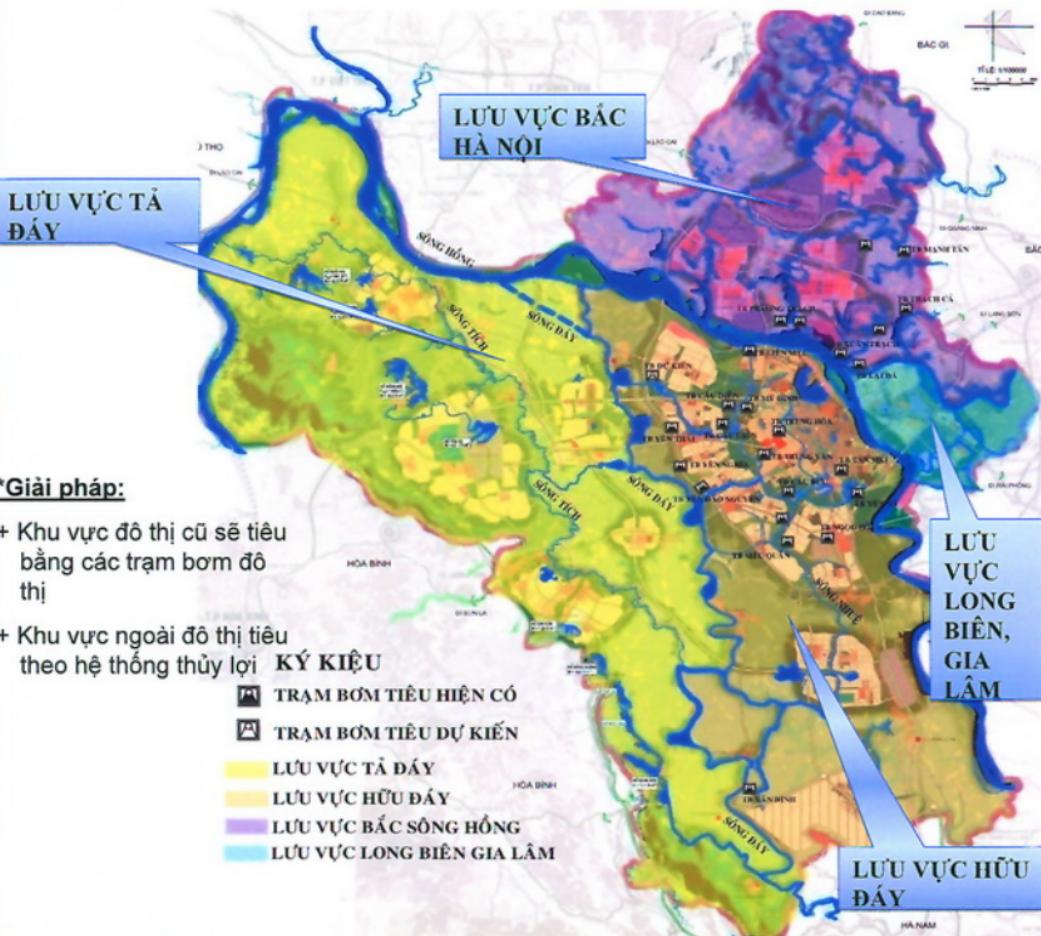
## Thoát nước mưa:

1. Định hướng nền
2. Định hướng hệ thống thoát nước mưa
3. Định hướng đê điều
4. Sông Hồ, mặt nước

### \*Thoát nước mưa:

Toàn khu vực chia làm 04 lưu vực tiêu chính và gồm các trục tiêu chính là

- + Sông Hồng
- + Sông Nhuệ
- + Sông Đáy
- + Sông Tích
- + Sông Đuống
- + Sông Cà Lồ



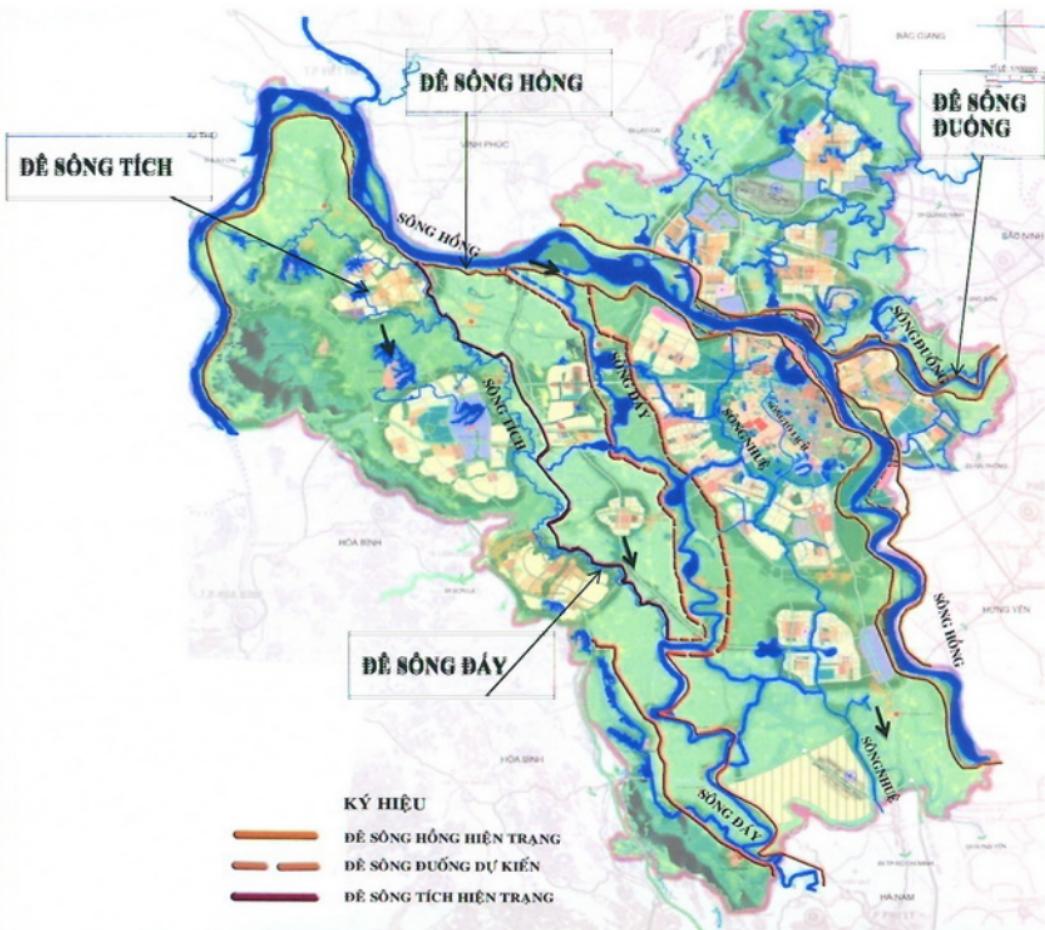
# Định hướng

## Đê điều:

1. Định hướng nền
2. Định hướng hệ thống thoát nước mưa
3. Định hướng đê điều
4. Sông Hồ, mặt nước

### \* Giải pháp đê điều:

- Nâng cấp hệ thống đê sông Hồng và sông Đuống thành đê cấp đặc biệt
- Hệ thống đê sông Đuống nâng cấp thành đê cấp 1

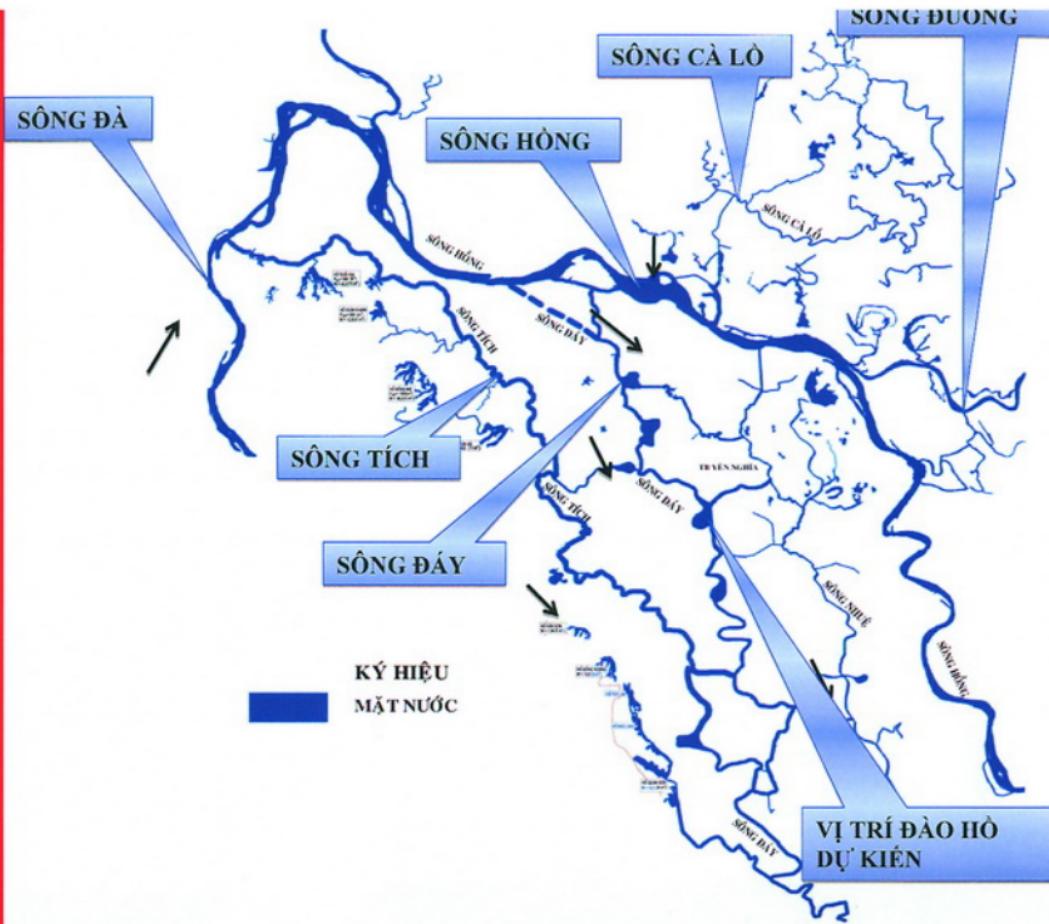


# Hệ thống sông hồ:

1. Định hướng nền
2. Định hướng hệ thống thoát nước mưa
3. Định hướng đê điều
4. Sông hồ, mặt nước

## \* Hệ thống sông hồ, mặt nước:

- Cải tạo lòng sông Đáy theo dự án "làm sống lại dòng sông Đáy" của viện quy hoạch thủy lợi đang nghiên cứu.
- Những vị trí gấp khúc, đào các vị trí hồ cảnh quan kết hợp làm hồ điều hòa
- Cấp nước từ sông Đà và sông Hồng vào sông Tích và sông Đáy sao cho khai thác được giao thông đường thủy trên hệ thống sông này.



# Định hướng quy hoạch

## Cấp nước

### CẤP NƯỚC ĐÔ THỊ

2030 : 1.980.000 m<sup>3</sup>/ngđ

2050: 3.654.000 m<sup>3</sup>/ngđ

### CẤP NƯỚC NÔNG THÔN

2030 : 507.000 m<sup>3</sup>/ngđ

2050: 660.000m<sup>3</sup>/ngđ

- 50% được cấp nước từ MLCN đô thị.
- 50% cấp nước tập trung quy mô nhỏ.

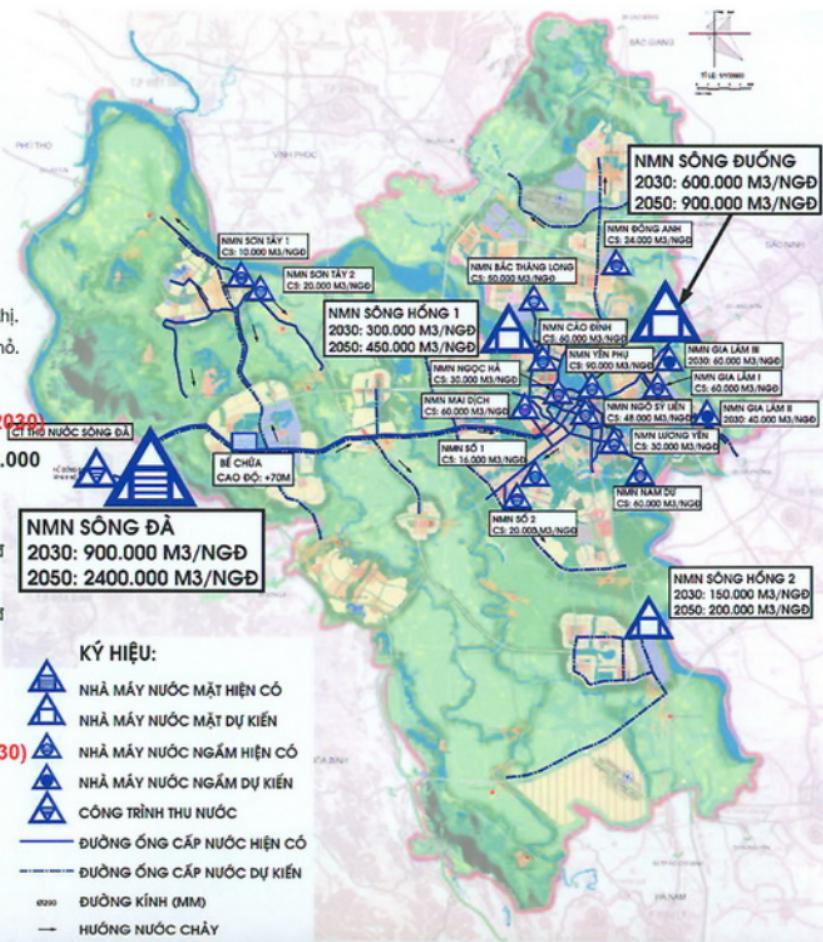
### NHÀ MÁY NƯỚC ĐÔ THỊ (2030)

Nước mặt (70%) : 1.600.000  
m<sup>3</sup>/ngđ

- NMN sông Đà (900.000m<sup>3</sup>/ngđ)
- NMN sông Đuống:600.000 m<sup>3</sup>/ngđ
- NM sông Hồng 1: 300.000m<sup>3</sup>/ngđ
- NMN sông Hồng 2:150.000m<sup>3</sup>/ngđ

Nước ngầm (30%)  
679.000m<sup>3</sup>/ngđ

TRẠM CN NÔNG THÔN (2030)  
CS: 250.000 m<sup>3</sup>/ngđ



# Định hướng Cấp điện

- Tổng nhu cầu điện đến 2030 khoảng **9.750 MW**;
- Nguồn điện là hệ thống nhà máy điện miền Bắc và liên kết lưới với Trung Quốc.
- Mở rộng trạm 500KV Thường Tín. Xây mới **03** trạm 500KV là Hiệp Hòa, Đông Anh, Tây Hà Nội.
- Mở rộng **06 trạm 220KV** hiện có với tổng công suất 3.750MVA
- Xây mới **17 trạm 220KV** với tổng công suất khoảng 8.500MVA.
- Phương án C:** Giảm công suất các trạm 220KV ngoài vùng lõi đô thị. Xây dựng trạm 220KV Sóc Sơn 2 sau 2030.
- Đề xuất thêm trạm 220KV Hòa Lạc trong tất cả các phương án so với các đề án đã lập trước đây.
- Chuẩn bị hành lang tuyến và quỹ đất cho các công trình đầu mối cấp điện từ 110KV đến 500KV xây mới tới 2030.



# Chiếu sáng đô thị

Mục tiêu 100%  
đường đô thị, 80%  
đường khu dân cư  
nông thôn được  
CS hợp tiêu chuẩn

## Đô thị Giai Tây

- Chiếu sáng các vùng di sản nhẹ nhàng, gam màu ấm, tĩnh.
- Hạn chế chiếu sáng cường độ cao

## TTHC Quốc gia

- Chỉ tiêu chiếu sáng áp dụng mức cao, gam màu nóng ấm. Tăng cường chiếu sáng bề mặt và diện rộng.

## Đô thị Hòa Lạc

- Chỉ chiếu sáng công năng, hạn chế chiếu sáng dàn trải.
- Ứng dụng và thực nghiệm các công nghệ mới tiết kiệm điện năng

## Vùng đô thị hóa mật độ cao mới

- Phối hợp chiếu sáng các khu chức năng hài hòa toàn đô thị.
- Nhấn mạnh cửa ngõ đô thị và tương phản không gian với khu lõi hiện hữu.
- Kiểm soát đầu tư tránh ô nhiễm ánh sáng

## Đô thị phía Bắc (Sóc Sơn, Đông Anh)

- Bổ xung lưới điện chiếu sáng hợp tiêu chuẩn
- Tổ chức điều khiển CS tập trung nhiều chế độ

## Lõi đô thị hiện hữu:

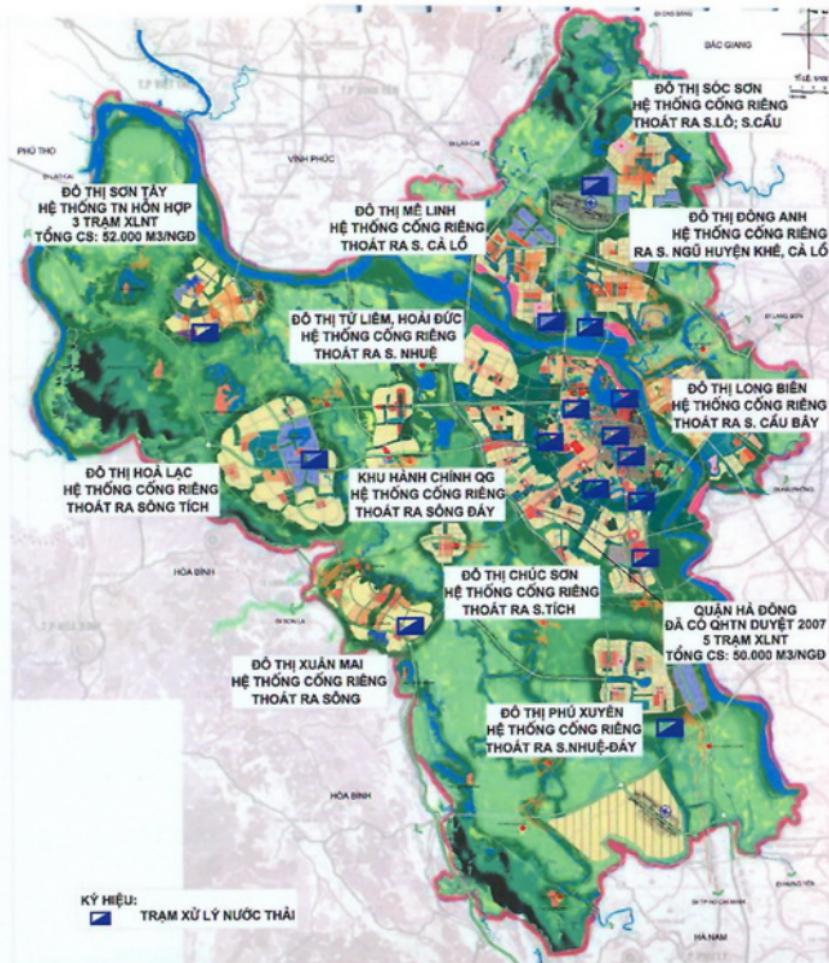
- Nhấn mạnh chiếu sáng cảnh quan công trình di tích và điểm nhấn đô thị.
- Tổ chức chiếu sáng lễ hội, CS phố thương mại trọng tâm

## Đô thị phía Nam ( Phú Xuyên)

- Bổ xung lưới điện chiếu sáng hợp tiêu chuẩn
- Tổ chức điều khiển CS tập trung

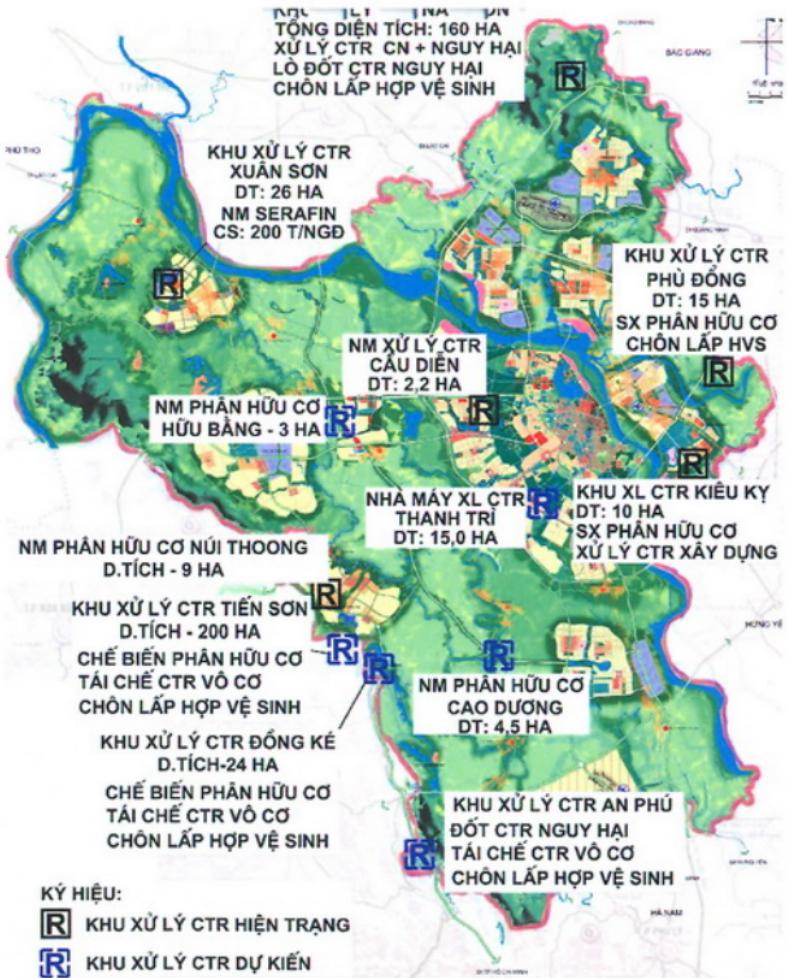
# Quy hoạch thoát nước thải

- Tiêu chuẩn thoát nước lấy bằng tiêu chuẩn cấp nước.
- Tổng lượng thải khu vực đô thị: ~1.550.000 m<sup>3</sup>/ngđ
- Tổng lượng thải khu vực nông thôn: ~365.000 m<sup>3</sup>/ngđ



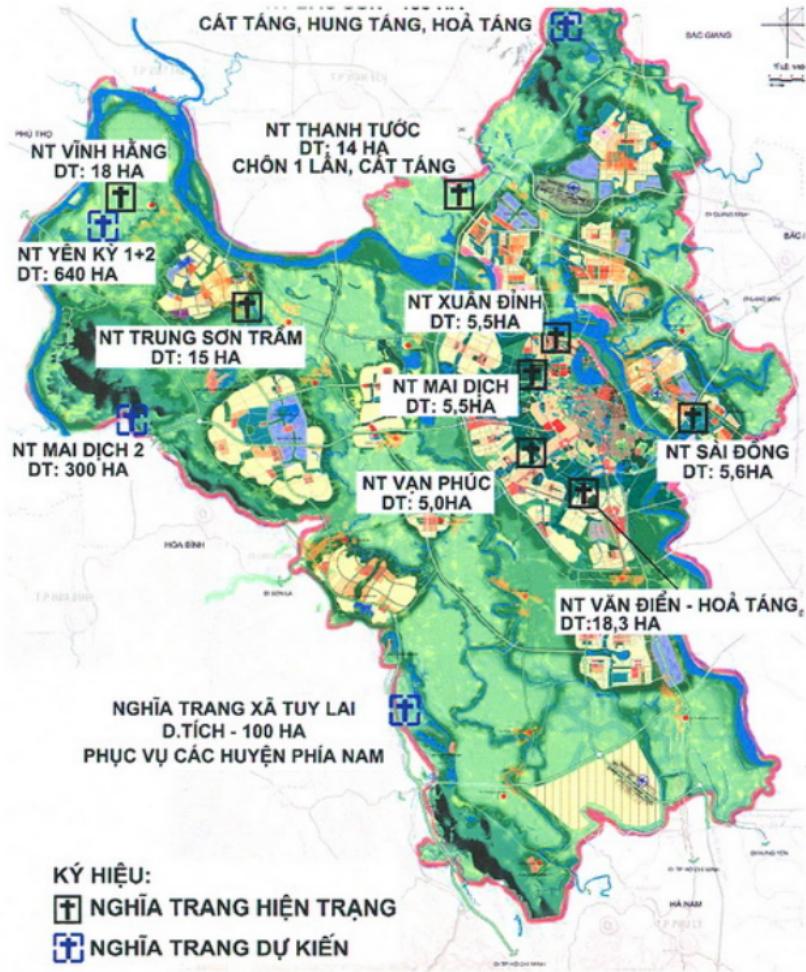
# Quy hoạch quản lý chất thải rắn

- 12 khu xử lý  
CTR tập trung



# Quy hoạch nghĩa trang

- 13 nghĩa trang  
nhân dân tập  
trung



## Bảo tồn di sản

15

## ĐẶC ĐIỂM VỀ HỆ THỐNG DI TÍCH

### QUAN ĐIỂM BẢO TỒN

1. Bảo tồn theo cấp độ
2. Bảo tồn vùng di tích (I,II,III)
3. Bảo tồn các đối tượng di tích
4. Bảo tồn sự đa dạng về thiên nhiên, địa hình của di tích tạo điểm nhấn trong cấu trúc không gian đô thị.
5. Bảo tồn giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của di tích
6. Quản lý, kiểm soát về KT-XD. Khai thác & phát huy.

## VÙNG BẢO TỒN KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC - CẢNH QUAN

### VĂN HÓA - CẢNH QUAN



# I. TRUNG TÂM CHÍNH TRỊ BA ĐÌNH VÀ HOÀNG THÀNH THĂNG LONG

BT không gian cảnh  
quan khu vực Chủ Tịch  
nước & Chính phủ



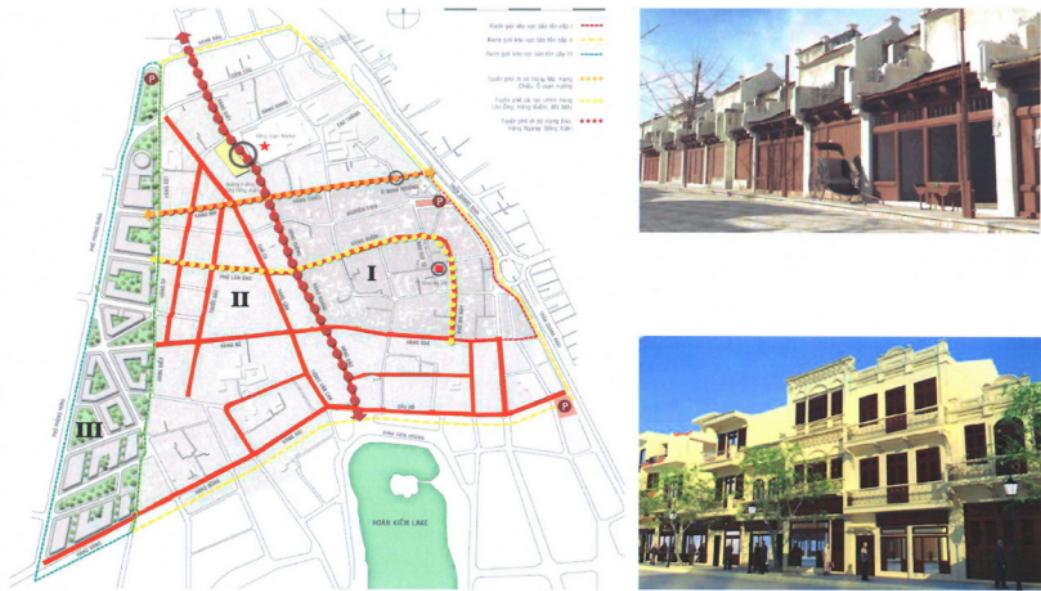
Cải tạo, chỉnh trang khu  
TW Đảng & CP

Trả lại khuôn viên  
cho Thành cổ.  
Tôn tạo, phục chế

BT Công viên DT  
VHLS Hoàng Thành  
& 18 Hoàng Diệu

BT di tích  
Cột Cờ

## II. BẢO TỒN KHU PHỐ CỔ HÀ NỘI



**Bước 1: Bảo tồn theo tuyến, chỉnh trang mặt phố  
Giai đoạn 2010 - 2015**

**Bước 2: Bảo tồn các ô phố  
Giai đoạn 2015 - 2020**

**Bước 3: Bảo tồn toàn bộ khu phố cổ (sau 2020)  
Quy chế quản lý KPC  
Kiểm soát xây dựng, kiến trúc, hạ tầng**

### III. BẢO TỒN KHU PHỐ CŨ HÀ NỘI

Kiểm kê, đánh giá và bảo tồn CT TGTN, nhà thờ

Cải tạo, chỉnh trang khu vực phía Tây Hồ Gươm

Quy hoạch, chỉnh trang các nút giao thông, quảng trường

Cải tạo, chỉnh trang mặt tiền tuyến phố

Mở rộng không gian cây xanh & thiết kế cảnh quan đô thị

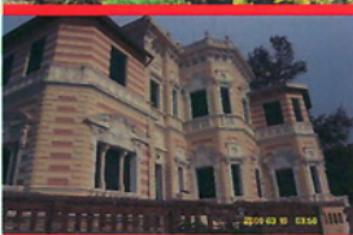
Bảo tồn cấu trúc phố, cải tạo, chỉnh trang tuyến phố



#### IV. BẢO TỒN CÁC VÙNG DI TÍCH VÀ LÀNG TRUYỀN THỐNG HÒA TÂY



Bảo tồn các công trình TGTN



Bảo tồn các công trình KT Pháp



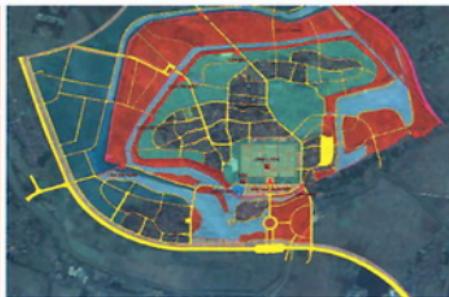
Bảo tồn không gian, cảnh quan sinh thái Hồ Tây



Chỉnh trang, cải tạo nhà dân và các công trình xung quanh hồ



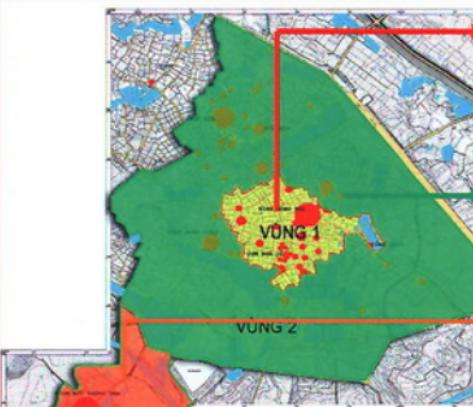
## V. BẢO TỒN KHU VỰC CẢNH QUAN KIẾN TRÚC CÁC KHU THÀNH CỐ



1. Bảo tồn, tôn tạo Thành Cố Loa
2. Bảo tồn, tôn tạo Thành cổ Sơn Tây

## VI. BẢO TỒN CÁC LÀNG CỔ VÀ LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG

1. Bảo tồn các làng cổ
2. Bảo tồn làng nghề truyền thống
3. Quy hoạch, chỉnh trang đối với các làng đã bị đô thị hóa.
4. Ưu tiên bảo tồn các công trình TGTN và các công làng hiện còn



### Vùng 1: trung tâm làng Đường Lâm

Bảo tồn toàn bộ các di tích xếp hạng Quốc gia  
Bảo tồn không gian kiến trúc và cấu trúc làng

### Vùng 2: Cam Thịnh, Đoài Giáp, Đông Sàng

Bảo tồn cảnh quan, di tích & nghề truyền thống

### Vùng 3: làng Cam Lâm

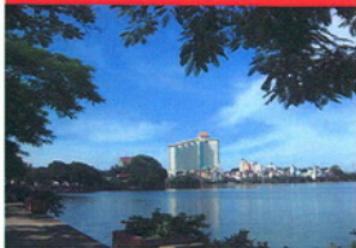
Bảo tồn cảnh quan, đặc trưng địa hình và di tích



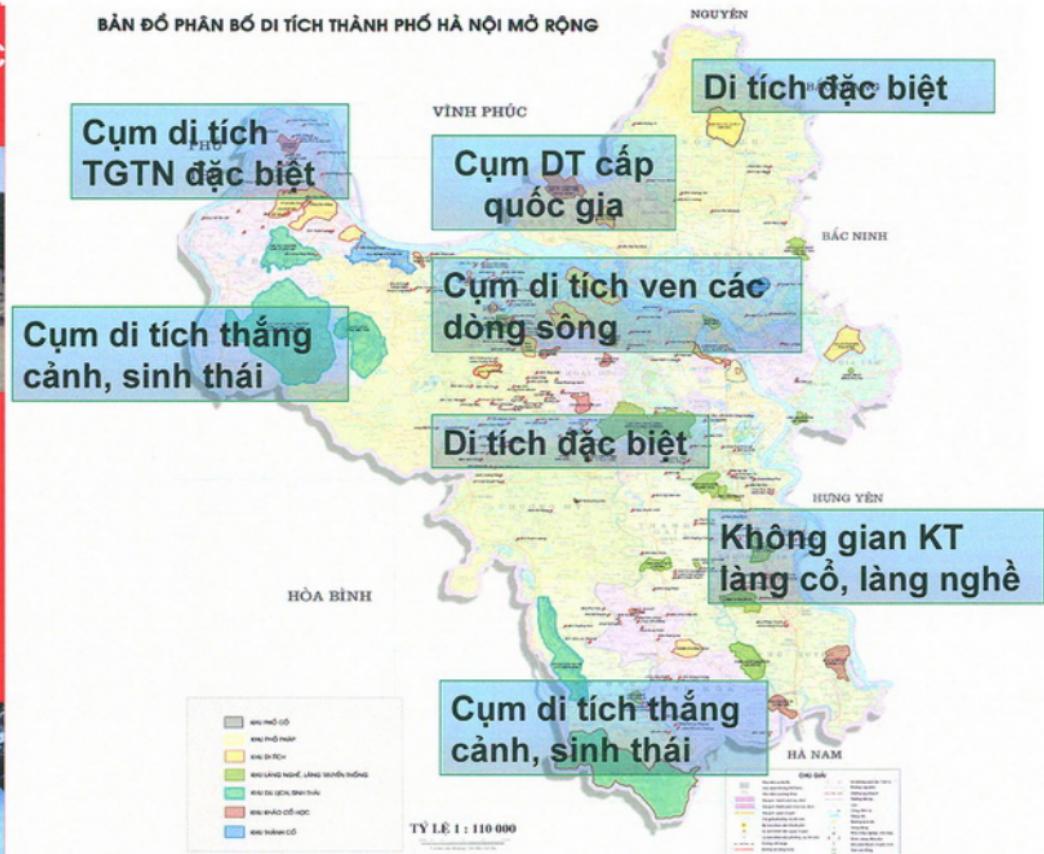
## VII. BẢO TỒN CÁC CỤM DI TÍCH VÀ CÁC DI TÍCH ĐƠN LẺ



## VIII. BẢO TỒN KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC CÀNH QUAN SINH THÁI



BẢN ĐỒ PHÂN BỐ DI TÍCH THÀNH PHỐ HÀ NỘI MỞ RỘNG

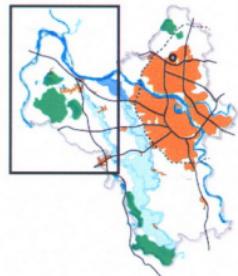
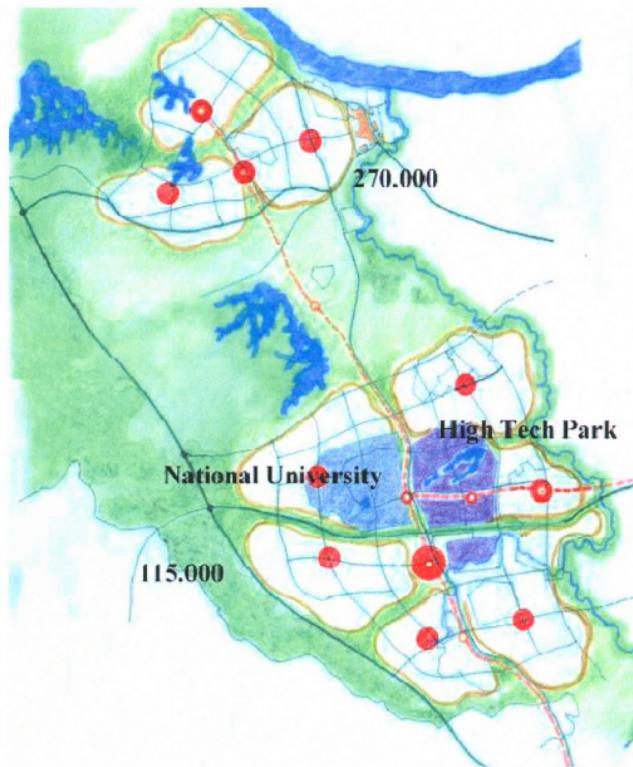


**Minh họa các  
thành phố vệ  
tinh**

**16**

# Sơ đồ Đô thị vệ tinh

## Đề xuất các vùng lân cận (50,000 – 115,000 dân)



Quy mô lớn của các đô thị vệ tinh yêu cầu phải chia nhỏ thành các vùng lân cận.

Mạng lưới các công viên tạo ra môi trường sống hấp dẫn cho người dân.

- Các trung tâm lân cận đảm bảo các chức năng và cung cấp các dịch vụ thiết yếu.

# Chi tiết sử dụng đất Đô thị vệ tinh

## Phân bố sử dụng đất

- Các đô thị vệ tinh được thiết kế để cung cấp đầy đủ theo yêu cầu sử dụng và các dịch vụ thiết yếu
- Phát triển đô thị mới thông thường liên quan tới:
  - Tỉ lệ người dân sinh sống: 40%-60% diện tích đô thị
  - Không gian mở và giải trí : 15%-20% diện tích đô thị
  - Trường học và các mục đích sử dụng công cộng: 10%-15% diện tích đô thị
  - Thương mại và hệ thống bán lẻ: 5%-10% diện tích đô thị
  - Công nghiệp/ nghiên cứu: 5%-10% diện tích đô thị
  - Giao thông/ Cơ sở hạ tầng: 10%-15% diện tích đô thị

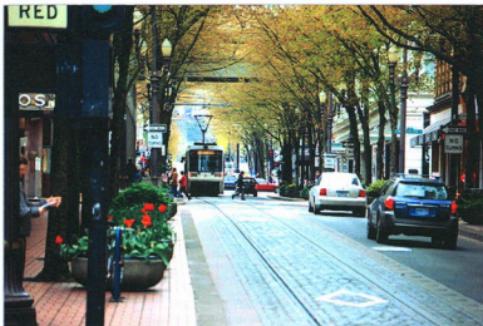
# Chương trình nhà ở thành phố vệ tinh



## Phân bố nhà ở

- Phát triển khu dân cư tương lai được thiết kế nhằm mang lại mật độ và các loại nhà ở hỗn hợp
- Các khu nhà ở được thiết kế để bao gồm các loại nhà như sau:
  - Nhà riêng biệt thự [1-2 tầng] 10% - 15% số nhà ở
  - Nhà lô [2-4 tầng] 10% - 20% số nhà ở
  - Nhà cao tầng trung bình [4-12 tầng] 25% - 40% số nhà ở
  - Nhà cao tầng [trên 12 tầng] 35% - 60% số nhà ở

# Đô thị vệ tinh Giao thông



## Chiến lược giao thông

- **Định hướng phát triển giao thông công cộng: (TODs)** nhấn mạnh các lựa chọn giao thông công cộng phi cơ giới hoá, nhưng không hoàn toàn không có ô tô.
  - Các trạm giao thông liên kiểu giữa hệ thống xe buýt nhanh và hệ thống đường sắt nhẹ nhằm giảm sự phụ thuộc vào ô tô như là một phương tiện đường bộ chính.

## Các bước tiếp theo

17

## Các bước Tiếp theo

- Nghiên cứu kỹ thuật về những vấn đề chính :
  - Cơ sở hạ tầng
  - Giao thông công cộng
  - Bảo tồn di sản
  - Định nghĩa và Xác định ranh giới hành lang xanh
  - Tác động môi trường
  - Chiến lược thiết kế bền vững
  - Chiến lược tài chính đô thị
  - Các vấn đề khác
- Tham vấn với các chuyên gia
- Tham vấn với UBND thành phố Hà Nội, Các hiệp hội nghề nghiệp, các cơ quan khác
- Chọn lựa Phát triển không gian cho tất cả các khu vực chính
- Phát triển phương án chọn
- Định hướng quy định phát triển đô thị

# Phụ lục

# Đô thị Phú Xuyên

## Chức năng:

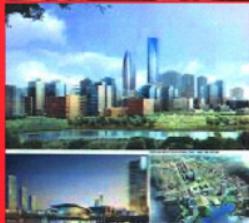
Dịch vụ và Công nghiệp chế biến

Quy mô dân số:

25 vạn người

Quy mô đất đai

47 km<sup>2</sup>



## Tầm nhìn

- Đô thị hiện đại cửa ngõ phía nam Thủ đô;
- Phát triển công nghiệp tri thức dựa trên chuỗi sản phẩm liên quan đến nông nghiệp, hậu cần vận tải, dịch vụ thương mại và y tế cấp vùng.
- Phát triển bền vững, bảo tồn các cụm làng nghề, kết hợp du lịch dịch vụ.

## Tính chất và các chức năng chủ yếu

- Là một trong những đô thị đối trọng của Thủ đô Hà Nội
- Là đô thị công nghiệp với ngành chế biến, bao quanh các sản phẩm nông nghiệp giữ vai trò chủ đạo;
- Là trung tâm dịch vụ tiếp vận, đầu mối phân phối nông sản và y tế cấp vùng khu vực phía Nam Hà Nội.



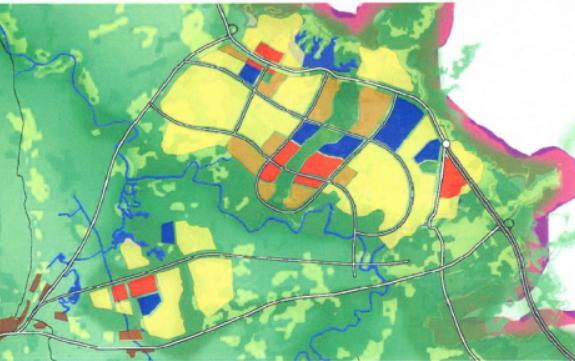
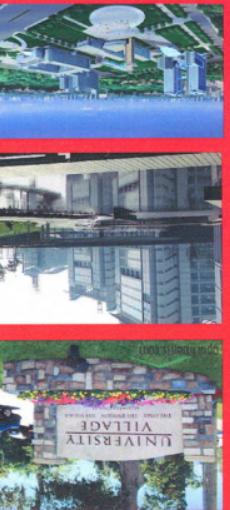
## Phương án C



Phát triển đô thị Xuan Mai trở thành đô thị vệ tinh, cửa ngõ phía Tây của Thủ đô, هو try cho các nhu cầu  
 mang hinh ảnh đặc trưng của một truong sinh thái vùng gò đồi.  
 Phát triển của vùng Tây Bắc, Chuc năng chủ yếu là dịch vụ công nghiệp, đào tạo và phát triển do thi moi  
 Tỉnh chia vua các chức năng chủ yeu

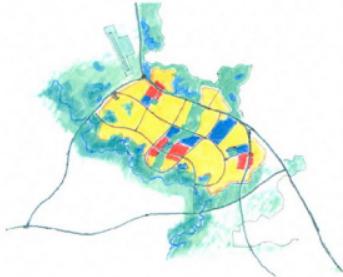
•Trung tam dien vnu ho tro vung Tay Bac  
 •Trung tam cong nghiep, tieu thu cong nghiep  
 •Khu do thi sinh thai gan voi dac trung go doi

35 km<sup>2</sup>  
 Quy m<sup>2</sup> daet dai  
 14,4 vuan nhan so:  
 Dich vu va Cong nghiep  
 Chuc nang:



PHUONG AN C

so Bo cau truc



Son  
 Mai Chuc  
 Do thi Xuan

Tam nhin:

# Đô thị Hòa Lạc

**Chức năng:**

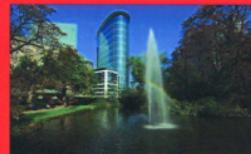
**Đô thị khoa học**

**Quy mô dân số:**

**70 vạn người**

**Quy mô đất đai**

**103 km<sup>2</sup>**

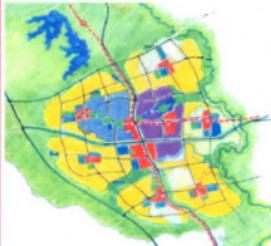


## Tầm nhìn:

- Phát triển đô thị Hòa Lạc trở thành đô thị khoa học, công nghệ cao là cực phát triển kinh tế đô thị đổi trọng của đô thị trung tâm hà Nội và vùng Thủ đô Hà Nội.

## Tính chất và các chức năng chủ yếu

- Trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học, công nghệ cao cấp Quốc gia và Quốc tế
- Trung tâm công nghiệp công nghệ cao và công nghệ quốc phòng.
- Khu đô thị mới xây dựng cao tầng hiện đại



SƠ ĐỒ CẤU TRÚC



PHƯƠNG ÁN C

# Đô thị Sóc Sơn

Chức năng:

Đô thị công nghiệp

- du lịch

Quy mô dân số:

14 vạn người

Quy mô đất đai

55km<sup>2</sup>



## Tầm nhìn

Đô thị Sóc Sơn sẽ là đô thị dịch vụ hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ du lịch, công nghiệp là một trung tâm văn hóa - lịch sử, đào tạo nhân lực, trung tâm y tế và trung tâm du lịch lớn của Hà Nội.

## Tính chất :

- Là trung tâm đầu mối hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia và thành phố
- Là trung tâm công nghiệp dịch vụ thương mại
- Trung tâm dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, thăm quan tín ngưỡng
- Là trung tâm đào tạo, y tế cấp vùng
- Là vùng cung cấp rau sạch cho Thành phố



SƠ ĐỒ CẤU TRÚC



PHƯƠNG ÁN C



# Đô thị Đông Anh

**Chức năng:**

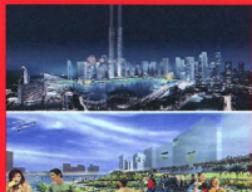
**Đô thị dịch vụ công nghiệp ứng dụng**

**Quy mô dân số:**

**23 vạn người**

**Quy mô đất đai**

**32km2**

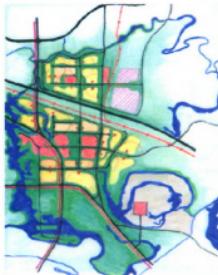


## Tâm nhìn

• Phát triển đô thị Đông Anh trở thành đô thị vệ tinh phía Bắc sông Hồng, là nơi giãn dân của đô thị trung tâm. Các chức năng chủ yếu là dịch vụ, tài chính, thương mại, giao dịch quốc tế, khoa học kỹ thuật gắn với công nghệ cao, KCN sạch và du lịch sinh thái.

## Tính chất và các chức năng chủ yếu

- Khu thương mại giao dịch quốc tế, khoa học kỹ thuật công nghệ cao
- Khu đô thị chất lượng cao
- Khu công viên văn hóa lịch sử
- KCN sạch kỹ thuật cao Đông Anh



SƠ ĐỒ CẤU TRÚC

## PHƯƠNG ÁN C



# Đô thị Mê Linh

Chức năng:

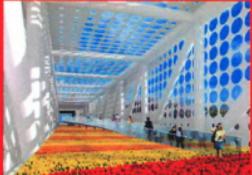
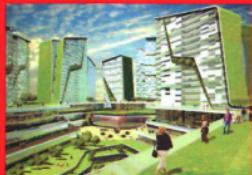
Đô thị dịch vụ công nghiệp tập trung

Quy mô dân số:

18 vạn người

Quy mô đất đai

41km<sup>2</sup>



## Tâm nhin

- Đô thị mới Mê Linh - thành phố của cây và hoa
- Đô thị mới Mê Linh sẽ có hệ thống các dịch vụ công cộng đồng bộ phục vụ tốt
- Đô thị mới Mê Linh sẽ là một đô thị hiện đại với cơ sở hạ tầng hiện đại và hoàn chỉnh
- Đô thị mới Mê Linh sẽ trở thành một môi trường sống chất lượng, một đô thị đầy năng động

## Tính chất và các chức năng chủ yếu

- Là trung tâm hành chính phía Bắc
- Là trung tâm dịch vụ y tế, giáo dục cấp vùng phía Tây Hà Nội.
- Là trung tâm công nghiệp tập trung công nghệ cao
- Là trung tâm thương mại hỗn hợp
- Là khu vực xây dựng nhà ở phúc lợi
- Là trung tâm trồng hoa của thủ đô Hà Nội
- Là trung tâm Du lịch sinh thái và vui chơi giải trí của Thành phố



PHƯƠNG ÁN C



# Đô thị Gia Lâm

**Chức năng:**

**Đô thị dịch vụ công nghiệp ứng dụng**

**Quy mô dân số:**

**58 vạn người**

**Quy mô đất đai**

**81km<sup>2</sup>**

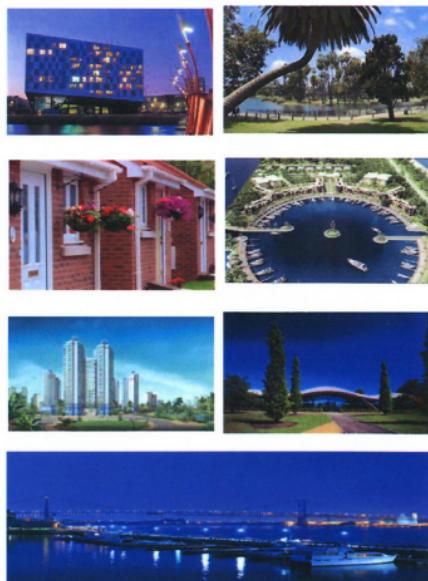
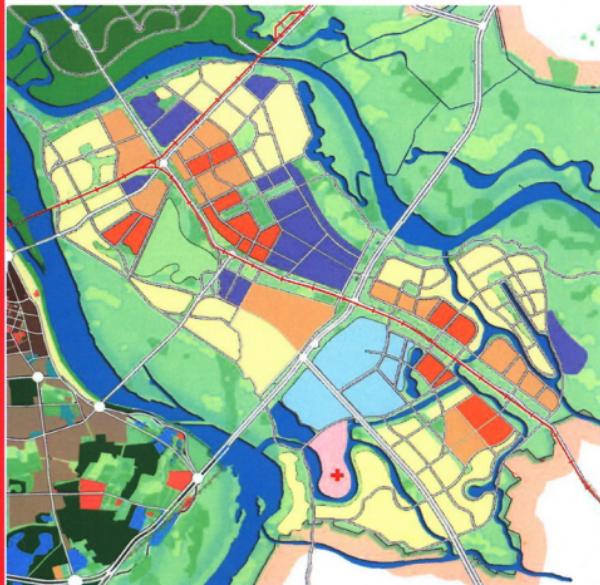


## Tầm nhìn:

• Phát triển đô thị Gia Lâm trở thành vùng đô thị có môi trường bền vững nằm phía Đông Bắc của đô thị trung tâm Thủ đô Hà Nội. Là khu vực phát triển mạnh các trung tâm dịch vụ chất lượng cao, hỗ trợ phát triển các ngành công nghiệp dọc quốc lộ 5, khu vực Phố Nối, Hải Dương và Hưng Yên.

## Tính chất và các chức năng chủ yếu:

- Là trung tâm dịch vụ hỗ trợ công nghiệp vùng phía đông - vùng thủ đô Hà Nội (Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương).
- Là trung tâm dịch vụ y tế, giáo dục cấp vùng phía Đông Bắc Hà Nội.
- Là trung tâm nghiên cứu khoa học, ứng dụng chất lượng cao.
- Là trung tâm trung chuyển hàng hóa.



# Đô thị Sơn Tây

Chức năng:

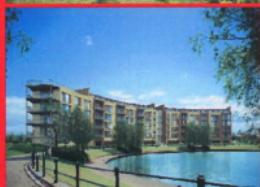
Đô thị văn hoá – du lịch

Quy mô dân số:

33 vạn người

Quy mô đất đai

52 km<sup>2</sup>



## Tầm nhìn:

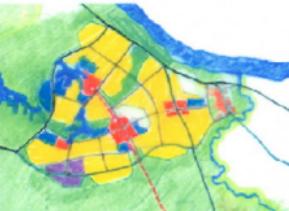
- Xây dựng một đô thị văn hoá lịch sử đặc trưng của vùng văn hoá xứ Đoài
- Là động lực chính phát triển thúc đẩy kinh tế vùng Tây Bắc của đồng bằng Bắc Bộ và Tây thủ đô Hà Nội
- Có vai trò an ninh quốc phòng

## Tính chất và các chức năng chủ yếu:

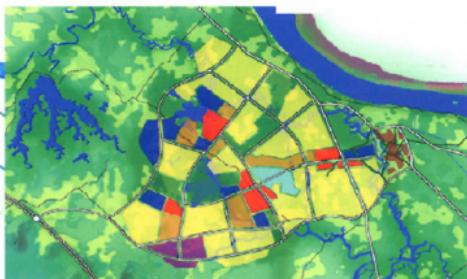
- Bảo tồn làng Đường lâm, Thành Cổ, bảo tồn khu vực sinh thái rừng quốc gia Ba Vì
- Là vùng văn hoá, du lịch, nghỉ dưỡng của vùng Thủ đô Hà Nội
- Là trung tâm khám chữa bệnh bằng phương pháp y học cổ truyền
- TT công nghệ sinh học, nghiên cứu vật nuôi cây trồng cấp quốc gia
- TT nghiên cứu và đào tạo lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật và bảo tồn
- Công viên quốc gia kết hợp khu vui chơi giải trí TDTT cấp quốc gia



PHƯỜNG ÁN C



SƠ ĐỒ CẤU TRÚC



# **Đánh giá môi trường chiến lược**

## Đánh giá sự phù hợp giữa mục tiêu qui hoạch với mục tiêu môi trường

TT	Mục tiêu qui hoạch	Ô nhiễm				Môi trường tự nhiên				Mục tiêu về xã hội, văn hóa				
		BV Nguồn nước mặt	BV Nguồn nước ngầm	BVMT không khí	BVMT Đất	BV Hệ sinh thái	Bảo tồn Nông nghiệp	Bảo vệ cảnh quan	Bản đồ khí hậu	Tài định cư	Lao động việc làm	Di sản văn hóa	CL cuộc sống	Sức khỏe cộng đồng
1	Bảo tồn các giá trị văn hóa lịch sử (từ vành đai 2 trở về trung tâm phía Nam sông Hồng).	Green	Green	Green	Green	Green	White	Green	Yellow	Green	Green	Green	Green	Green
2	Bảo tồn các giá trị sinh thái, cảnh quan, phát triển du lịch sinh thái (Sóc Sơn, Hương Sơn - Quan Sơn, Sơn Tây - Ba Vì).	Yellow	Green	Green	Green	Yellow	Green	Green	Green	Blue	Green	Green	Green	Green
3	Cải tạo cảnh quan và phát triển đô thị khu vực Dọc 2 bên sông Hồng, sông Tô Lịch.	Green	Green	Green	Green	Green	Blue	Green	Green	Red	Yellow	Green	Green	Green
4	Hành lang cảnh quan cây xanh mاء nước (2 bên sông Nhuệ, vùng xá lũ sông Đáy và sông Tích.	Green	Green	Green	Green	Green	Green	Green	Green	Yellow	Green	Green	Green	Green
5	Tái phát triển và cải tạo các khu đô thị hiện có (Đô thị lõi trung tâm từ vành đai 2 trở về trung tâm phía Nam sông Hồng).	Green	Green	Green	Green	Green	Yellow	Yellow	White	Blue	Green	Green	Green	Green
6	Phát triển các khu đô thị mới, cải tạo khu vực nông thôn (Vùng đô thị từ vành đai 2 đến sông Nhuệ phía Nam sông Hồng).	Red	Yellow	Yellow	Yellow	Yellow	Red	Yellow	Yellow	Green	Green	Green	Green	Green
7	Phát triển đô thị vệ tinh (TP. Sơn Tây, Sóc Sơn, Đông Anh, Thường tin - Phú Xuyên).	Yellow	Yellow	Yellow	Yellow	Yellow	Red	Yellow	Yellow	Green	Green	Green	Green	Green
8	Tạo các vành đai nông nghiệp - nông thôn vùng ngoại thi (vùng sản xuất ven sông Hồng, ven sông Đáy, phía Bắc và phía Đông Nam.	Green	Green	Green	Yellow	Green	Green	Green	Green	White	Green	Blue	Blue	Green
9	Phát triển công nghiệp và tiếp vận hàng hóa (Khu vực huyện Sóc Sơn, Đông Anh, khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Phú Xuyên, Thường Tín)	Yellow	Yellow	Yellow	Blue	Yellow	Red	Yellow	Yellow	Blue	Green	Blue	Green	Yellow



Ánh hưởng kiểm chế tuyệt đối  
Ánh hưởng kiểm chế đáng kể  
Ánh hưởng tích cực hoặc hỗ trợ



Hỗ trợ hoàn toàn  
Ánh hưởng không rõ  
Ánh hưởng không quan trọng

# Đánh giá sự phù hợp giữa mục tiêu qui hoạch và mục tiêu môi trường

## Môi trường

TỈNH THỊ NHỄN

TỈNH VĨNH PHÚC

TỈNH BẮC GIANG

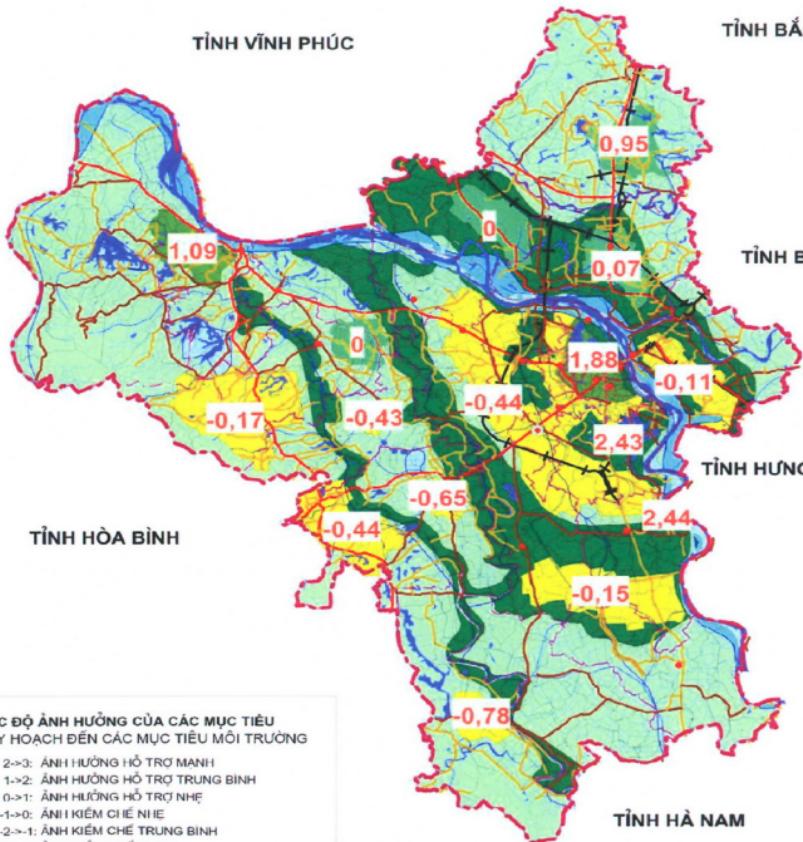
TỈNH BẮC NINH

TỈNH HƯNG YÊN

TỈNH HÒA BÌNH

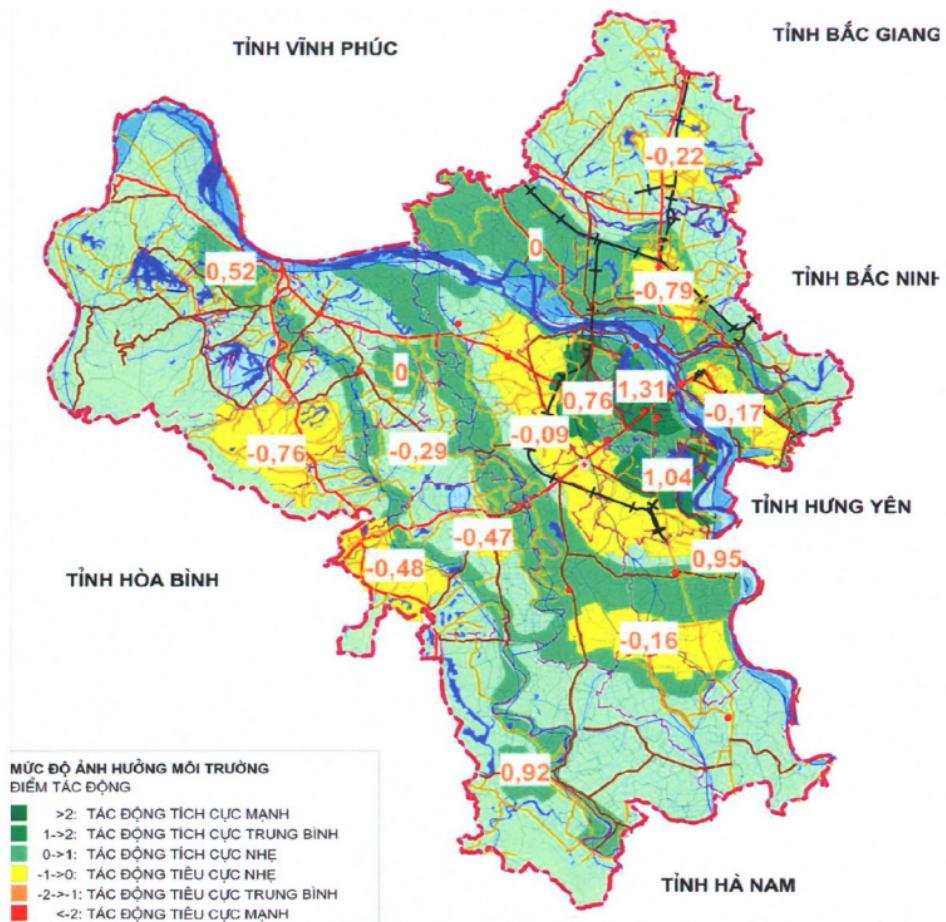
TỈNH HÀ NAM

- MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC MỤC TIÊU QUY HOẠCH ĐẾN CÁC MỤC TIÊU MÔI TRƯỜNG
- 2->3: Ảnh hưởng hỗ trợ mạnh
  - 1->2: Ảnh hưởng hỗ trợ trung bình
  - 0->1: Ảnh hưởng hỗ trợ nhẹ
  - -1->0: Ảnh kiềm chế nhẹ
  - -2->-1: Ảnh kiềm chế trung bình
  - -3->-2: Ảnh kiềm chế mạnh



# Đánh giá mức độ ảnh hưởng môi trường

## Môi trường



# Định hướng Đề xuất các biện pháp giảm thiểu tác động

## Môi trường

### Đề xuất các biện pháp giảm thiểu tác động

Mục tiêu, định hướng  
quy hoạch

Các thách thức lớn về  
môi trường

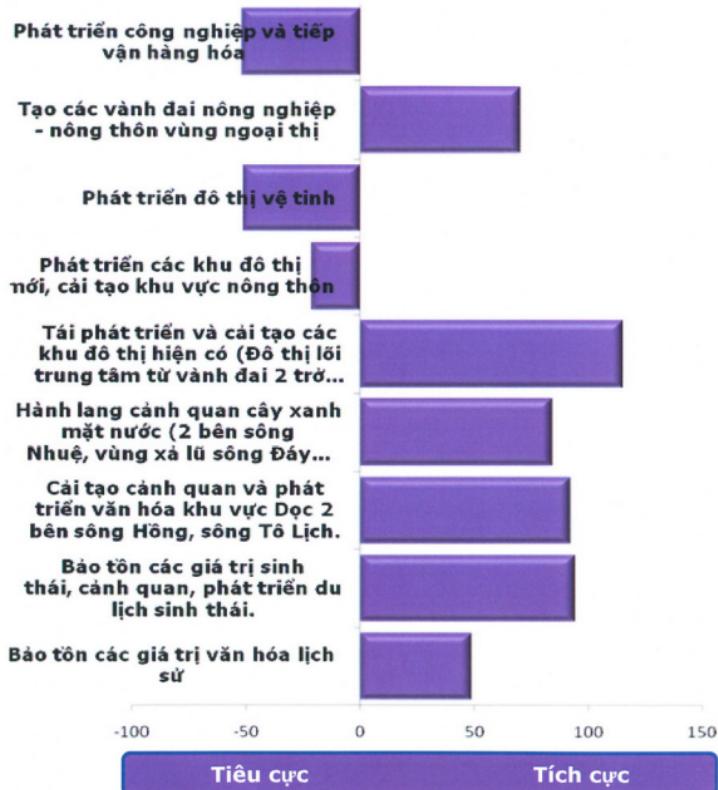
Diễn biến, hậu quả  
môi trường

Các  
biện  
pháp  
giảm  
thiểu

1. Loại bỏ tác động  
tiêu cực.
2. Giảm thiểu tác động  
tiêu cực
3. Bù đắp tác động tiêu  
cực

- Lồng ghép mục tiêu và chức năng môi trường vào từng khu vực quy hoạch
- Các phương án thay thế, điều chỉnh các định hướng, dự án chiến lược
- Các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực không thể tránh khỏi

### Ưu nhược điểm các định hướng và mục tiêu qui hoạch



### Mức độ chịu tác động tới các thành phần môi trường khi thực hiện qui hoạch

